

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

----- ๑๓ ๕๐ -----

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Du lịch

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Du lịch

Mã ngành : 7810101

THANH HÓA, 9/2021

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chương trình đào tạo ngành Du lịch trình độ đại học
theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học
áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Khung chương trình đào tạo theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học, cao đẳng định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức (theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHHD ngày 09/8/2017 và Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHD ngày 16/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức);

Căn cứ Văn bản đề nghị của khoa Khoa học Xã hội về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ngành DH Du lịch; Biên bản họp Hội đồng Thẩm định CTĐT ngành DH Du lịch, Biên bản thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chương trình đào tạo ngành Du lịch, trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021 (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trưởng khoa, Trưởng bộ môn quản lý học phần có trách nhiệm xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết học phần theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa học Xã hội, các bộ môn liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: Du lịch

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Du lịch

Mã ngành: 7810101

*(Ban hành theo Quyết định số 1707/QĐ-ĐHHD, ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

1 . Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Du lịch có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức sâu, rộng về văn hóa, pháp luật du lịch, lễ hành, lưu trú và các dịch vụ khác; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc để đảm nhận việc quản lý, tổ chức thực hiện các công việc; có khả năng sáng tạo, giải quyết được những vấn đề liên quan đến lĩnh vực nhà hàng - khách sạn, lễ hành và các dịch vụ bổ sung; có trách nhiệm với nghề nghiệp, môi trường và xã hội; thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa, có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển kinh tế xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Du lịch có mục tiêu cụ thể là đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo:

PO1. Người học được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2. Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội.

PO3. Người học được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft Excel), phần mềm trình chiếu (Microsoft Powerpoint).

PO4. Có được hệ thống kiến thức cơ bản về địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam; tâm lý học; ngôn ngữ; môi trường và con người; vận dụng được kiến thức liên ngành vào học tập và phục vụ công tác chuyên môn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường và bản sắc văn hóa Việt Nam.

PO5. Người học nắm vững kiến thức về thể chế chính trị, các quy định của nhà nước về văn hóa, du lịch; nghiệp vụ du lịch, các loại hình du lịch và sự kiện văn hóa - du lịch.

PO6. Có khả năng thực hiện các nghiên cứu độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề có tính thực tiễn trong du lịch; tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy về du lịch; khả năng học tập ở trình độ cao, khả năng tự học, trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời.

PO7. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học, kỹ năng quản lý để có thể thực hành và phát triển nghề nghiệp.

PO8. Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

2 . Thời gian đào tạo: 4 năm (48 tháng).

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:124 tín chỉ (không tính các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Kiểm tra, đánh giá và thang điểm: theo Quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

7. Nội dung chương trình:

Khối kiến thức	Số tín chỉ
7.1 . Kiến thức giáo dục đại cương	33
7.1.1. Lý luận chính trị	13
7.1.2. Ngoại ngữ:	10
7.1.3. Toán, Tin học, khoa học TN, XH, CN, MT	10
- <i>Bắt buộc</i>	8
- <i>Tự chọn</i>	2
7.1.4. Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)	
7.1.5. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)	
7.2 . Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91
7.2.1. Kiến thức cơ sở	17
- <i>Bắt buộc</i>	11
- <i>Tự chọn</i>	6
7.2.2. Kiến thức ngành	63
- <i>Bắt buộc</i>	45
- <i>Tự chọn</i>	18
7.2.3. Thực tập nghề nghiệp	5
7.2.4. Khóa luận tốt nghiệp	6
Tổng	124

8. Kế hoạch giảng dạy

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập , thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KHÔI KIẾN THỨC GDĐC		33							
I	Lý luận chính trị		13							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26	0	135	1		LL Mác-Lênin
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18	0	90	2	1	LL Mác-Lênin
3	196065	Chủ nghĩa XH khoa học	2	21	18	0	90	3	2	LL Mác-Lênin
4	198030	Lịch sử Đảng CSVN	2	21	18	0	90	4	3	LSD-TT HCM
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	0	90	4	3	LSD-TT HCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	24	0	90	3		Luật
II	Khoa học xã hội		6							
7	124255	Phương pháp NCKH	2	18	24	0	90	3		Lịch sử
8	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	18	6	90	1		VNH-DL
9	Chọn 1 trong 3 học phần		2							
a	181145	Tâm lí học đại cương	2	18	24	0	90	1		Tâm lí
b	122005	Các vấn đề XH đương đại	2	18	24	0	90	1		XHH
c	124115	Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	2	18	24	0	90	1		Lịch sử
III	Ngoại ngữ		10							
10	133031	Tiếng Anh 1	4	36	48	0	180	1		Ngoại ngữ KC
11	133032	Tiếng Anh 2	3	27	36	0	135	2	10	Ngoại ngữ KC
12	133033	Tiếng Anh 3	3	27	36	0	135	3	11	Ngoại ngữ KC
IV	Tin-KHTN-Môi trường		4							
13	173080	Tin học	2	10	0	40	90	1		Mạng Máy tính và UD
14	125105	Môi trường và con người	2	18	24	0	90	2		Sinh học
V	Giáo dục thể chất									
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	6	0	24	90	1		Bóng -ĐK
	Giáo dục thể chất 2 (chọn 1/5HP)		2					2		Bóng -ĐK
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90			Bóng -ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90			Bóng -ĐK
c	191033	Bóng đá	2			30	90			Bóng -ĐK
d	191034	Bóng rổ	2			30	90			Bóng -ĐK
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90			Bóng -ĐK
VI	Giáo dục quốc phòng (tiết)		165							GDQP
B	KHÔI KIẾN THỨC GDCN		91							
I	Kiến thức cơ sở		17							
15	127099	Tổng quan du lịch	3	27	36	0	135	1		VNH-DL

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
16	124046	Lịch sử Việt Nam	2	18	24	0	90	2		Lịch sử
17	121076	Hán Nôm	2	18	0	24	90	3		Ngữ Văn
18	124095	Hệ thống di tích - danh thắng Việt Nam	2	18	24	0	90	2		VNH-DL
19	124050	Các dân tộc Việt Nam	2	18	24	0	90	4		VNH-DL
20	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	127020	Phong tục tập quán VN	2	18	18	6	90	3	8	VNH-DL
b	127021	Văn hóa Đông Nam Á	2	18	24	0	90	3		VNH-DL
21	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	124225	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở VN	2	18	24	0	90	4	8	VNH-DL
b	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	18	24	0	90	4		VNH-DL
22	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	127046	Văn hóa ẩm thực VN	2	18	24	0	90	6	8	VNH-DL
b	127040	Kỹ năng đàm phán	2	18	15	9	90	6		VNH-DL
II	Kiến thức ngành		63							
23	125180	Tuyến và điểm du lịch VN	3	27	36	0	135	3	18	VNH-DL
24	128007	TN và môi trường DLVN	2	18	18	6	90	2		Địa lý
25	127049	Tiếng Anh du lịch 1	3	27	36	0	135	5	10	VNH-DL
26	127050	Tiếng Anh du lịch 2	3	27	0	36	135	6	24	VNH-DL
27	128011	Địa lý du lịch Việt Nam	2	18	18	6	90	2		Địa lý
28	127055	Thực hành tuyến, điểm du lịch 1	2	0	0	60	90	4	23	VNH-DL
29	127057	Thực hành tuyến, điểm du lịch 2	2	0	0	60	90	7	23	VNH-DL
30	127058	Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch	3	27	18	18	135	5		VNH-DL
31	127030	PT du lịch bền vững	2	18	18	6	90	4		VNH-DL
32	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	127072	Văn hóa du lịch	2	18	18	6	90	4		VNH-DL
b	127073	Văn hóa DN du lịch	2	18	18	6	90	4		VNH-DL
33, 34	Chọn 2 trong 4 học phần									
a	127011	Pháp luật về du lịch	2	18	18	6	90	5		VNH-DL
b	127025	QL nhà nước về du lịch	2	18	18	6	90	5		VNH-DL
c	125100	Marketing du lịch	2	18	24	0	90	5		VNH-DL
d	127012	Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch	2	15	0	30	90	5		VNH-DL

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
35	127054	Tổ chức sự kiện và DL MICE	4	30	0	60	180	6		VNH-DL
36	127039	Tổ chức HD du lịch	4	30	0	60	180	5		VNH-DL
37	127062	Nghiệp vụ KS cơ bản	4	30	0	60	180	4		VNH-DL
38	127063	NV phục vụ nhà hàng	4	30	0	60	180	7		VNH-DL
39	127031	Thiết kế và điều hành tour	3	15	0	60	135	6		VNH-DL
40	127053	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống	4	30	0	60	180	7		VNH-DL
41	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	125030	Du lịch sinh thái	2	18	24	0	90	5	15	VNH-DL
b	127033	Thuyết minh du lịch	2	15	0	30	90	5		VNH-DL
42	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	127013	Du lịch cộng đồng & Homestay	2	15	0	30	90	6	15	VNH-DL
b	127035	Du lịch làng nghề	2	15	0	30	90	6	15	VNH-DL
43	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	127034	DL tôn giáo và tâm linh	2	18	15	9	90	7	15	VNH-DL
b	127037	Du lịch văn hóa và di sản	2	18	15	9	90	7		VNH-DL
44	Chọn 3 trong 4 học phần		4							
46										
a	151001	Kinh tế du lịch	2	18	18	6	90	7		Kinh tế
b	127078	Quản trị điểm đến du lịch	2	18	15	9	90	7	23	VNH-DL
c	127017	Kinh doanh du lịch trực tuyến	2	15	0	30	90	7		QTKD
d	127038	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	2	18	15	9	90	7		VNH-DL
III	Thực tập, KLTN/HP thay thế		11							
47	123190	Thực tập tốt nghiệp	5	0	0	0		8		VNH-DL
48a	124101	Khóa luận tốt nghiệp	6					8		
	Học phần thay thế							8	47	
	Chọn 2 trong 3 học phần									
a	127014	Kinh doanh lữ hành	3	27	18	18	135	8		VNH-DL
b	127059	Thiết kế và phát triển SP du lịch	3	27	18	18	135	8		VNH-DL
c	127079	Khởi nghiệp trong DL	3	27	18	18	135	8		QTKD
	Tổng		124							

9. Đề cương học phần

9.1. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN/ PHILOSOPHY OF MARXISM AND LENINISM

- Số tín chỉ: 3 (32,26,0)
- Mã học phần: 196055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mács - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần* gồm: 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mács - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mács - Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.

- *Năng lực đạt được:* Người học nắm vững lý luận triết học Mács - Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển và vai trò của triết học Mács - Lênin trong đời sống xã hội. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường DVBC và phương pháp luận biện chứng duy vật.
- Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo.
- Biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.
- Nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của chủ nghĩa Mács-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (9LT:08TL)

1. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

- 1.1. Khái lược về triết học
- 1.2. Vấn đề cơ bản của triết học
- 1.3. Biện chứng và siêu hình

2. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

- 2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin
- 2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin
- 2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG (9LT:08TL)

1. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

- 1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất
- 1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức
- 1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

- 2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật
- 2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật

3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC

- 3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng
- 3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức
- 3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức
- 3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức
- 3.5. Tính chất của chân lý

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (14LT:10TL)

1. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

- 1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội
- 1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- 1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
- 1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

2. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

- 2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp
- 2.2. Dân tộc
- 2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại

3. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI

- 3.1. Nhà nước
- 3.2. Cách mạng xã hội

4. Ý THỨC XÃ HỘI

- 4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội
- 4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội

5. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

5.1. Khái niệm con người và bản chất con người

5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người

5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Giáo trình chính

1. Bộ GD & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

2. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin* (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB CTQG, 2015.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui *Giáo trình triết học Mác-Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG; 2005

2. Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử triết học*, NXB CTQG, 1997.

9.2. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN/ POLITICAL ECONOMICS OF MARXISM AND LENINISM

- Số tín chỉ: 2 (21, 18,0)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Má - Lênin
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Má-Lênin

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần* gồm: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Má - Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Má - Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

- *Năng lực đạt được:* Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Khái quát lịch sử hình thành, đối tượng, phương pháp, chức năng của kinh tế chính trị Má - Lênin. Quan điểm của chủ nghĩa Má - Lênin về hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật kinh tế chủ yếu của sản xuất hàng hóa; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Ý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Xây dựng và nâng cao lập trường tư tưởng chính trị, ý thức hệ của chủ nghĩa Má - Lênin đối với người học.
- Người học nhận thức rõ hơn về con đường đi lên CNXH ở nước ta hiện nay.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (4 LT : 3 TL)

I. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Má - Lênin

1. Chủ nghĩa trọng thương
2. Chủ nghĩa trọng nông
3. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh

4. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin
2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

III. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Chức năng nhận thức
2. Chức năng thực tiễn
3. Chức năng tư tưởng
4. Chức năng phương pháp luận

Chương 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG (4 LT : 3 TL)

I. Lý luận của C.Mác về hàng hóa

1. Điều kiện ra đời, tồn tại của sản xuất hàng hoá
2. Hàng hoá
3. Tiền tệ

II. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

1. Thị trường
2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường

Chương 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư.

1. Công thức chung của tư bản
2. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản
3. Sản xuất giá trị thặng dư
4. Tư bản bất biến và tư bản khả biến
5. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư
6. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa

II. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

1. Tuần hoàn của tư bản
2. Chu chuyển của tư bản
3. Tư bản cố định và tư bản lưu động

III. Tích lũy tư bản

1. Thực chất của tích lũy tư bản và các nhân tố quyết định quy mô tích lũy tư bản
2. Quy luật chung của tích lũy tư bản

IV. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

1. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận
2. Lợi nhuận bình quân
3. Các hình thái tư bản và lợi nhuận của chúng

Chương 4: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (4 LT : 3 TL)

I. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền
2. Đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

1. Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản
2. Giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản
3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

Chương 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM (3 LT : 3 TL)

I. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

III. Các quan hệ lợi ích ở Việt nam

1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế
2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích

Chương 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM (3 LT : 3 TL)

I. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa
2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế
2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam
3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam
4. **Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
5. **Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. **Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.
7. **Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện:

bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Giáo trình chính

1- Bộ GD & ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

2. Bộ GD& ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, NXB CTQG, 2004.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Văn kiện đảng toàn tập tập tập: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.

9.3. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM

- Số tín chỉ: 2 (21, 18,0)
- Mã học phần: 196065
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần* gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- *Năng lực đạt được:* Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Người học có được kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Người học có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu, phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Có niềm tin vào mục tiêu và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo; tin tưởng con đường XHCN mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (4 LT : 0 TL)

1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 . Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH

3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH

CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN (3 LT : 3 TL)

1 . Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân.

1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1.3. Những điều kiện và quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.

2.1. Giai cấp công nhân hiện nay.

2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH (3 LT : 3 TL)

1. Chủ nghĩa xã hội

1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái KT-XH cộng sản chủ nghĩa.

1.2. Điều kiện ra đời của CNXH

1.3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH

2. Thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH

2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH

3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam

3.1. Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

3.2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (3 LT : 3 TL)

1. Dân chủ và dân chủ XHCN

1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước XHCN.

2.2. Mối quan hệ giữa XHCN và nhà nước XHCN

3. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

3.1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam

3.2. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

3.3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN XHCN (3 LT : 3 TL)

1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN XHCN (3 LT : 3 TL)

1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH

1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc

1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo

2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước hiện nay

3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH (3 LT : 3 TL)

1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

1.1. Khái niệm gia đình

1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

1.3 Chức năng cơ bản của gia đình

2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

2.3. Cơ sở văn hóa

2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

[1]. Bộ GD & ĐT (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ GD & ĐT (2015), *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin* (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB CTQG.

[2]. Bộ GD & ĐT (2008), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường ĐH, CĐ*, NXB CTQG.

9.4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM /HISTORY OF VIETNAMESE COMMUNIST PARTY

- Số tín chỉ: 2 (21, 18,0)
- Mã học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Trình bày khái quát về đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử Đảng. Chương 2: Trình bày sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền giai đoạn 1930-1945. Chương 2: Trình bày quá trình đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước giai đoạn 1945 -1975. Chương 3: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước giai đoạn 1975 đến nay.

- *Năng lực đạt được:* Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

2 . Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930) và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945 -1975) Đồng thời cũng thấy được vai trò lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề đặt ra, có phương pháp nhận thức biện chứng khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay; phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng, đồng thời giúp người học gắn tư duy lý luận với thực tiễn, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo; Vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương nhập môn: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (6 LT : 5 TL)

I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- 1.1. Đối tượng nghiên cứu
- 1.2. Phạm vi nghiên cứu

II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- 2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng
- 2.2. Nhiệm vụ của môn học

III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- 3.1. Phương pháp luận
- 3.2. Các phương pháp cụ thể

Chương 1 : ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945) (6 LT : 5 TL)

1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)

- 1.1.1. Bối cảnh lịch sử
- 1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng
- 1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
- 1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

1.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

- 1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932- 1935
- 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939
- 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945
- 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Chương 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975)(6LT : 5 TL)

2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

- 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946
- 2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950
- 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954
- 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ

2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

- 2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965
- 2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975
- 2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954- 1975

Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018) (3 LT : 3 TL)

3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)

3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981

3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982- 1986

3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)

3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội 1986-1996

3.2.2 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996-2018

3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ GD&ĐT (2021), *Lịch sử Đảng CSVN*, NXB CTQGST.
2. Bộ GD&ĐT (2006), *Lịch sử Đảng CSVN*, NXB CTQG.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ GD&ĐT (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III*, NXB CTQG.
2. Văn kiện Đảng toàn tập tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,IX,X,XI,XII,XIII (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001, 2001) NXB CTQG.

9.5. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/ HO CHI MINH'S IDEOLOGY

- Số tín chỉ: 2 (21, 18,0)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử Đảng - Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung môn học:* gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học

- *Năng lực đạt được:* Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 LT, 0 TL)

I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

- a) Thống nhất tính Đảng và tính khoa học
- b) Thống nhất lý luận và thực tiễn
- c) Quan điểm lịch sử - cụ thể
- d) Quan điểm toàn diện và hệ thống

e) Quan điểm kế thừa và phát triển

2. Một số phương pháp cụ thể

IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận

2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước

3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác

Chương II: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 LT, 2 TL)

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở thực tiễn

- a) Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
- b) Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

2. Cơ sở lý luận

- a) Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam
- b) Tinh hoa văn hóa nhân loại
- c) Chủ nghĩa Mác - Lênin

3. Nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh

- a) Phẩm chất Hồ Chí Minh
- b) Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận

H. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ trước ngày 5- 6- 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm đường cứu nước mới

2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941 : Vượt qua sóng gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo

5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. Đối với cách mạng Việt Nam

a) Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay

2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại

a) Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân

tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới

Chương III: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (2 LT, 4 TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

1. Vấn đề độc lập dân tộc

- a) Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc
- b) Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân
- c) Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để
- d) Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

2. Về cách mạng giải phóng dân tộc

- a) Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản
- b) Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của cách mạng Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo
- c) Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công - nông làm nền tảng
- d) Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc
- e) Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

- a) Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội
- b) Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan
- c) Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- a) Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- b) Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- a) Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ
- b) Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

- 1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội
- 2.. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc
- 3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1 . Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định

2 . Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa

3. củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị

4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Chương IV: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN (2 LT , 4 TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh

- a) Đảng là đạo đức, là văn minh
- b) Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng
- c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Nhà nước dân chủ

- a) Bản chất giai cấp của nhà nước
- b) Nhà nước của dân, do dân, vì dân

2. Nhà nước pháp quyền

- a) Nhà nước hợp hiến, hợp pháp
- b) Nhà nước thượng tôn pháp luật
- c) Pháp quyền nhân nghĩa\

3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh

- a) Kiểm soát quyền lực nhà nước
- b) Phòng, chống tiêu cực trong nhà nước

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC

1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh

2. Xây dựng nhà nước

Chương V: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ (2 LT, 2 TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc

- a) Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng
- b) Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam

2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- a) Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- b) Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất

- a) Mặt trận dân tộc thống nhất
- b) Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế

- a) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cách mạng.
- b) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.

2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

- a) Các lực lượng cần đoàn kết
- b) Hình thức tổ chức

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

- a) Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình.
- b) Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng.

2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

Chương VI: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI (5 LT, 6 TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

- a) Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hoá
- b) Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

- a) Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng
- b) Văn hóa là một mặt trận
- c) Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng

- a) Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng
- b) Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- a) Trung với nước, hiếu với dân
- b) Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
- c) Thương yêu con người, sống có tình, có nghĩa

d) Tinh thần quốc tế trong sáng

3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

a) Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

b) Xây đi đôi với chống

c) Tu dưỡng đạo đức suốt đời

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người

IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người

2. Về xây dựng đạo đức cách mạng

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*.NXB Chính trị quốc gia sự thật

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)*

2. Hồ Chí Minh (2016), *Biên niên tiểu sử* (10 tập). NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*.NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

4. Võ Nguyên Giáp (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*.NXB Chính trị quốc gia.

9.6. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/GENERAL LAW

- Số tín chỉ: 2 (18,24, 0)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần* gồm: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: *Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.*

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. Đồng thời trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học trong việc giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc, và trong cộng đồng dân cư. Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày. Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2.3 Mục tiêu thái độ: Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản để từ đó giúp cho sinh viên tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; Vận dụng kiến thức của học phần Pháp luật đại cương vào trong quá trình học tập và công tác trên thực tiễn sau này.

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

(LT: 02; TL: 01)

I. Nguồn gốc nhà nước.

1. Một số quan điểm phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước.
2. Quan điểm của học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước.

II. Bản chất, các dấu hiệu cơ bản và chức năng của nhà nước.

1. Bản chất của nhà nước.
 - a. Tính giai cấp

- b. Tính xã hội.
- 2. Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
 - a. Khái niệm
 - b. Những dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
- 3. Chức năng của nhà nước.
 - a. Khái niệm
 - b. Các chức năng của nhà nước

III. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

- 1. Bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam.
 - a. Khái niệm
 - b. Bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam
- 2. Chức năng của nhà nước ta.

CHƯƠNG : MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT (LT: 04; TL: 04)

I. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật.

- 1. Nguồn gốc của pháp luật.
- 2. Bản chất của pháp luật.
 - a. Tính giai cấp
 - b. Tính xã hội

II. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của pháp luật.

- 1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật
- 2. Quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác.

III. Hình thức pháp luật.

- 1. Khái niệm
- 2. Các hình thức pháp luật.

IV. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật XHCN.

- 1. Quy phạm pháp luật.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật.
 - b. Cơ cấu của quy phạm pháp luật.
- 2. Văn bản quy phạm pháp luật XHCN.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật.
 - b. Phân loại văn bản quy phạm pháp luật.

V. Quan hệ pháp luật.

1. Khái niệm quan hệ pháp luật.
2. Thành phần của quan hệ pháp luật.

VI. Thực hiện pháp luật. Vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý.

1. Thực hiện pháp luật.
 - a. Khái niệm.
 - b. Các hình thức thực hiện pháp luật.
2. Vi phạm pháp luật.
 - a. Khái niệm và các dấu hiệu của vi phạm pháp luật.
 - b. Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.
 - c. Các loại vi phạm pháp luật.
3. Trách nhiệm pháp lý.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý.
 - b. Các loại trách nhiệm pháp lý

VII. Pháp chế XHCN.

1. Khái niệm.
2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN.
3. Các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN.

CHƯƠNG 3: LUẬT HIẾN PHÁP

(LT: 02; TL: 02)

I. Khái quát chung về luật hiến pháp.

1. Định nghĩa Luật hiến pháp.
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1. Khái quát về bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam
 - a. Khái niệm
 - b. Phân loại hệ thống các cơ quan nhà nước
2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta
 - a. Nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
 - b. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo
 - c. Nguyên tắc tập trung, dân chủ
 - d. Nguyên tắc pháp chế XHCN
 - e. Nguyên tắc đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc

3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước

a. Vị trí, tính chất

b. Chức năng

III. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

1. Khái niệm, nguồn gốc, bản chất và tính chất của quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

2. Quy định của Liên hợp quốc và điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

3. Quy định Hiến pháp 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

4. Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (sau đây viết tắt là XHCN);

5. Trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể (nhà nước, tổ chức, cá nhân) trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

CHƯƠNG 4: LUẬT HÀNH CHÍNH

(LT: 01; TL: 01)

I. Khái quát chung về luật hành chính.

1. Định nghĩa Luật hành chính

2. Đối tượng điều chỉnh phương pháp điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính

1. Quan hệ pháp luật hành chính

2. Trách nhiệm hành chính

II. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

1. Định nghĩa vi phạm hành chính

2. Xử lý vi phạm hành chính

a. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính

b. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

c. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

III. Cán bộ, công chức. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ công chức.

1. Khái niệm cán bộ, công chức

2. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, công chức.

CHƯƠNG 5: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(LT: 01; TL: 01)

I. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng

1. Khái niệm tham nhũng

2. Đặc điểm của tham nhũng
3. Những hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành

II. Nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng

1. Nguyên nhân khách quan
2. Nguyên nhân chủ quan

III. Tác hại của tham nhũng

1. Chính trị
2. Kinh tế
3. Xã hội

IV. Các biện pháp phòng chống tham nhũng

1. Nhóm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng
2. Nhóm các biện pháp phòng chống tham nhũng

CHƯƠNG 6: LUẬT DÂN SỰ - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (LT: 04; TL: 01; TH 6)

A. Luật dân sự.

I. Khái quát chung về luật dân sự.

1. Định nghĩa luật dân sự
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Nội dung cơ bản của luật dân sự.

1. Quyền sở hữu
 - a. Khái niệm quyền sở hữu
 - b. Nội dung quyền sở hữu
2. Thừa kế.
 - a. Khái niệm thừa kế
 - b. Người để lại di sản thừa kế
 - c. Người hưởng thừa kế
 - d. Hình thức thừa kế
3. Hợp đồng dân sự.
 - a. Khái niệm hợp đồng dân sự
 - b. Hình thức hợp đồng dân sự
 - c. Nội dung hợp đồng dân sự
4. Trách nhiệm dân sự
 - a. Khái niệm trách nhiệm dân sự
 - b. Các hình thức trách nhiệm dân sự

B. Luật hôn nhân và gia đình

I. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình.

1. Định nghĩa luật hôn nhân gia đình
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Nội dung cơ bản.

1. Kết hôn.
 - a. Khái niệm kết hôn
 - b. Điều kiện kết hôn
2. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con.
 - a. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng
 - b. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con
3. Chấm dứt hôn nhân.
 - a. Khái niệm
 - b. Các trường hợp chấm dứt hôn nhân
 - c. Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hôn nhân

CHƯƠNG 7: LUẬT HÌNH SỰ (LT: 02; TL: 01; TH: 03)

I. Khái quát chung về luật hình sự.

1. Định nghĩa Luật hình sự
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tội phạm.

1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm.
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm

2. Phân loại tội phạm.

III. Hình phạt và các biện pháp tư pháp.

1. Hình phạt.
 - a. Khái niệm
 - b. Các loại hình phạt
2. Các biện pháp tư pháp khác

CHƯƠNG 8: LUẬT LAO ĐỘNG (LT: 02; TL: 01; TH: 03)

I. Khái quát chung về luật lao động.

1. Định nghĩa luật lao động
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Những nội dung cơ bản.

1. Hợp đồng lao động.
 - a. Khái niệm
 - b. Hình thức
 - c. Nội dung
2. Quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.
 - a. Quyền, nghĩa vụ của người lao động
 - b. Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động.

3. Công đoàn.

- a. Khái niệm
- b. Vị trí, tính chất, chức năng của Công đoàn

4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

- a. Thời giờ làm việc
- b. Thời giờ nghỉ ngơi

5. Tiền lương và phụ cấp

- a. Tiền lương
- b. Phụ cấp

6. Kỷ luật lao động. Trách nhiệm vật chất.

- a. Kỷ luật lao động
- b. Trách nhiệm vật chất

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động (Quyển 1).

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), *Giáo trình pháp luật đại cương*, NXB Chính trị Quốc gia (Quyển 1).

2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân (Quyển 2).

9.7. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/RESEARCH METHODOLOGY

- Số tín chỉ: 02 (18, 24,0)
- Mã học phần: 124255
- Bộ môn phụ trách: Lịch sử
- Học phần tiên quyết: Không.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó xác định và mô tả được vấn đề nghiên cứu. Trang bị cho sinh viên phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin thu thập được. Từ đó trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

Năng lực đạt được: Sinh viên nghiên cứu độc lập một vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội; xây dựng, chứng minh và trình bày được các quan điểm khoa học; trình bày được một báo cáo khoa học hoặc viết được một đề tài khoa học; vận dụng được kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở bậc đại học.

2. Mục tiêu của học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức :

- Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức cần thiết để nhận dạng một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế. Hiểu và áp dụng được các phương pháp trong phân tích vấn đề nghiên cứu.

- Sinh viên biết trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu kinh tế xã hội.
- Có kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin kinh tế và thuyết trình.

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

- Sinh viên có thể chủ động đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học, viết được (báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học, ...). Chủ động tìm kiếm và thiết lập các vấn đề nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế liên quan đến chuyên ngành học tập.

- Khơi gợi cho sinh viên hứng thú nghiên cứu khoa học.

2. 4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế xã hội.

3. Nội dung học phần

Phần I. Nội dung về lý thuyết và thảo luận

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2, 2)

- 1.1. Các khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học
- 1.2. Các loại hình nghiên cứu khoa học
- 1.3. Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế
- 1.4. Nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính và phối hợp

1.5. Các hình thức tổ chức nghiên cứu

1.6. Quy trình nghiên cứu

CHƯƠNG 2: XÁC ĐỊNH VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU (2 , 1)

2. 1. Xác định vấn đề nghiên cứu
2. 2. Xác định mục tiêu nghiên cứu
2. 3. Xác lập câu hỏi nghiên cứu
2. 4. Xác lập giả thuyết nghiên cứu
2. 5. Đặt tên đề tài nghiên cứu

CHƯƠNG 3: TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ XÂY DỰNG KHUNG LÝ THUYẾT (2 , 2)

3. 1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu
3. 2. Xây dựng khung lý thuyết, khung phân tích của đề tài

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN (3, 3)

4. 1. Nguồn thông tin
4. 2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp
4. 3. Phương pháp điều tra chọn mẫu
4. 2. Phương pháp xây dựng bảng câu hỏi

CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN (3, 3)

5. 1. Phương pháp tổng hợp số liệu điều tra
5. 2. Phương pháp phân tích thống kê mô tả
5. 3. Phương pháp phân tích định tính
5. 4. Phương pháp phân tích định lượng
5. 5. Kiểm định giả thuyết

CHƯƠNG 6: TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (6 , 3)

6. 1. Cấu trúc một số báo cáo khoa học
6. 2. Cách viết nội dung
6. 3. Cách viết trích dẫn và ghi tài liệu tham khảo

Phần II. Nội dung bài tập lớn, tiểu luận (0, 10)

Lựa chọn một vấn đề nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành được đào tạo, xây dựng , trình bày và bảo vệ quan điểm.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu,

máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

[1] Phạm Viết Vượng (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB. ĐHQG, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Vũ Cao Đàm (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

[2] Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), *Phương pháp nghiên cứu XHH*, NXB. ĐHQG, Hà Nội.

9.8. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/BASIC OF VIETNAMESE CULTURE

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1 . Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

-Nắm được một số khái niệm về văn hoá và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam.

-Trình bày được những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xây dựng được những kiến thức chung nhất về văn hoá Việt Nam, những tiền đề cơ bản của văn hoá cũng như bản sắc văn hoá.

- Vận dụng được những vấn đề về lý thuyết và phương pháp luận để tiếp cận nghiên cứu văn hoá Việt Nam,

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên nhận thức rõ bản sắc văn hoá dân tộc, bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển và sự trường tồn của văn hoá Việt Nam. Góp phần vào việc bảo tồn và kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

3. Nội dung học phần

3.1. Nội dung chi tiết học phần

1 . Văn hóa - những khái niệm cơ bản (LT:3; TL:0)

1.1 . Văn hoá học

1.1.1. Văn hoá học với tư cách là một chuyên ngành khoa học

1. 1.2. Những thuật ngữ thường dùng trong văn hoá học

1 .2 . Văn hoá

1.2.1. Vấn đề thuật ngữ văn hoá

1.2.2. Con người - chủ thể sáng tạo văn hoá

1.2.3. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật.

1.2.4. Văn hoá với biểu tượng

2 . Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá (LT:2; TL:0)

2.1. Cấu trúc

- 2.1.1. Các quan niệm về cấu trúc văn hoá
- 2.1.2. Một số cách tiếp cận cấu trúc của văn hoá
- 2.3.3. Văn hoá từ cái nhìn cấu trúc loại hình

2.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá

- 2.2.1. Tính hệ thống và chức năng tổ chức xã hội
- 2.2.2. Tính giá trị và chức năng điều tiết xã hội
- 2.2.3. Tính lịch sử gắn với chức năng giáo dục
- 2.2.4. Tính nhân bản gắn với chức năng giao tiếp

3. Định vị văn hoá Việt Nam (LT:2 , TL:1)

3.1 Không gian văn hoá Việt Nam

3.2. Thời gian văn hóa

3.3. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam

B. Thực hành, thảo luận

- 1. Thuật ngữ văn hoá, phân biệt các khái niệm liên quan đến văn hoá
- 2. Mối quan hệ giữa các đặc trưng và chức năng của văn hoá
- 3. Con người - học vấn - văn hoá

C. Tự học, tự nghiên cứu

- 1. Mối quan hệ giữa con người với môi trường và văn hoá
- 2. Quá trình hình thành các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam
- 3. Lựa chọn 9 biểu tượng văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên; 9 biểu tượng văn hoá ứng xử với môi trường xã hội và phân tích những biểu tượng văn hoá ấy.

4. Tiến trình văn hoá Việt Nam (LT:2, TL:2)

A. Lí thuyết

- 1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử
- 2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử
- 3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc
- 4. Thời kỳ phong kiến tự chủ (Đại Việt)
- 5. Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc
- 6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

B. Thực hành thảo luận

- 1. Tại sao nói Việt Nam là một Đông Nam Á thu nhỏ? Tại sao một nghìn năm Bắc thuộc Việt Nam không bị đồng hoá ?
- 2. Chứng minh giai đoạn Văn Lang - Âu Lạc là đỉnh cao của văn hoá Việt Nam thời tiền sử và sơ sử ?

C. Tự học tự nghiên cứu

- 1. Văn hoá Đại Việt - đỉnh cao của văn hoá Việt Nam thời độc lập tự chủ?
- 2. Các đặc điểm của văn hóa Việt Nam khi giao lưu tiếp xúc với văn hóa nhân loại thời hiện đại?

5. Các vùng văn hoá Việt Nam (LT:1 , TL:1)

A. Lí thuyết

1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá

- 1.1. Vấn đề phân vùng văn hoá ở Việt Nam
- 1.2. Khái niệm vùng văn hoá ?
- 1.3. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam
- 1.4. Vùng văn hoá Đồng bằng Bắc bộ
- 1.5. Vùng văn hoá Việt Bắc
- 1.6. Vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc bộ
- 1.7. Vùng văn hoá duyên hải Bắc Trung bộ
- 1.8. Vùng văn hoá duyên hải Trung và Nam Trung bộ
- 1.9. Vùng văn hoá Trường Sơn - Tây Nguyên
- 1.10. Vùng văn hoá Nam bộ

B. Thực hành, thảo luận

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Trang phục của các dân tộc Việt Nam ?
2. Vấn đề môi trường, con người và văn hóa ?

6. Văn hoá nhận thức (LT:2 , TL:2)

A. Lí thuyết

1. Văn hoá Việt Nam với Đông Nam Á
2. Triết lí âm dương
2. Tam tài- ngũ hành
3. Lịch âm dương và hệ đếm can chi

B. Thực hành thảo luận

C. Tự học tự nghiên cứu

7. Học thực hành, thực tế tại các địa danh lịch sử -văn hóa (LT:0; TH, TT:6)

8. Văn hoá tổ chức đời sống (LT:0; TL:2)

A. Lí thuyết

1. Tổ chức nông thôn
2. Tổ chức quốc gia
3. Tổ chức đô thị

B. Thảo luận thực hành

C. Tự nghiên cứu:

9. 10. Văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo (LT:3, TL:2)

A. Lí thuyết

- 1 . Vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo
- 2 . Tín ngưỡng

- 2.1. Tín ngưỡng phồn thực
- 2.2. Tín ngưỡng thờ thần
- 2.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu hay nguyên lí mẹ của văn hoá Việt Nam
- 2.4. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

3. Tôn giáo.

- 3.1. Phật giáo và văn hoá Việt Nam
- 3.2. Nho giáo và văn hoá Việt Nam
- 3.3. Đạo giáo và văn hoá Việt Nam
- 3.4. Thiên chúa giáo với văn hoá Việt Nam

4. Đặc trưng tín ngưỡng Việt Nam

5. Tích hợp văn hoá Đông - Tây: Nguyễn Ai Quốc - Hồ Chí Minh

B. Thực hành, thảo luận

1. Tại sao nói Nho giáo khi vào Việt Nam đã bị khúc xạ bởi văn hoá Việt Nam ?
2. Những biểu hiện cụ thể của sự hoà đồng tôn giáo ?
3. Thế nào là tam giáo đồng qui ?

C. Tự học, tự nghiên cứu:

1. Vai trò, vị trí của tín ngưỡng, tôn giáo trong xã hội ngày nay ?
2. Cấu trúc của ngôi chùa thờ Phật, nhà thờ Thiên chúa giáo? Đạo Tin lành? Văn Miếu - Quốc tử giám?
3. Những biểu hiện về “sự khúc xạ” trong tiếp thu các tôn giáo ở Việt Nam (Đạo Phật, Đạo Nho, Đạo Lão, Đạo Thiên chúa giáo, Tin lành)

11. Văn hoá ẩm thực, văn hoá mặc, ở và đi lại (LT:0, TL:2)

A. Lí thuyết

- 11.1. Văn hoá ẩm thực
 - 11.1.1. Cơ cấu bữa ăn
 - 11.1.2. Cách chế biến món ăn
 - 11.1.3. Cách ăn
 - 11.1.4. Đồ uống
- 11.2. Văn hoá mặc
 - 11.2.1. Chất liệu may mặc
 - 11.2.2. Trang phục qua các thời đại và đặc trưng trong cách mặc
- 11.3. Văn hoá ở và đi lại
 - 11.3.1. Đặc điểm ngôi nhà Việt Nam
 - 11.3.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tâm lý đi lại, phương tiện đi lại

B. Thực hành thảo luận

1. Tại sao ăn uống được gọi là văn hoá ẩm thực? văn hoá ẩm thực Việt Nam là gì?
2. Về một nét đẹp trong trang phục của người phụ nữ Việt Nam ?
3. Con thuyền và biểu tượng con thuyền trong truyền thống văn hoá Việt Nam
4. *Lấy vợ hiền hoà, làm nhà hướng Nam hay Lấy vợ đàn bà, làm nhà hướng Nam?*

C. Tự học tự nghiên cứu:

1. Vai trò của trầu cau trong đời sống con người Việt Nam từ xưa đến nay.
2. Thuật phong thủy trong đời sống con người Việt Nam từ xưa đến nay.

1 2 .Văn hoá giao tiếp, nghệ thuật và phong tục cổ truyền (LT:1 , TL:2)

A. Lí thuyết

1 2.1 . Văn hoá giao tiếp

- 12.1.1. Cơ sở tầng văn hoá nông nghiệp bản địa và sự thẩm thấu trong văn hoá giao tiếp
- 12.1.2. Đặc điểm, cách thức giao tiếp
- 12.1.3. Nghệ thuật ngôn từ

1 2 .2 . Văn hoá nghệ thuật

- 12.2.1. Nghệ thuật trình diễn
- 12.2.2. Nghệ thuật sân khấu
- 12.2.3. Nghệ thuật tạo hình
- 12.2.4. Nghệ thuật kiến trúc

13. Phong tục (LT:1, TL:2)

- 13.1. Phong tục hôn nhân
- 13.2. Phong tục tang ma.
- 13.3. Phong tục lễ tết, lễ hội.

B. Thực hành, thảo luận

1. Về một loại hình nghệ thuật cổ truyền mà anh/ chị thích ?
2. về một lễ hội nơi quê hương, các bước tiến hành một lễ hội cổ truyền ?
3. Trọng tình và nước đôi trong giao tiếp của người Việt ?

C. Tự học, tự nghiên cứu:

1. Các loại hình nghệ thuật cổ truyền ?
2. Phong tục hôn nhân, tang ma ?
3. Phép xử thế của con người trong đời sống ?

1 4. Tổng kết (LT:1 , TL:2)

A. Lí thuyết

1. Các biểu tượng văn hoá Việt Nam
2. Bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập và phát triển.
3. Vấn đề nguồn lực con người

B. Thực hành thảo luận

1. Vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong thế giới hội nhập, CNH, HĐH?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Vai trò của văn hoá du lịch trong xã hội hiện đại
2. Được và mất trong quá trình toàn cầu hóa, có toàn cầu hóa văn hóa không ?

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm : 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

[1] Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá VN*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Quốc Vượng (2000), *Cơ sở văn hoá VN*, NXB Giáo dục.

[2]. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa thông tin.

9.9. Chọn 1 trong 3 học phần

a. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL PSYCHOLOGY

- Số tín chỉ: 2 TC (18; 24,0)
- Mã học phần: 181145
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Khái quát chung về khoa học tâm lý ; Hoạt động, giao tiếp, sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Nhân cách, sự hình thành phát triển nhân cách.

- *Năng lực đạt được:* Trên cơ sở lĩnh hội nội dung học phần sinh viên hình thành được kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý cũng như phương hướng hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân để phù hợp với cuộc sống cũng như yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, bản chất, phân loại các hiện tượng tâm lý và nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý.
- Phân tích được khái niệm, đặc điểm hoạt động, giao tiếp và sự nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.
- Phân tích được khái niệm, các qui luật của các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính. Mô tả được các quá trình cơ bản của trí nhớ và hoạt động ngôn ngữ của con người.
- Phân tích được bản chất nhân cách, các thuộc tâm lý của nhân cách như xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực và chỉ ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách. Các sai lệch hành vi về mặt tâm lý và cách khắc phục.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Phân tích, khái quát, đánh giá các vấn đề nghiên cứu.
- Vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý ở người trong hoạt động thực tiễn và trong quan hệ ứng xử.
- Vận dụng kiến thức để giải các bài tập, giải quyết các nhiệm vụ học tập.
- Vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách của bản thân và khả năng tự học, tự nghiên cứu.
- Vận dụng kiến thức tâm lý học vào công tác nghề nghiệp sau này.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, đặc biệt là trong quan hệ ứng xử.
- Có quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý người.
- Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý vào trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC (LT: 3; TL: 3)

1 . Khái quát về khoa học tâm lí

- 1.1. Tâm lí học là gì ?
- 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của Tâm lí học
 - 1.2.1. Đối tượng của Tâm lí học
 - 1.2.2. Nhiệm vụ của Tâm lí học

2 . Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lí

- 2.1. Bản chất hiện tượng tâm lí người theo quan điểm Tâm lí học duy vật biện chứng.
- 2.2. Chức năng của tâm lí.
- 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lí.

3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lí

3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận của việc nghiên cứu tâm lí

- 3.1.1. Nguyên tắc quyết định luận duy vật biện chứng.
- 3.1.2. Nguyên tắc thống nhất tâm lí, ý thức, nhân cách và hoạt động.
- 3.1.3. Phải nghiên cứu các hiện tượng tâm lí trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và trong mối liên hệ giữa chúng với các loại hiện tượng khác.
- 3.1.4. Phải nghiên cứu tâm lí của một con người cụ thể, của một nhóm người cụ thể.

3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lí

- 3.2.1. Phương pháp quan sát.
- 3.2.2. Phương pháp thực nghiệm.
 - 3.2.3. Phương pháp test (trắc nghiệm).
 - 3.2.4. Phương pháp đàm thoại (trò chuyện)
 - 3.2.5. Phương pháp điều tra.
 - 3.2.6. Phương pháp phân tích sản phẩm của hoạt động.
 - 3.2.7. Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân.

CHƯƠNG 2: HOẠT ĐỘNG , GIAO TIẾP VÀ SỰ HÌNH THÀNH , PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC (LT:3 TL: 3)

1 . Hoạt động

- 1.1. Khái niệm hoạt động.
- 1.2. Đặc điểm của hoạt động.
- 1.3. Cấu trúc của hoạt động.
- 1.4. Vai trò của hoạt động đối với hình thành, phát triển tâm lí.

2 . Giao tiếp

- 2.1. Khái niệm giao tiếp
 - 2.1.1. Giao tiếp là gì?
 - 2.1.2. Chức năng của giao tiếp.
- 2.2. Các loại giao tiếp.
- 2.3. Vai trò của giao tiếp đối với sự nảy sinh, hình thành tâm lí.

3. Sự nảy sinh và phát triển tâm lí

- 3.1. Tiêu chuẩn xác định sự nảy sinh tâm lí
- 3.2. Các thời kì phát triển tâm lí.
- 3.3. Các giai đoạn phát triển tâm lí về phương diện cá thể.

4. Sự hình thành và phát triển ý thức

- 4.1. Khái niệm chung về ý thức
 - 4.1.1. Ý thức là gì?
 - 4.1.2. Cấu trúc của ý thức.
- 4.2. Các cấp độ ý thức.
- 4.3. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân.

5. Chú ý - Điều kiện của hoạt động có ý thức

- 5.1. Khái niệm về chú ý
 - 5.1.1. Chú ý là gì?
 - 5.1.2. Các loại chú ý.
- 5.2. Các thuộc tính cơ bản của chú ý.

CHƯƠNG 3: HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC (LT: 6; TL: 9)

1 . Nhận thức cảm tính

- 1.1. Khái niệm cảm giác, tri giác
 - 1.1.1. Định nghĩa cảm giác, tri giác.
 - 1.1.2. Đặc điểm cảm giác, tri giác.
 - 1.1.3. Đặc điểm nhận thức cảm tính.
- 1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác.

2 . Nhận thức lý tính

- 2.1. Tư duy
 - 2.1.1. Khái niệm tư duy.
 - 2.1.1.1. Định nghĩa tư duy.
 - 2.1.1.2. Đặc điểm của tư duy.
 - 2.1.2. Các giai đoạn của quá trình tư duy
 - 2.1.3. Các thao tác của tư duy
- 2.2. Tưởng tượng
 - 2.2.1. Khái niệm tưởng tượng.
 - 2.2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng.
 - 2.2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng.
 - 2.2.2. Cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng.

3. Trí nhớ

- 3.1. Khái niệm trí nhớ
 - 3.1.1. Định nghĩa trí nhớ.
 - 3.1.2. Vai trò của trí nhớ.
 - 3.1.3. Cơ sở sinh lý của trí nhớ.
- 3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ

- 3.2.1. Quá trình ghi nhớ.
- 3.2.2. Quá trình giữ gìn.
- 3.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại.
- 3.2.4. Sự quên và cách chống quên.
- 3.3. Làm thế nào để có trí nhớ tốt.

4. Ngôn ngữ và nhận thức

- 4.1. Khái niệm ngôn ngữ.
- 4.2. Chức năng của ngôn ngữ.
- 4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ.
- 4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức.

CHƯƠNG 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH (LT:6; TL:9)

1 . Khái niệm nhân cách

- 1.1. Định nghĩa.
- 1.2. Đặc điểm của nhân cách.

2 . Các thuộc tính tâm lý của nhân cách

- 2.1. Xu hướng
 - 2.1.1. Khái niệm xu hướng.
 - 2.2.2. Các mặt biểu hiện của xu hướng.
- 2.2. Năng lực
 - 2.2.1. Năng lực là gì?
 - 2.2.2. Các mức độ năng lực.
 - 2.2.3. Phân loại năng lực.
 - 2.2.4. Mối quan hệ giữa năng lực và tư chất, thiên hướng và tri thức, kỹ năng, kỹ

xảo.

2.3. Tính cách

- 2.3.1. Tính cách là gì?
- 2.3.2. Cấu trúc của tính cách.

2.4. Khí chất

- 2.4.1. Khí chất là gì?
- 2.4.2. Các kiểu khí chất.

2.5. Tình cảm, ý chí

- 2.5.1. Tình cảm
 - 2.5.1.1. Khái niệm xúc cảm, tình cảm.
 - 2.5.1.2. Các mức độ và các loại tình cảm.
 - 2.5.1.3. Các qui luật của đời sống tình cảm.
- 2.5.2. Ý chí
 - 2.5.2.1. Ý chí là gì? Các phẩm chất của ý chí.
 - 2.5.2.2. Hành động ý chí.
 - 2.5.2.3. Hành động tự động hóa.

2. Sự hình thành và phát triển nhân cách

2.1. Hoạt động và nhân cách.

2.2. Giao tiếp và nhân cách.

2.3. Giáo dục và nhân cách.

2.4. Sự hoàn thiện nhân cách.

3. Những sai lệch hành vi trong sự phát triển nhân cách

3.1. Chuẩn mực của hành vi.

3.2. Phân loại các sai lệch hành vi và cách khắc phục.

4. Yêu cầu môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Quang Uẩn (CB), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (CB), 2018. *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Thức (CB), 2017. *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP.
2. Phan Trọng Ngọ (CB), 2005. *Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP.

b. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI/THE MODERN SOCIAL PROBLEMS

Mã học phần: 122005

- Số tín chỉ: 2TC (18; 24,0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lê Nin

1 . Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Khái niệm và các điều kiện hình thành các vấn đề xã hội. Các đặc trưng cơ bản của các vấn đề xã hội, việc phân loại các vấn đề xã hội, đặc trưng của một số vấn đề xã hội phổ biến trong xã hội hiện nay: vấn đề nghèo đói, vấn đề mại dâm, vấn đề HIV/AIDS, vấn đề ma túy, vấn đề người khuyết tật.... Phân tích, tiếp cận các vấn đề xã hội từ góc độ lí thuyết và đưa ra những giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề xã hội trong cuộc sống.

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực phân tích nguồn gốc vấn đề, phạm vi, mức độ tác động đến xã hội và đưa ra được chương trình can thiệp đến các vấn đề xã hội đó. Ngoài ra sinh viên biết vận dụng linh hoạt các vai trò của mình trong giải quyết các vấn đề xã hội khác nhau.

2 . Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu kiến thức: Người học ghi nhớ, mô tả và phân tích được khái niệm, thực trạng và lý giải được các nguyên nhân của các tệ nạn xã hội, vấn đề xã hội. Đề xuất các giải pháp giải quyết vấn đề. Đánh giá và phân tích được các vai trò cụ thể của nhân viên xã hội đối với từng vấn đề xã hội cụ thể.

2.2. Mục tiêu kỹ năng: Rèn luyện được những kỹ năng cần thiết trong việc nhận diện vấn đề xã hội, kỹ năng tu duy, phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm và cộng đồng xã hội, li n hệ thực tế các vai trò của mình trong quá trình giải quyết các vấn đề

2.3 Mục tiêu về thái độ: Người học nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, từ đó không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần hạn chế và khắc phục một số vấn đề xã hội hiện nay.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1 : TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI (LT: 4; TL : 0)

- 2.1. Khái niệm và các điều kiện hình thành vấn đề xã hội
- 2.2. Đặc trưng của vấn đề xã hội
- 2.3. Phân loại các vấn đề xã hội và tệ nạn xã hội
- 2.4. Nhìn nhận cách giải quyết vấn đề xã hội từ một số góc độ
- 2.5. Quan điểm của Đảng và Nhà nước trong việc giải quyết vấn đề xã hội

Chương 2: LÝ THUYẾT ÁP DỤNG PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ XÃ HỘI (LT: 4 , TL: 2)

- 2.1. Lý thuyết về bệnh tật xã hội
- 2.2. Lý thuyết về nhiễm sắc thể
- 2.3. Lý thuyết về giải cấu trúc xã hội
- 2.4. Lý thuyết về mất cân bằng văn hóa

- 2.5. Lý thuyết mâu thuẫn và xung đột giá trị xã hội
- 2.6. Lý thuyết hành vi lệch lạc
- 2.7. Lý thuyết gán nhãn

Chương 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI HIỆN NAY Ở VIỆT NAM

(LT: 10, TL: 16, TH: 6)

3.1. Vấn đề dân số (LT: 2, TL: 2)

- 3.1.1. Đặc trưng và tính chất của vấn đề dân số
- 3.1.2. Một số vấn đề dân số của Việt Nam
- 3.1.3. Những chương trình, chính sách của nhà nước về dân số

3.2. Vấn đề thất nghiệp (LT: 2, TL: 2)

- 3.2.1. Khái luận chung về vấn đề thất nghiệp
- 3.2.2. Những tác động của vấn đề thất nghiệp đến kinh tế, xã hội
- 3.2.3. Giải quyết vấn đề thất nghiệp
- 3.2.4. Những chương trình, chính sách của nhà nước về vấn đề thất nghiệp

3.3. Vấn đề nghèo đói (LT: 2, TL: 2)

- 3.3.1. Khái luận chung về vấn đề nghèo đói
- 3.3.2. Những đặc trưng, tính chất của vấn đề nghèo đói
- 3.3.3. Phân loại và cách đo lường nghèo đói
- 3.3.4. Một số chính sách, chương trình xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam

3.4. Vấn đề tội phạm (LT: 2, TL: 4)

- 3.4.1. Vấn đề tội phạm ma túy
- 3.4.2. Vấn đề tội phạm có yếu tố giới tính
- 3.4.3. Vấn đề thanh, thiếu niên vi phạm pháp luật

3.5. Vấn đề ô nhiễm môi trường (LT: 2, TL: 4)

- 3.5.1. Khái niệm
- 3.5.2. Thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay
- 3.5.3. Nguyên nhân ô nhiễm môi trường
- 3.5.4. Những chương trình, chính sách của nhà nước giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường

3.6. Một số vấn đề xã hội khác (LT:2, TH:5)

- 3.6.1. Vấn đề nhóm yếu thế
- 3.6.2. Vấn đề bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình
- 3.6.3. Vấn đề bạo lực học đường
- 3.6.4. Những hệ quả tiêu cực của mạng xã hội đối với sinh viên hiện nay

4. Yêu cầu môn học:

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và làm việc nhóm
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cho cá nhân hay nhóm), đúng thời gian quy định
- Các bài tập phải được viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau. Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm nhỏ và cá nhân.

6. Kế hoạch tư vấn:

Giảng viên tư vấn, hướng dẫn cho sinh viên các tài liệu chính, tài liệu tham khảo phù hợp với lịch trình của môn học. Giải đáp các vấn đề sinh viên gặp phải qua email, zalo sau các buổi học, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu:

9.1. Giáo trình chính:

1. Phạm Di (2018). *Vấn đề xã hội Lý thuyết và vận dụng*, Nxb CTQG sự thật. Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Cát Văn Thành, (1998), *Dự báo thế kỷ XXI*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

c. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KIẾN THỨC ĐỊA PHƯƠNG THANH HÓA/ THANH HOA KNOWLEDGE

- Số tín chỉ: 02 (18, 24, 0)
- Mã học phần: 124115
- Bộ môn phụ trách: Lịch sử
- Học phần tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Địa lý, lịch sử, các di tích lịch sử - văn hóa, các nhân vật lịch sử tiêu biểu, các làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu, đặc điểm nền văn hóa vật chất và tinh thần của xứ Thanh...; những định hướng phát triển kinh tế, những thách thức trên bước đường hiện đại hóa, công nghiệp hóa ở Thanh Hóa.

Năng lực đạt được: Sinh viên đánh giá, trình bày được tổng quan về đặc điểm điều kiện địa lý, tự nhiên kinh tế xã hội, lịch sử và văn hóa của Thanh Hóa. Sinh viên có ý thức gìn giữ và phát huy vai trò lịch sử văn hóa của Thanh Hóa, có tinh thần trách nhiệm, có tinh thần xây dựng quê hương mình.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Giải thích rõ ý nghĩa của việc nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức địa phương Thanh Hóa; Những nội dung kiến thức địa phương Thanh Hóa cần tìm hiểu đối với ngành học và đối với công tác sau này
- Nêu được đặc điểm địa lý tự nhiên, dân cư của Thanh Hóa, so sánh với các tỉnh khác

- Thống kê được lịch sử hình thành, sự phân chia hành chính và tên gọi của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử
- Giải thích rõ điều kiện hình thành, đặc điểm nền văn hóa vật thể và phi vật thể của Thanh Hóa
- Thống kê được các nghề và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá
- Mô tả được các vùng kinh tế, trung tâm kinh tế, các khu công nghiệp hiện nay của Thanh Hóa.
- Phân tích rõ những đóng góp to lớn của Thanh Hóa trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc.
- Thống kê và mô tả khái quát các di tích lịch sử-văn hoá tiêu biểu của Thanh Hoá
- Thống kê và mô tả khái quát các danh thắng tiêu biểu của Thanh Hoá.
- Thống kê và nêu khái quát công trạng của các nhân vật lịch sử tiêu biểu của Thanh Hoá
- Thống kê và nêu khái quát công trạng các Danh nhân văn hóa tiêu biểu của Thanh Hoá
- Mô tả được các làng khoa bảng nổi tiếng của Thanh Hoá
- Lý giải rõ những vấn đề đương đại của Thanh Hoá trong giai đoạn phát triển tới

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Rèn luyện năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các tư liệu
- Bổ sung các kỹ năng trình bày một vấn đề, kỹ năng sưu tầm các nguồn tư liệu, kỹ năng sử dụng bản đồ, sơ đồ, lập bảng biểu
- Bước đầu biết vận dụng các PPNC liên ngành, PPNC khu vực học trong nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức địa phương Thanh Hóa

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Bồi dưỡng tình yêu, niềm tự hào về quê hương; nêu cao trách nhiệm trong việc xây dựng quê hương, đất nước.
- Biết ơn đối với những người có công với quê hương, đất nước.
- Có ý thức gìn giữ các di sản lịch sử, văn hoá

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1 . Một số vấn đề chung (LT:2, TL: 0)

1. Ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Kiến thức địa phương Thanh Hoá
 - 1.1. Đối với chương trình đào tạo
 - 1.2. Đối với sau khi tốt nghiệp
2. Khái niệm Địa phương học, Khu vực học
 - 2.1. Khái niệm địa phương học
 - 2.2. Khái niệm khu vực học
3. Cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu.
 - 3.1. Cơ sở phương pháp luận
 - 3.2. Phương pháp nghiên cứu
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu
 - 4.1. Đối tượng nghiên cứu
 - 4.2. Phạm vi nghiên cứu

Chương 2 . Khái quát địa lý- lịch sử Thanh Hoá (LT: 3, TL:2)

1. Khái quát địa lý tự nhiên Thanh Hoá
 - 1.1. Vị trí địa lý
 - 1.2. Diện tích
 - 1.3. Địa hình (đất đai)
 - 1.4. Sông suối, hồ
 - 1.5. Biển
 - 1.6. Khí hậu, nắng, mưa, độ ẩm
 - 1.7. Khoáng sản, hệ sinh thái.
2. Đặc điểm về địa lý dân cư.
 - 2.1. Cơ cấu dân cư
 - 2.2. Cơ cấu dân tộc
3. Lịch sử hình thành, sự phân chia hành chính và tên gọi của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử.
 - 3.1. Lịch sử hình thành
 - 3.2. Sự phân chia hành chính và tên gọi của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử.
 - Thời Hùng Vương
 - Thời Bắc thuộc
 - Thế kỷ X
 - Nhà Đinh - Lê
 - Thời Trần
 - Nhà Hồ
 - Thời Hậu Lê
 - Thời Nguyễn
 - Thời Pháp thuộc
 - Từ 1954 đến nay.

Chương 3. Đặc điểm văn hoá của Thanh Hoá. (LT:1, TL:2)

1. Điều kiện hình thành và phát triển nền văn hoá Thanh Hoá
 - 1.1. Điều kiện tự nhiên
 - 1.2. Điều kiện lịch sử, chính trị-xã hội
2. Đặc điểm hình thành và phát triển của văn hoá Thanh Hoá
 - 2.1. Thanh Hoá là một trong những cái nôi của người nguyên thủy ở Việt Nam
 - 2.2. Sự phát triển của văn hoá Thanh Hoá gắn liền với sự phát triển của văn hoá dân tộc nhưng có những nét riêng
3. Đặc điểm văn hoá vật chất
 - 3.1. Về kiến trúc
 - 3.2. Về ẩm thực
 - 3.3. Về sản xuất nông nghiệp
 - 3.4. Về ngành nghề thủ công nghiệp
 - 3.5. Về tổ chức làng xã
 - 3.6. Về chợ làng, chợ huyện...

4. Đặc điểm nền văn hoá phi vật thể

- 4.1. Lễ hội
- 4.2. Phong tục, tập quán
- 4.3. Tôn giáo, tín ngưỡng
- 4.4. Giáo dục, khoa cử
- 4.5. văn hoá dân gian

Chương 4. Sự phát triển kinh tế của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử (LT:1, TL:2)'

1. Các nghề truyền thống và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá.

1.1. Các nghề truyền thống tiêu biểu.

- Nghề đúc đồng
- Nghề đục đá
- Nghề rèn
- Nghề mộc
- Nghề dệt chiếu
- Nghề nấu rượu...

1.2. Các làng nghề truyền thống tiêu biểu:

- Làng đúc đồng Trà Đông
- Làng đục đá Nhồi
- Làng mộc Đạm Tài
- Làng rèn Tất Tác

2. Các vùng kinh tế, trung tâm kinh tế, khu công nghiệp chủ yếu của Thanh Hoá hiện nay.

2.1. Các vùng kinh tế.

- vùng biển
- vùng trung du, miền núi
- vùng đồng bằng

2.2. Các khu công nghiệp

- Lễ Môn (Thành phố Thanh Hoá)
- Bỉm Sơn
- Lam Sơn

2.3. Khu kinh tế tổng hợp Nghi Sơn.

2.4. Năm chương trình kinh tế trọng điểm của Thanh Hoá từ 2006-2010.

Chương 5. Những đóng góp to lớn của Thanh Hoá trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc. (LT:3, TL:2)

1. Thời kỳ Bắc thuộc
2. Thời kỳ phong kiến tự chủ
3. Thời kỳ Pháp thuộc
4. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp
5. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ

Chương 6. Các di tích lịch sử-văn hoá và danh thắng tiêu biểu của Thanh Hoá. (LT:1, TL:2 ; TH :4)

1. Di tích khảo cổ học
 - Núi Đọ
 - Hang Con Moong
 - Hoa Lộc
 - Đông Sơn
2. Di tích kiến trúc, mỹ thuật
 - Đền thờ bà Triệu
 - Thành nhà Hồ
 - Lam Kinh
 - Thái miếu nhà Lê
3. Di tích tôn giáo
 - Một số ngôi chùa cổ
 - Nhà thờ
4. Di tích lịch sử cách mạng
 - Các di tích về kháng chiến chống Pháp
 - Các di tích về kháng chiến chống Mỹ
5. Thắng cảnh thiên nhiên
 - Rừng núi
 - Hang động
 - Sông Hồ
 - Bãi biển

Chương 7. Các nhân vật lịch sử và Danh nhân văn hóa tiêu biểu của Thanh Hoá (LT:3,TL:2, TH:4)

1. Các nhân vật lịch sử có công trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước
 - Bà Triệu
 - Dương Đình Nghệ
 - Lê Hoàn
 - Hồ Quý Ly
 - Lê Lợi
 - Nguyễn Kim
 - Trịnh Kiểm
2. Danh nhân văn hoá
 - Lê Văn Hưu
 - Đào Duy Từ
3. Các làng khoa bảng nổi tiếng

Chương 8. Những vấn đề đương đại của Thanh Hoá (LT:4,TH:4)

1. Dân số Thanh Hoá: Tốc độ tăng dân số cao, tỷ lệ nam-nữ
2. Phát triển, hợp tác của Thanh Hoá
3. Tiềm năng và hạn chế của Thanh Hoá
 - 3.1. Tiềm năng:

- Vị trí địa lý
- Tài nguyên, khoáng sản
- Nguồn lực lao động, khoa học- công nghệ

3.2. Hạn chế, thách thức:

- Là tỉnh đất rộng, người đông, xuất phát điểm thấp
- Hạ tầng yếu kém, nhất là các huyện miền núi

4. Định hướng phát triển của Thanh Hoá.

- Phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, duy trì tốc độ tăng trưởng cao, rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các tỉnh khác, hội nhập quốc tế
- Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn
- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hoá- xã hội, giữ gìn an ninh, quốc phòng.

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giáo viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên đọc tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung học phần, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

1. Tập thể (2000), *Địa chí Thanh Hoá tập 1*: Thanh Hoá, NXB VHNT.

9.2. Tài liệu tham khảo.

1. Hà Văn Tấn (1990, 1994), *Lịch sử Thanh Hóa*, Tập 1, tập 2, NXB KHXH, HN.
2. Lê Văn Trường, (2002), *Địa lý Thanh Hoá*, NXB Thanh Hoá.

9.10. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1/ENGLISH 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 48,0)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên - khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Elementary (3rd edition) và giáo trình *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ “to be”, danh từ, tính từ sở hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.

- *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiền A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

Người học nhớ và hiểu kiến thức về ngữ âm tiếng Anh trong phát âm, nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, nhớ và hiểu các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, nhớ và hiểu cách thức giao tiếp trong khi Nói biết cách giao tiếp những chủ đề quen thuộc liên quan đến bản thân và cuộc sống hàng ngày, có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản như đề nghị, lời mời, xin lỗi, người học nhớ và hiểu các kỹ thuật Viết những văn bản ngắn như tin nhắn, thư tín, văn miêu tả, văn kể chuyện trình độ tiền A2 theo khung NLNNVN. Người học nhớ, hiểu định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ tiền A2.

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

Người học vận dụng lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã nhớ và hiểu để sử dụng cho kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ tiền A2. Cụ thể: có thể theo dõi và hiểu được ý chính của những bài hội thoại ngắn, chỉ dẫn, tin nhắn thoại diễn ra chậm và rõ ràng, hiểu và sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản. Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, mô tả ngắn gọn về bản thân, gia đình, nơi chốn, sở thích, giao dịch hàng hóa và dịch vụ đơn giản. Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản ngắn,

hiểu được biển báo, thông báo, hướng dẫn sử dụng đơn giản. Có thể viết các cụm từ, câu đơn giản về những chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp, công việc, sở thích,...có thể yêu cầu hoặc cung cấp thông tin cá nhân bằng văn bản, viết và trả lời tin nhắn, bưu thiếp, điền thông tin cá nhân vào biểu mẫu đơn giản. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ tiền A2.

Người học vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: Tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; Làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

Người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần: Hoạt động tự học trên lớp; Hoạt động theo cặp, theo nhóm trên lớp; Hoạt động tự học của cá nhân ở nhà; Hoạt động tự học theo nhóm dự án ở nhà.

3. Nội dung học phần

Nội dung của học phần giúp người học củng cố, luyện tập và thiết lập các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trình độ tiền A2., đồng thời người học còn có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực, tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập Portfolio, thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: (2 LT: 2,5 TH: 1,5 TL)

- 1.1. Course Introduction
- 1.2. Orientation
- 1.3. Diagnostic test
- 1.4. - IPA: phonemic chart
 - + vowels
 - + consonants
 - + monothongs +
 - diphthongs

Nội dung 2: Unit 1A - My name's Hannah, not Anna (3 LT: 1,5 TH: 1,5 TL)

- 2.1. Grammar: verb *to be*, subject pronoun, possessive adjectives
- 2.2. Listening: Listen & fill in a number or a day in each space
- 2.3. Reading: Days of the week; Numbers 1 - 20; Greetings
- 2.4. Speaking: making small talks, Days of the week; tel Number; Greetings
- 2.5. Writing: describing a stage of life

Nội dung 3: Unit 1B; Unit 1C (3 LT: 1,5 TH: 1,5 TL)

- 3.1. Grammar: verb *be* ? and -, comparatives
- 3.2. Listening: grammar focus on verb *be* and comparatives, possessive adjectives
- 3.3. Reading: grammar focus on verb *be* and comparatives, possessive adjectives
- 3.4. Speaking: talking about favorite words, talking about people description
- 3.5. Writing: describing people

Nội dung 4: Unit 2A (2 LT: 2,5 TH: 1,5 TL)

- 4.1. Grammar: a/an, plurals; this/that/these/those
- 4.2. Listening: grammar focus on plurals
- 4.3. Reading: grammar focus on plurals
- 4.4. Speaking: things
- 4.5. Writing: describing things

Nội dung 5: Unit 2B; unit 2C (3 LT: 1,5 TH: 1,5 TL)

- 5.1. Grammar: adjectives, imperatives, let's
- 5.2. Listening: colors, adjectives, modifiers, feelings
- 5.3. Reading: colors, adjectives, modifiers, feelings
- 5.4. Speaking: describing your unforgettable experience

Nội dung 6: Unit 3A (3 LT: 1,5 TH: 1,5 TL)

- 6.1. Grammar: present simple
- 6.2. Listening: third persons
- 6.3. Reading: present simple
- 6.4. Speaking: describing favorite things, people
- 6.5. Writing: describing favorite things, people

Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C (2 LT: 2,5 TH: 1,5 TL)

- 7.1. Grammar: word order in questions, sentence stress
- 7.2. Listening : word order in questions, sentence stress, jobs
- 7.3. Reading: job, love online
- 7.4. Speaking: describing job, love online
- 7.5. Writing: describing job, Love online

Nội dung 8: Unit 4A, Unit 4B, Unit 4C (3LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 8.1. Grammar: Whose...?, possessives, prepositions,
- 8.2. Listening: possessions, prepositions of places and time, everyday activities
- 8.3. Reading: possessions, prepositions of places and time, everyday activities
- 8.4. Speaking: sayings about everyday activities

8.5. Writing: everyday activities

Nội dung 9: Unit 5A, Unit 5B, Unit 5C (3 LT: 1,5 TH: 1,5 TL)

9.1. Grammar: can, can't, present continuous

9.2. Listening: sentence stress, buying a newspaper, weather and seasons

9.3. Reading: buying a newspaper, weather and seasons

9.4. Speaking: weather and seasons

9.5. Writing: weather and seasons

Nội dung 10: Unit 6A, Unit 6B, Unit 6C (3 LT: 1,0 TH: 2,0 TL)

- 10.1. Grammar: object pronouns,
 - 10.2. Listening: phone language, the dates, numbers
 - 10.3. Reading: : phone language, the dates, numbers
 - 10.4. Speaking: discussing views on : phone language, the dates, numbers
 - 10.5. Writing: describing places
- (3 LT: 1,5 TH: 1,5)**

Nội dung 11: Unit 7A, Unit 7B, Unit 7C

- 11.1. Grammar: past simple
 - 11.2. Listening: sentence stress, time expressions
 - 11.3. Reading: a memorable night
 - 11.4. Speaking: discussing a memorable night
 - 11.5. Writing: a memorable night
- (2 LT: 2 TH: 2)**

Nội dung 12: Unit 9A, Unit 9B, Unit 9C

- 12.1. Grammar: nouns, comparatives
 - 12.2. Listening & Reading : nouns, comparatives
 - 12.3. Speaking: comparing landscapes,
 - 12.4. Writing: describing a meal
- (2LT: 2 TH: 2)**

Nội dung 13: Unit 10A, Unit 10B, Unit 10C

- 13.1. Grammar: superlative adjectives
 - 13.2. Listening & Reading : holiday, places
 - 13.3. Speaking: holiday, places
- (2 LT: 1,0 TH: 2,0)**

Nội dung 14: Unit 12A, Unit 12B, Unit 12C

- 14.1. Grammar: relative clauses, defining and non-defining clauses
- 14.2. Listening & Reading : films, personal information, episode
- 14.3. Speaking: fortune-telling, make an interview
- 14.4. Instruction for final test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo quy định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2012, *English File-Elementary 3rd*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)

2. Nguyễn Thị Quyết, 2018, *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Raymond Murphy (2013). *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. Nxb Thời đại

2. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press.

9.11. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH 2 /ENGLISH 2

- Số tín chỉ: 3 (27,36,0)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên - khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B) và English File Pre-Intermediate (3rd edition). Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. English File-Elementary 3rd Edition*. Oxford University Press.

- *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

Người học nhớ và hiểu kiến thức về ngữ âm tiếng Anh trong phát âm, nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trình độ A2. Người học có thể nghe hiểu từ khóa, nghe hiểu và nhận biết được các thông tin chính trong hội thoại và đoạn nói ngắn, các cách thức giao tiếp trong khi Nói: biết cách giao tiếp những chủ đề quen thuộc liên quan tới bản thân, công việc và cuộc sống hằng ngày; có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản; có thể mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn. Người học nhớ và hiểu các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận. Người học biết cách đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Người học nhớ và hiểu các kỹ thuật Viết những dạng văn bản ngắn như tin nhắn, thư tín, văn miêu tả, văn kể chuyện. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ A2.

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

Người học vận dụng lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã nhớ và hiểu để sử dụng

cho kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ A2. Cụ thể: Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày, hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, rõ ràng, đơn giản, hiểu những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản, có thể xác định thông tin chính của các bản tin trên đài và truyền hình tường thuật các sự kiện, tai nạn v.v... Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi, truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn nhưng chưa thể duy trì được các cuộc hội thoại, xử lý những tình huống hằng ngày khi đi du lịch như về chỗ ở, ăn uống và mua sắm. Người học có thể hiểu các đoạn văn ngắn và đơn giản, định vị thông tin trong quá trình đọc, hiểu được thư từ, biển báo, thông báo..., viết các cụm từ, câu đơn giản về các chủ đề quen thuộc, viết được các ghi chú, biểu mẫu, thư cá nhân. Biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ A2.

Người học vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: Tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; Làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

Người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần: Hoạt động tự học trên lớp; Hoạt động theo cặp, theo nhóm trên lớp; Hoạt động tự học của cá nhân ở nhà; Hoạt động tự học theo nhóm dự án ở nhà.

3. Nội dung học phần: Các nội dung phân bố đều trong 13 tuần. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp và thực hành nghe, nói, đọc, viết

3.1 Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Grammar (3LT: 1,0TH: 1,0TL)

- 1.1. Present perfect vs. past simple tense
- 1.2. Present perfect continuous
- 1.3. Present perfect continuous or present perfect simple
- 1.4. Past perfect
- 1.5. Past perfect continuous
- 1.6. Future perfect and future perfect continuous

Nội dung 2: Grammar (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 2.1. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to
- 2.2. Conditional sentences type 1 and 2
- 2.3. Conditional sentences type 3
- 2.4. Subjunctive
- 2.5. Passive

Nội dung 3: Grammar (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 3.1. Reported speech
- 3.2. -ing and the infinitive
- 3.3. Be/get used to **something** (I'm used to...)
- 3.4. Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something
- 3.5. Defining relative clauses
- 3.6. Non-defining relative clauses

Nội dung 4: Grammar, Unit 1A, 1B (2LT: 1TH: 1TL)

- 4.1. Grammar: Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/ though/even though, In spite of / despite, Even, word order in questions,
- 4.2. Listening: Spelling and numbers
- 4.3. Speaking: common verb phrases, giving information about a friend
- 4.4. Reading: "Who know you better- your mother or your best friend?"
- 4.5. Writing: Describe a person

Nội dung 5: Unit 1C, 2A, 2B (3LT: 1,0TH: 1,0TL)

- 5.1. Grammar: Present continuous, Past simple: regular and irregular verbs, Past continuous
- 5.2. Listening: Listen to a description of a picture and holidays
- 5.3. Speaking: Describe a picture and a holiday
- 5.4. Reading: Read about holidays and a description of a photo
- 5.5. Writing: Describe a favourite photo

Nội dung 6: Unit 2C, 3A (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 6.1. Grammar: time sequences and connectors, be going to (plans and predictions)
- 6.2. Listening: Listen to three travellers' plans and dreams
- 6.3. Speaking: using picture to retell a story
- 6.4. Reading: Read the story of *Hannah and Jamie* and read about *Top airports in the world*

Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C

(2LT: 1,0TH:

- 7.1. Grammar: present continuous, defining relative clause
- 7.2. Listening: the dates, guessing words
- 7.3. Reading: the dates, the ways to create new words
- 7.4. Speaking: make arrangement, defining words
- 7.5. Writing: write an informal email

(2LT: 1,5TH:

Nội dung 8: Unit 4A; Unit 4B

- 8.1. Grammar: present perfect or past simple
- 8.2. Listening: teenage carers, shopping
- 8.3. Reading: annoying habits of teenagers, the style interview

(2LT: 1,5TH:

8.4. Speaking: teenagers and their parents, shopping

8.5. Writing: teenagers' habits

Nội dung 9: Unit 4C; Revise & check, Progress test 2

9.1. Grammar: something, anything, nothing

9.2. Listening: Sven's weekend

9.3. Reading: spending weekend in the UK

9.4. Speaking: making weekend more interesting

9.5. Writing: your weekend

Nội dung 10: Unit 5A, 5B (2LT: 1,0TH: 1,0TL)

10.1. Grammar: comparative adjectives and adverbs, as...as, superlatives (+ ever + present perfect)

10.2. Listening: Listen to a talk about how to live more slowly

10.3. Speaking: Talk about changes in life

10.4. Reading: Read the article *We're living faster, but are we living better? and All capital cities are unfriendly - or are they?*

10.5. Writing: Write a description of the place

Nội dung 11: Unit 5C, 6A (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

11.1. Grammar: quantifiers, too, not enough, Will/won't (predictions)

11.2. Listening: Listen to a radio programme

11.3. Speaking: Do the questionnaire about diet and lifestyle

11.4. Reading: Read the article *Everything bad is good for you* and *A pessimist plays a pessimist*

Nội dung 12: Unit 6B, 6C (3LT: 1,0TH: 1,0TL)

12.1. Grammar: Will/won't (decisions, offers, promises), Reviewing of verb forms: present, past, future

12.2. Listening: Listen to a news programme, listen to a psychoanalyst talking to a patient about his dreams.

12.3. Speaking: Talk about decisions, offers, promises, Roleplay interpreting partners' dreams

12.4. Reading: Read and match dreams with interpretations

Nội dung 13: Revise & Check 5& (0LT: 1,0TH: 1,0TL)

13.1. Revise & Check

13.2. Progress test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, loa đài và tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Christina Latham -Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), *English File. Preintermediate, 3rd edition*. Nxb Văn Hóa Thông Tin.

2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018). *Ngữ pháp tiếng Anh căn bản - trình độ B*, Nhà xuất bản Thanh Hoá

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Raymond Murphy (2013), *Grammar In Use*. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành. Nxb Thời đại.

2. Cambridge ESOL (2013), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press.

3. Cambridge ESOL (2014), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press.

9. 12. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3/ENGLISH 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên - khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần* gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition) và Target PET. Từ vựng: Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình trung cấp. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình: *Clive Oxenden, Christina Latham - Koenig and Paul Seligson, 2013. English File-Pre- intermediate 3rd Edition. Oxford University Press* và *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

- *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của mình.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

Người học nhớ và hiểu kiến thức về ngữ âm tiếng Anh trong phát âm, nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, nhớ và hiểu các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, nhớ và hiểu cách thức giao tiếp, thông tin trình bày trên đài, ti vi, biết cách giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc, trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề văn hóa, hiểu cách tham gia đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin cá nhân, nhớ và hiểu các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận... Người học biết cách đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực quan tâm, yêu thích. nhớ và hiểu các kỹ thuật Viết những dạng văn bản như văn miêu tả, thư cá nhân, văn kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, hiểu và nhớ cách thức ghi truyền đạt thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể. Người học nhớ, hiểu định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1 Khung NLNNVN.

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

Người học vận dụng lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã nhớ và hiểu để sử dụng cho kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1. Cụ thể : có thể hiểu được ý chính của hội thoại mở rộng, theo dõi và hiểu được dàn ý của những bài nói ngắn, đơn giản về chủ đề quen thuộc, làm theo được các thông tin kỹ thuật đơn giản nhờ hướng dẫn vận hành các thiết bị thông dụng, hiểu được các chỉ dẫn chi tiết, các ý chính của các chương trình điểm tin trên đài phát thanh và những nội dung phỏng vấn, phỏng sự, phim thời sự có hình ảnh minh họa bằng ngôn ngữ đơn giản. Người học có thể giao tiếp tương đối tự tin và tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình, mô tả đơn giản, trình bày bằng các

diễn ngôn đơn giản về một câu truyện ngắn có nội dung gần gũi với các chủ đề quen thuộc, kể chi tiết về kinh nghiệm bản thân, cốt truyện của một cuốn sách, bộ phim hay và cảm xúc của mình, sử dụng những câu hỏi và trả lời đã được chuẩn bị trước để thực hiện một cuộc phỏng vấn. Người học có thể xác định được các kết luận chính trong các văn bản, nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc dù không nhất thiết phải thật chi tiết, hiểu các thông tin trong các văn bản sử dụng hàng ngày như thu từ, tờ thông tin và các công văn ngắn. Người học có thể viết thư cá nhân hoặc lời nhắn với các mục đích như mời rủ, nhắc nhở, xin lỗi, gợi ý, đề nghị, giải thích, viết các ghi chú đề hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản. Người học có thể sáng tác các câu chuyện bắt đầu với câu chủ đề cho trước về sự kiện nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày, thể giới tự nhiên hoặc tình huống bất ngờ xảy ra. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1.

Người học vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: Tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; Làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

Người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần: Hoạt động tự học trên lớp; Hoạt động theo cặp, theo nhóm trên lớp; Hoạt động tự học của cá nhân ở nhà; Hoạt động tự học theo nhóm dự án ở nhà.

3. Nội dung học phần

Các nội dung phân bố đều trong 13 tuần. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp và thực hành nghe, nói, đọc, viết.

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Bài 7A & Bài 1.2 (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 1.1. Course Introduction
- 1.2. Course Orientation
- 1.3. Unit 7 & Unit 1.2;
 - 1.3.1. Grammar: Infinitive with “to”
 - 1.3.2. Listening: First meeting with girlfriend’s parents
 - 1.3.3. Reading: How to survive for the first meeting, a story about friendship
 - 1.3.4. Speaking: describing people
 - 1.3.5. Writing: words and phrases for writing an email.

Nội dung 2: Bài 7B & Bài 1.1 (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 2.1. Grammar: use of gerund
- 2.2. Listening: an interview on a singing course
- 2.3. Reading: Happiness is...
- 2.4. Speaking: giving opinion

2.5. Writing: 10 sentences about likes/dislikes

Nội dung 3: Bài 7C & Bài 8.1 (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

3.1. Grammar: have to, must

3.2. Listening: Max talking about his learning foreign language.

3.3. Vocabulary: modifiers

3.4. Speaking: Talk to a partner about his/her learning English

3.5. Writing: A formal email

Nội dung 4: Bài 8A & Bài 5.1 (2LT: 2TH: 1TL)

4.1. Grammar: Should

4.2. Listening: Listen to a radio program

4.3. Reading: Too macho to talk

4.4. Speaking: compare with a partner how to give advice

4.5. Writing: write a response to one of the problems and giving advice

Nội dung 5: Bài 8B & Bài 9.2 (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

5.1. Topics: Environment

5.2. Grammar: If + present, will + infinitive (first conditional)

5.3. Listening: 3 things that could go wrong when you are on holiday.

5.4. Reading: It always happen

5.5. Speaking: confusing verbs

Nội dung 6: Bài 9A & Bài 10.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

6.1. Grammar: If + past, would + infinitive (second conditional)

6.2. Listening: Understand a conversation

6.3. Reading: Would you know what to do

6.4. Speaking: About situation with “would do”

Nội dung 7: Bài 9C & Bài 7.2

(2LT: 2TH: 1TL)

7.1. Topics: Leisure

7.2. Grammar: present perfect or past simple

7.3. Listening: famous singers

7.4. Vocabulary: biographies

7.5. Speaking: Talk about a member of you family

7.6. Writing: A biography

Nội dung 8: Bài 10B & Bài 3.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

8.1. Grammar: used to

8.2. Listening: reports of famous people

8.3. Reading: Could do better

8.4. Speaking: You at primary school

8.5. Writing: writing a haiku

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

Nội dung 9: Bài 10C & Bài 10.2

9.1. Topics: Music and festival

9.2. Grammar: might

9.3. Listening: music and festival

9.5. Speaking: Interview a partner with a questionnaire

9.6. Writing: a paragraph about festival

Nội dung 10: Bài 11A & Bài 7.1

(2LT: 1TH: 2TL)

10.1. Grammar: expressing movement

10.2. Listening: sport commentaries

10.3. Reading: Bad losers

10.4. Speaking: Your role as a sport player

Nội dung 11: Bài 11B & Bài 4.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

11.1. Topics: Morning person

11.2. Grammar: word order or phrasal verbs

11.3. Reading: Early bird!

11.4. Speaking: Your wake-up

Nội dung 12: Bài 12A & Bài 12.1

(3LT: 1TH: 1TL)

12.1. Grammar: past perfect

12.2. Listening: news story

12.3. Reading: News around the world

12.4. Speaking: Practice telling news

12.5. Writing: a story

Nội dung 13: Bài 12B & Bài 12.2

(2LT: 1TL)

12.1. Grammar: reported speech

12.2. Listening: conversation

12.3. Reading: Here's a secret

12.4. Speaking: Practice telling a gossip

12.5. Writing: a gossip of a famous person

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của SV.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Giáo trình chính

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File- Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (1)

2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing. (2)

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Raymond Murphy (1997), *Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use*, Nhà Xuất Bản Hà Nội (3)

2. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test*, Cambridge University Press (4)

3. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test*, Cambridge University Press (5).

9.13. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIN HỌC/ INFORMATICS

- Số tín chỉ: 2 (10, 0,40)
- Mã học phần: 173080
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mạng máy tính & Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.

- *Năng lực đạt được:* sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu kiến thức

Nắm vững các khái niệm cơ bản về: tin học, thông tin, dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet ...

Hiểu được các nguyên lý thiết kế, cấu trúc tổng quát của máy tính; cấu tạo, chức năng của các thành phần cơ bản trong máy tính, biểu diễn và xử lý thông tin trong máy tính. Nắm được vai trò, chức năng của hệ điều hành, hiểu biết về một số hệ điều hành thông dụng.

Nắm được kiến thức về hệ điều hành Windows và các phần mềm phục vụ công tác văn phòng gồm: phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu và phần mềm xử lý bảng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sử dụng thành thạo máy tính, khai thác các phần mềm trong máy tính, khai thác và sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows, Internet.

Sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel và Powerpoint để soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu bài thuyết trình, báo cáo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Hình thành tư duy khoa học và thực tiễn về tin học và công nghệ thông tin, vai trò của môn học đối với việc nghiên cứu và học tập những học phần kế tiếp.

Hình thành ý thức bảo vệ và phát triển tài nguyên thông tin cũng như khai thác sử dụng tài nguyên thông tin và các sản phẩm công nghệ thông tin.

Hình thành ý thức lao động hợp tác, làm việc theo nhóm, kích thích niềm say mê nghiên cứu và có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của từng công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

Có thái độ văn minh, lịch sự khi tham gia vào các hoạt động cộng đồng mạng.

3. Nội dung học phần:

Module A 1: Các khái niệm cơ bản về CNTT (LT: 1, TL: 0, TH: 0)

1.1. Thông tin và dữ liệu

- 1.1.1. Khái niệm thông tin, dữ liệu
- 1.1.2. Xử lý thông tin bằng máy tính
- 1.1.3. Một số khái niệm cơ bản về CNTT

1.2. Biểu diễn thông tin trong máy tính

- 1.2.1. Biểu diễn số trong các hệ đếm
- 1.2.2. Chuyển đổi số giữa các hệ đếm
- 1.2.3. Các phép toán đối với số nhị phân
- 1.2.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1.3. Hệ thống máy tính

- 1.3.1. Các bộ phận cơ bản của máy tính
- 1.3.2. Bộ xử lý trung tâm - CPU
- 1.3.3. Bộ nhớ
- 1.3.4. Các thiết bị nhập, xuất
- 1.3.5. Cấu hình máy

Module A2: Hệ điều hành Windows

2.1. Các thao tác cơ bản

- 2.1.1. Khởi động máy tính và tắt máy tính
- 2.1.2. Màn hình nền (desktop)
- 2.1.3. Khởi động một chương trình
- 2.1.4. Cửa sổ và các thao tác với cửa sổ

2.2. Quản lý tệp và thư mục

- 2.2.1. Tổ chức dữ liệu trong máy tính
- 2.2.2. Sử dụng Windows Explorer
- 2.2.3. Khái niệm tệp tin, thư mục
- 2.2.4. Các thao tác với tệp tin và thư mục
- 2.2.5. Các kiểu hiển thị của tệp và thư mục

2.3. Tìm kiếm trong Windows

2.4. Quản lý thanh Taskbar

2.5. Thiết lập Control Panel

2.6. Cài đặt và gỡ bỏ chương trình

2.7. Tiếng Việt trên máy tính

- 2.4.1. Cài đặt và sử dụng Unikey
- 2.4.2. Kiểu gõ
- 2.4.3. Bảng mã và font chữ
- 2.4.4. Chuyển đổi mã tiếng Việt

2.8. Một số phím tắt trong Windows Module A3: Internet và một số ứng dụng

3.1. Mạng máy tính

- 3.1.1. Khái niệm mạng máy tính
- 3.1.2. Phân loại mạng máy tính

3.2. Internet

- 3.2.1. Khái niệm Internet
- 3.2.2. Nhà cung cấp dịch vụ Internet

- 3.2.3. Một số khái niệm thường dùng
- 3.2.4. Khai thác thông tin từ Internet
- 3.2.5. Thư điện tử - Email
- 3.3. Virus máy tính**
 - 3.3.1. Khái niệm
 - 3.3.2. Nguyên lý lây lan
 - 3.3.3. Phân loại
 - 3.3.4. Cách nhận biết và phòng tránh
- 3.4. Một số phần mềm ứng dụng khác Module A4: Phần mềm soạn thảo văn bản**
 - 4.1. Giới thiệu**
 - 4.1.1. Khởi động và thoát khỏi
 - 4.1.2. Cửa sổ làm việc
 - 4.1.3. Các thao tác với tệp văn bản
 - 4.1.4. Các thao tác trên một khối văn bản
 - 4.1.5. Soạn thảo và điều chỉnh văn bản (2,0,3)
 - 4.2. Định dạng và in ấn văn bản**
 - 4.3.1. Định dạng ký tự
 - 4.3.2. Định dạng đoạn văn bản
 - 4.3.3. Một số định dạng khác
 - 4.3.3.1. Định dạng cột báo
 - 4.3.3.2. Định dạng chữ cái to đầu đoạn
 - 4.3.3.3. Định dạng đường viền
 - 4.3.3.4. Định dạng ký tự đầu đoạn
 - 4.3.4. Định dạng trang in và in văn bản
 - 4.3. Chèn đối tượng vào văn bản**
 - 4.4.1. Chèn ký tự đặc biệt
 - 4.4.2. Chèn chữ nghệ thuật
 - 4.4.3. Chèn tranh
 - 4.4.4. Chèn các hình ảnh đồ họa
 - 4.4.5. Chèn công thức toán học
 - 4.4.6. Chèn biểu đồ
 - 4.4. Bảng biểu**
 - 4.5.1. Tạo bảng mới
 - 4.5.2. Hiệu chỉnh và định dạng bảng
 - 4.5.3. Sắp xếp dữ liệu trong bảng
 - 4.5.4. Tính toán trong bảng (2,0,2)
 - 4.5. Một số xử lý khác**
 - 4.6.1. Tìm kiếm và thay thế văn bản
 - 4.6.2. Chèn số trang, tiêu đề đầu, tiêu đề cuối
 - 4.6.3. Tạo và sử dụng AutoCorrect
 - 4.6.4. Tạo và sử dụng Macro
 - 4.6.5. Trộn văn bản

4.6.6. Tạo mục lục tự động

Module A5: Phần mềm trình chiếu

5.1. Giới thiệu

- 5.1.1. Khởi động và thoát khỏi
- 5.1.2. Một số thuật ngữ thường dùng
- 5.1.3. Cửa sổ làm việc
- 5.1.4. Các thao tác với tệp trình chiếu

5.2. Các thao tác với slide

(2,0,15)

- 5.2.1. Các chế độ hiển thị Slide
- 5.2.2. Các thao tác với slide
- 5.2.3. Định dạng slide trình chiếu
- 5.2.4. Chèn đối tượng vào slide

5.3. Tạo hiệu ứng

- 5.3.1. Thiết lập template
- 5.3.2. Thiết lập hiệu ứng cho slide
- 5.3.3. Thiết lập hiệu ứng cho từng đối tượng
- 5.3.4. Tạo liên kết

5.4. Trình chiếu slide và in ấn

- 5.4.1. Thiết lập một bài trình chiếu
- 5.4.2. Trình chiếu slide
- 5.4.3. Định dạng trang in và in ấn

Module A6: Phần mềm xử lý bảng tính

(2,0,15)

6.1. Giới thiệu

- 6.1.1. Khởi động và thoát khỏi
- 6.1.2. Cửa sổ làm việc
- 6.1.3. Một số khái niệm cơ bản
- 6.1.4. Các thao tác với tệp bảng tính

6.2. Các thao tác với cửa sổ bảng tính

- 6.2.1. Các thao tác với WorkSheet
- 6.2.2. Nhập, sửa dữ liệu
- 6.2.3. Các thao tác với vùng dữ liệu

6.3. Định dạng bảng tính và in ấn

- 6.3.1. Định dạng dữ liệu
 - 6.3.1.1. Các kiểu dữ liệu
 - 6.3.1.2. Định dạng các kiểu dữ liệu
 - 6.3.1.3. Căn chỉnh dữ liệu
 - 6.3.1.4. Kẻ khung cho vùng dữ liệu
- 6.3.2. Định dạng trang in và in bảng tính

6.4. Các hàm thông dụng

- 6.4.1. Nguyên tắc sử dụng hàm
- 6.4.2. Một số hàm thông dụng

6.5. Biểu đồ

(1,0,5)

- 6.5.1. Các bước xây dựng biểu đồ

6.5.2. Hiệu chỉnh biểu đồ

6.6. Quản trị dữ liệu bằng tính

6.6.1. Các khái niệm cơ bản

6.6.2. Sắp xếp dữ liệu

6.6.3. Trích lọc dữ liệu

6.6.4. Tổng hợp dữ liệu theo nhóm Subtotal

6.6.5. Phân tích dữ liệu bằng kỹ thuật Pivot Table

6.6.6. Một số hàm trong cơ sở dữ liệu

6.7. Một số xử lý khác

6.7.1. Tính toán trên nhiều bảng tính

6.7.2. Tìm kiếm và thay thế

6.7.3. Một số lỗi thường gặp

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận (nếu có), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ, thành phần và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2015, *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB ĐHSP.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Hồng (CB) - Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng, 2010. *Tin học căn bản*, NXB KH&KT.
2. Hàn Viết Thuận (2007), *Giáo trình Tin học đại cương*, NXB ĐHQTKD.

9.14. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ ENVIRONMENT AND HUMAN

- Số tín chỉ: 2 (18, 24,0)
- Mã học phần: 125101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Bộ môn Địa lý
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.

Năng lực đạt được: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có được hệ thống kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường và con người; mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; Thực trạng tài nguyên và môi trường ở Việt Nam và trên thế giới; vấn đề vệ sinh, an toàn lao động, hoạt động bảo hộ lao động trong một số ngành nghề và doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

Cung cấp các kiến thức cơ bản về tài nguyên và môi trường: khái niệm, phân loại tài nguyên và môi trường; các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; sự ô nhiễm và suy thoái môi trường; nguyên nhân, thực trạng, hậu quả, các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; những quy định của pháp luật và các chính sách về hoạt động BVMT và phát triển bền vững; các vấn đề cơ bản về vệ sinh, an toàn lao động, hoạt động bảo hộ lao động trong một số ngành nghề và doanh nghiệp.

2.2. Về kỹ năng:

+ Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT địa phương.

+ Phát hiện và giải quyết được các tình huống sinh thái; phân tích được thực trạng môi trường và giải thích được nguyên nhân gây ra các vấn đề suy thoái, ô nhiễm môi trường, từ đó đưa ra một số giải pháp khắc phục.

+ Sử dụng được các văn bản pháp quy vào việc bảo vệ tài nguyên và môi trường địa

phương; thực hiện các nguyên tắc về an toàn, vệ sinh lao động.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Có thái độ nghiêm túc, lựa chọn lối sống phù hợp, thân thiện và hành động thiết thực trong hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh, an toàn lao động.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Khoa học môi trường và con người. Đối tượng môn học và nhiệm vụ môn học. Một số khái niệm cơ bản về khoa học môi trường. Nhận thức vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam. (2LT:4TL)

1. Sơ lược về khoa học môi trường và con người.
2. Đối tượng môn học và nhiệm vụ môn học.
3. Mối quan hệ giữa khoa học Môi trường và con người với các khoa học khác.
4. Một số khái niệm cơ bản.
5. Nhận thức vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam.

Nội dung 2. Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường (4LT:4TL)

1. Nhân tố sinh thái.
2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái.
3. Quần thể và quần xã sinh vật.
4. Hệ sinh thái.
5. Hệ sinh thái và con người.

Nội dung 3. Tác động của gia tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và tài nguyên -môi trường. (4LT:4TL)

1. Số dân và sự gia tăng dân số.
- 1.4. Cấu trúc dân số.
2. Lịch sử gia tăng dân số của nhân loại.
3. Sự phân bố dân cư và di cư.
4. Đặc điểm phát triển dân số Việt Nam.
5. Công nghiệp hóa và đô thị hóa
6. Quan hệ giữa dân số - tài nguyên - môi trường.

Nội dung 4. Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên (2LT:3TL)

1. Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên,
2. Tài nguyên khí hậu.
3. Tài nguyên rừng.
4. Tài nguyên đất.
5. Tài nguyên nước.
6. Tài nguyên biển và ven biển.
7. Tài nguyên khoáng sản.
8. Tài nguyên năng lượng.
9. Sự đa dạng sinh học.

Nội dung 5. Vấn đề ô nhiễm môi trường (2LT:3TL)

1. Ô nhiễm môi trường không khí.
2. Ô nhiễm đất.

3. Ô nhiễm môi trường nước.
4. Những hình thức ô nhiễm môi trường khác.

Nội dung 6. Bảo vệ môi trường (2LT:3TL)

1. Những vấn đề toàn cầu.
2. Hiện trạng tài nguyên, môi trường Việt Nam.
3. Chiến lược phát triển bền vững.
4. Luật và chính sách môi trường Việt Nam.

Nội dung 7: Vệ sinh, an toàn lao động (2LT:3TL)

1. Tính chất cơ bản của công tác bảo hộ lao động và an toàn lao động
2. Môi trường sản xuất và sức khỏe
3. Một số văn bản pháp lý liên quan đến vệ sinh, an toàn lao động
4. **Yêu cầu của học phần**

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.
- Các bài tập phải được viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau. Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*. NXB GD

9.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình môi trường và con người*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13
- [3] Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): *Môi trường và con người*, NXB. Giáo dục, Hà Nội

GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 / PHYSICAL EDUCATION 1

- Số tín chỉ: 02 (3, 27)
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần:

Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất.

Nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu

Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa uốn thân.

Năng lực đạt được:

- Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác.
- Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa.
- Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn: Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình chính

- [1] . Nguyễn Đại Dương (2006), *Giáo trình Điền kinh*, NXB TDTT.
- [2] . Ủy ban TDTT (2015), *Luật Điền kinh*, NXB TDTT.

Tài liệu tham khảo:

- [3] . Nguyễn Đại Dương (2000), *Giáo trình Điền kinh*, NXB TDTT.
- [4] . Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), *Giáo trình Điền kinh*, NXB ĐH Sư phạm.

1. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2/ PHYSICAL EDUCATION 2

Chọn 1 trong 5 học phần:

A. Học phần tự chọn môn Bóng chuyền

- Số tín chỉ: 02 (30, 0)
- Mã học phần: 191031
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)

Năng lực đạt được:

Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng, đập bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

Tài liệu tham khảo chính:

Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóngchuyền*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
2. Ủy ban TDTT (2003), *Luật bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

3. Nguyễn Quang (2001), *Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.
4. Ủy ban TDTT (1998), *Bóng chuyền bóng rổ*, NXB TDTT Hà Nội.

B. Học phần tự chọn môn Bóng đá

- Số tín chỉ: 02 (30, 0)
- Mã học phần: 191033
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.

Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.

Năng lực đạt được:

- Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu
- Biết thực hiện một số kỹ thuật Bóng đá cơ bản
- Hiểu được một số điểm của luật

Tài liệu tham khảo chính:

Học liệu bắt buộc

1. PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 207

Học liệu tham khảo

2. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 11 người, năm 2014 NXB TDTT.*
3. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 7 người, năm 2001 NXB TDTT.*
4. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 5 người, năm 2011 NXB TDTT.*

C. Học phần tự chọn môn Bóng rổ.

- Số tín chỉ: 02 (30,0)
- Mã học phần: 191034
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ;

Năng lực đạt được:

Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.

Tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc:

- [1] . Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, ĐHSP.

Học liệu tham khảo:

- [2] . Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, TDTT.
[3] . Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, NXB TDTT.
[4] . Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB ĐH Thái Nguyên.

D. Học phần tự chọn môn Thể dục Aerobic

- Số tín chỉ: 02 (30,0)
- Mã học phần: 191032
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

Năng lực đạt được:

Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu.

Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khỏe, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic

2. Mục tiêu học phần:

Tài liệu tham khảo:

Học liệu bắt buộc:

[1] . Đinh Khánh Thu (2014), *Giáo trình Thể dục Aerobic*, NXB TDTT

Học liệu tham khảo:

[2] . Vũ Thanh Mai (2011), *Giáo trình Khiêu vũ thể thao*, NXB TDTT

[3] . Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, NXB TDTT

E. Học phần tự chọn môn võ Vovinam.

- Số tín chỉ: 02 (30,0)
- Mã học phần: 191035
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam - Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chào mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

Năng lực đạt được:

Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tu thể chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).

Tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc

[1] . Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự "*Giáo trình huấn luyện Vovinam - Việt võ đạo (VVN-VVD)*" tập 1, NXB TDDT, 2008.

Học liệu tham khảo

- [2] . Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam - Việt võ đạo (VVN-VVD)*
- [3] . Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Như khí công quyền 2 - Vovinam*, NXB TDDT.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/ MILITARY EDUCATION

I. HỌC PHẦN 1 : ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/ NATIONAL DEFENSE AND SECURITY POLICY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM

- Số đơn vị học trình: 03
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Chính trị
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Năng lực đạt được:

- + Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- + Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.
- + Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình chính:

1. *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, NXB Giáo dục.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019. *Giáo trình Học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, NXB Giáo dục Việt Nam
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng - an ninh*, NXB. Giáo dục Việt Nam.

II. HỌC PHẦN 2: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH/ DEFENSE AND SECURITY WORK

- Số đơn vị học trình: 02
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Chính trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

Năng lực đạt được:

+ Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình chính

1. Bộ giáo dục và Đào tạo, 2010. *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh tập 1*, NXB. Giáo dục.

2. Bộ giáo dục và Đào tạo, 2012. *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, NXB Giáo dục.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017 và 2020. *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*, 2017, 2020.

2. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng - an ninh*, NXB. Giáo dục.

III. HỌC PHẦN 3: QUÂN SỰ CHUNG/ GENERAL MILITARY

- Số đơn vị học trình: 02
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần:

Nội dung học phần quân sự chung: trang bị cho sinh viên nắm chắc được các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao.

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác.

Năng lực đạt được:

Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này.

Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Thuần thục cách sử dụng bản đồ.

Thuần thục cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Thuần thục về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp.

Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình chính

1. BGD&ĐT, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng. *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1* (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).
2. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.
3. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

IV. HỌC PHẦN 4: KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT/ INFANTRY FIGHTING TECHNIQUES AND TACTICS

- Số đơn vị học trình: 4
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần:

Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

Rèn luyện cho sinh viên về tu thể, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra.

Năng lực đạt được:

Nhớ được tính năng tác dụng của súng tiểu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biết cách ngắm trúng, ngắm chụm vào mục tiêu cố định.

Có khả năng vận dụng linh hoạt vào trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra.

Hiểu về cấu tạo, chuyển động và các tư thế, động tác ném lựu đạn.

Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu tiến công.

Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự.

Hiểu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1. BGD&ĐT, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh*, NXB Quân

9.14. TỔNG QUAN DU LỊCH/ INTRODUCTION TO TOURISM

- Số tín chỉ: 3 (27, 36,0)
- Mã học phần: 127099
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1 . Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần này đề cập đến những kiến thức khái quát về du lịch và dịch vụ du lịch. Nội dung chủ yếu bao gồm: các khái niệm cơ bản về du lịch và khách du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch; khái quát quá trình hình thành và phát triển du lịch thế giới và Việt Nam; mối tương quan giữa hoạt động du lịch đến kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường tự nhiên; nhu cầu, động cơ du lịch và các điều kiện phát triển du lịch; khái quát các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch; tính thời vụ trong du lịch; các xu hướng của cung và cầu du lịch trong giai đoạn hiện nay; thực trạng phát triển của du lịch Việt Nam, cơ hội và thách thức của ngành du lịch trong bối cảnh hội nhập.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được tổng quan về lý luận, lịch sử và thực tiễn du lịch thế giới và Việt Nam; xác định được xu hướng phát triển du lịch trong nước và trên thế giới; báo cáo, thuyết trình được tổng quan về tình hình du lịch Việt Nam và thế giới đương đại.

2 . Mục tiêu

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày được các quan điểm, khái niệm cơ bản trong du lịch;
- Trình bày được sự hình thành và phát triển du lịch, những xu hướng phát triển của ngành dịch vụ du lịch trong tương lai;
- Nhận thức được các động cơ nảy sinh du lịch và các hình thức du lịch;
- Trình bày được điều kiện để phát triển du lịch;
- Trình bày được Sự tác động qua lại giữa du lịch với các lĩnh vực khác;
- Nắm bắt được kinh nghiệm phát triển du lịch từ các mô hình thành công trên thế giới

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Thuyết trình về một chủ đề trước tập thể
- Phân tích các chỉ tiêu thống kê du lịch
- Phân tích được các tác động của môi trường vĩ mô đến ngành dịch vụ du lịch;

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Nâng cao lòng yêu nghề, tích cực chuẩn bị năng lực và điều kiện để trở thành hướng dẫn viên du lịch trong tương lai.
- Hình thành thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và trong quan hệ xã hội.
- Xây dựng tác phong lịch sự, hoà nhã, linh hoạt, biết lắng nghe và chia sẻ...

3. Nội dung học phần

NỘI DUNG 1 : KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (4, 4, 0)

1. Khái quát về sự hình thành và phát triển du lịch thế giới và Việt Nam
2. Các khái niệm cơ bản về du lịch
3. Các loại hình DL

4. Nhu cầu du lịch và sản phẩm du lịch
5. Mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực liên quan

NỘI DUNG 2: ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH (4, 4, 0)

1. Những điều kiện hình thành nhu cầu du lịch
2. Những điều kiện hình thành cung du lịch

CHƯƠNG 3. CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH DU LỊCH (4, 4, 0)

1. Kinh doanh lữ hành
2. Kinh doanh lưu trú
3. Kinh doanh vận chuyển khách du lịch
4. Kinh doanh phát triển điểm đến
5. Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác

CHƯƠNG 4: TÍNH THỜI VỤ TRONG DU LỊCH (4, 4, 0)

1. Khái niệm về tính thời vụ
2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tính thời vụ
3. Ảnh hưởng của tính thời vụ đến hoạt động du lịch
4. Các biện pháp làm giảm ảnh hưởng của tính thời vụ

CHƯƠNG 5. NGUỒN NHÂN LỰC TRONG NGÀNH DU LỊCH (3, 3, 0)

1. Khái quát về nguồn nhân lực trong du lịch
2. Lao động nghiệp vụ trong kinh doanh du lịch

CHƯƠNG 6: XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG (4, 4, 0)

1. Một số tổ chức du lịch trên thế giới và Việt Nam
2. Xu hướng phát triển du lịch hiện nay
3. Định hướng phát triển du lịch bền vững

NỘI DUNG 7: DU LỊCH VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP (4, 4, 0)

1. Tài nguyên du lịch Việt Nam
2. Thực trạng phát triển du lịch Việt Nam
3. Cơ hội và thách thức của DLVN trong bối cảnh hội nhập

CHƯƠNG 8: THỰC TẾ TẠI MỘT ĐIỂM DU LỊCH ĐỊA PHƯƠNG (0, 0, 9)

1. Mục đích, yêu cầu
2. Công tác chuẩn bị
3. Báo cáo thu hoạch

4. Yêu cầu của môn học

Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; Làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Giáo trình chính:

[1].Trần Đức Thanh (2003), *Nhập môn khoa học du lịch*. NXB Đại học Quốc gia HN.

9. 2. Tài liệu tham khảo

1]. Võ Văn Thành (2015), *Tổng quan du lịch*. NXB Văn hoá – văn nghệ.

[2]. Trần Thị Minh Hoà. (2015) *Du lịch Việt Nam thời kỳ đổi mới*.NXB Đại học Quốc gia HN.

9.16. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM/ VIETNAM HISTORY

- Số tín chỉ: 2 (18, 24,0)
- Mã học phần: 124046
- Bộ môn phụ trách: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển của Lịch sử Việt Nam. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội Việt Nam từ thời nguyên thủy cho đến quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày khái quát được tiến trình lịch sử Việt Nam; sử dụng được kiến thức lịch sử Việt Nam trong hoạt động thuyết minh hướng dẫn tại di tích lịch sử, bảo tàng. . .

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên sẽ: Nắm được kiến thức cơ bản của Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Thông qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên có thể:

- Phát triển khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử.

- Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề lịch sử.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Thông qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên sẽ:

- Phát triển khả năng hợp tác trong làm việc tập thể.

- Yêu nghề, tận tụy

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1 : VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY (LT:3, TL: 4)

1.1. Thời kỳ bầy người nguyên thủy

1.2. Thời kỳ công xã thị tộc

CHƯƠNG 2: THỜI DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC (THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG - AN DƯƠNG VƯƠNG) (LT:3, TL: 4)

2.1. Thời đại các vua Hùng dựng nước

2.2. Nước Âu Lạc thời An Dương Vương

CHƯƠNG 3: ĐẠI BẮC THUỘC VÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP (179 TR.CN - 938) (LT:3, TL: 4)

3.1. Sự thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc

3.2. Những cuộc đấu tranh giành độc lập

CHƯƠNG 4: THỜI ĐẠI XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐỘC LẬP (938-1958) (LT;3, TL:2, TH:2)

4.1. Nước Đại Việt từ thế kỷ X - XIV

4.2. Nước Đại Việt từ 1400 - 1527

4.3. Nước Đại Việt từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX

CHƯƠNG 5: THỜI KỲ ĐẦU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM

LƯỢC (1 858- 1945) (LT;3, TL:2, TH:2)

5.1. Cuộc chiến tranh buổi đầu chống thực dân Pháp xâm lược

5.2. Phong trào yêu nước và Cách mạng đầu thế kỷ XX.

5.3. Phong trào Cách mạng Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới lần thứ Nhất đến năm 1930.

CHƯƠNG 5: THỜI KỲ CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ 1 945 ĐẾN NAY (LT;3, TL:2, TH:2)

6.1. Cách mạng Việt Nam 1945-1954.

6.2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)

6.3. Lịch sử Việt Nam từ sau 1975 đến nay

4. Yêu cầu của môn học

Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; Làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Giáo trình chính

[1]. Trương Hữu Quýnh (chủ biên) (2010), *Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

[1] .Nguyễn Quang Ngọc (2002), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.

[2] .Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (2010), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.

[3] .Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (2002), *Đại cương Lịch sử Việt Nam (tập 2)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội

9.17. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN HÁN NÔM/ SINO - VIETNAMESE

- Số tín chỉ: 02 (18, 0, 24)
- Mã học phần: 121076
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Văn học Việt Nam
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần Hán Nôm nhằm giới thiệu về các loại hình Hán Nôm du lịch: thơ, văn, chiếu, truyện, kí (lưu đề) và các hệ thống hoành phi, câu đối, văn bia ở các di tích lịch sử. Ở mỗi thể loại, sẽ đi qua về đặc điểm loại hình, các tác phẩm tiêu biểu. Các hiện tượng ngữ pháp của Hán cổ như kết cấu định ngữ, kết cấu chủ vị, kết cấu động bổ; các hư từ cơ bản như *chi, kỳ, giả, dã* sẽ được giới thiệu lồng ghép trong mỗi bài học.

Năng lực đạt được: Sinh viên khai thác, sử dụng được văn tự Hán Nôm ở mức độ đơn giản.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được kiến thức cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm: nguồn gốc, sự hình thành, quá trình như phát triển; kết cấu, hình thể; cách thể hiện; bộ thủ; những kiến thức về tự, từ và câu trong Hán Văn cổ.

- Trình bày được kiến thức chung về các loại hình Hán Nôm du lịch: tên di tích, hoành phi, câu đối, văn bia

- Nhận biết được đặc trưng của mỗi thể loại văn học: (chiếu, truyện, kí); Văn bản Hán Nôm du lịch (Hoành phi, câu đối, văn bia).

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Sinh viên biết viết chữ Hán đúng nét, đủ nét, theo quy tắc bút thuận.
- Đọc và phiên âm, dịch nghĩa được các văn bản Hán Văn; hệ thống các hoành phi, câu đối, văn bia được học.

- Đọc và dịch các thu tịch cổ, các tác phẩm văn chương, hệ thống văn bia, câu đối ở đình chùa, miếu mạo. . v. v. . .

- Phân tích được các hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong các văn bản Hán văn được học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên có quan điểm khoa học trong học tập và nghiên cứu Hán Nôm; biết trân trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống.

3. Nội dung học phần

- Phần 1 . Đại cương về chữ Hán

CHƯƠNG 1 : VĂN TỰ HÁN - NGUỒN GỐC, HÌNH THỂ , KẾT CẤU (1 , 0 , 1)

- 1.1. Nguồn gốc
- 1.2. Hình thể
- 1.3. Kết cấu

CHƯƠNG 2: VĂN TỰ HÁN - CÁCH THỂ HIỆN CẤU (1 , 0 , 2)

- 2.1. Các nét cơ bản
- 2.2. Quy tắc bút thuận
- 2.3. Tính cân đối của chữ

CHƯƠNG 3: BỘ THỦ CẤU (1 , 0 , 1)

- 3.1. Vai trò của bộ thủ với việc học chữ Hán
- 3.2. Phân biệt một số bộ thủ có hình thể giống nhau và các bộ có nhiều hình thể

CHƯƠNG 4: TỰ, TỪ VÀ CÂU TRONG HÁN VĂN CỔ CẤU (1 , 0,2)

- 4.1. Từ tự đến từ
- 4.2. Nghĩa của từ trong Hán văn cổ
- 4.3. Từ từ đến câu

PHẦN 2: TIẾP CẬN VĂN BẢN HÁN

CHƯƠNG 5: NHÓM VĂN BẢN CỔ HỌC TINH HOA CẤU (1 , 0,2)

- 5.1. Tu thân, tề gia, trị quốc
- 5.2. Tam nhân hành
- 5.3. Bất hiếu giả ngu

CHƯƠNG 6: NHÓM VĂN BẢN KHẮC TẠI DI TÍCH CẤU (1 , 0,2)

- 6.1. Trung Nữ Vương miếu bi
- 6.2. Quán Sứ tự công đức bi kí
- 6.3. Ngọc Sơn Đế Quân từ kí

CHƯƠNG 7: LƯU ĐỀ Ở CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA (2 , 0 , 2)

- 7.1. Lưu đề của Trần Nhân Tông
- 7.2. Lưu đề của Nguyễn Suông
- 7.3. Lưu đề của Phạm Su Mạnh
- 7.4. Lưu đề ở chùa Đọi của Lê Thánh Tông
- 7.5. Lưu đề ở núi Dục Thúy

PHẦN 3: DI TÍCH VÀ CÁC THỂ LOẠI VĂN BẢN TẠI DI TÍCH

CHƯƠNG 8: TÊN DI TÍCH CẤU (2 , 0 , 2)

- 8.1. Tên di tích, cách viết tên di tích và vị trí ghi tên di tích
- 8.2. Các loại hình di tích
- 8.3. Kết cấu cú pháp tên di tích
- 8.4. Yếu tố chung và yếu tố hạn định trong tên di tích.

CHƯƠNG 9: HOÀNH PHI - ĐẠI TỰ CẤU (2 , 0 , 2)

- 9.1. Khái niệm và cách bố trí Hoành phi - đại tự
- 9.2. Các nội dung thường gặp trong hoành phi - đại tự
- 9.3. Phân loại hoành phi - đại tự theo số lượng từ

CHƯƠNG 10: CÂU ĐỐI CẤU (1 , 0 , 2)

- 10.1. Những vấn đề chung về câu đối
- 10.2. Phân loại câu đối theo chủ đề

CHƯƠNG 11 : VĂN BIA VÀ CÁCH ĐỌC VĂN BIA CẤU (2 , 0 , 2)

- 11.1. Văn bia
- 11.2. Hướng dẫn cách đọc văn bia

PHẦN 4: ĐẠI CƯƠNG VỀ CHỮ NÔM

CHƯƠNG 12: CÁC VẤN ĐỀ TRONG CHỮ NÔM CẤU (1 , 0 , 2)

- 12.1. Cách đọc Hán Việt Việt hóa

12.2. Cách đọc chính âm

CHƯƠNG 13: CẤU TRÚC CỦA CHỮ NÔM (2, 0, 2)

13.1. Loại chữ Nôm vay mượn chữ Hán

13.2. Loại chữ Nôm tự tạo

13.3. Loại chữ Nôm đặc biệt

13.4. Chữ Nôm viết tắt

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

[[1]. Đặng Đức Siêu (2007), *Ngữ văn Hán Nôm T1, T2*, NXB. ĐH Sư phạm, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Lê Đình Khẩn (2000) GT nhập môn về thư pháp *Chữ Hán những vấn đề cơ bản*, NXB ĐHQG Tp. Hồ HCM.

[2] . Nguyễn Ngọc San (2003), *Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm*, NXB ĐH Sư phạm.

9.18. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN HỆ THỐNG DI TÍCH - DANH THẮNG VIỆT NAM/VIETNAM'S HISTORIC - SCENIC LANDSCAPE

- Số tín chỉ: 2 (18, 24,0)
- Mã học phần: 124095
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: giới thiệu những kiến thức cơ bản, hệ thống về: cơ sở hình thành các loại hình văn hóa vật thể ở Việt Nam; những thành tố cơ bản của hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam; vấn đề quản lý, bảo tồn và phát huy tác dụng của các di tích và danh thắng, đặc biệt nhấn mạnh trong lĩnh vực phát triển kinh tế du lịch. Học phần cũng trang bị cho người học những kỹ năng, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành cơ bản.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được hệ thống các di tích danh thắng ở Việt Nam; sử dụng và khai thác được giá trị của hệ thống di tích - danh thắng Việt Nam để phục vụ phát triển du lịch và kinh tế - xã hội địa phương và trong hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- SV nắm được những kiến thức cơ bản về: khái niệm văn hóa, di tích, danh thắng; mối quan hệ giữa các khái niệm; đặc điểm, vai trò, ý nghĩa của hệ thống di tích danh thắng đối với đời sống cộng đồng nói chung, đối với phát triển kinh tế xã hội và du lịch nói riêng.
- SV phân biệt được các loại hình, nắm được đặc điểm của từng loại hình di tích và danh thắng.
- SV nắm được thực trạng và các biện pháp bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích và danh thắng Việt Nam; khai thác giá trị của hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam vào phát triển du lịch

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Học phần giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng:
- Kỹ năng đánh giá, nhận diện giá trị của hệ thống di tích danh thắng đối với phát triển du lịch; kỹ năng thuyết minh tại điểm di tích danh thắng.
- Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường học tập, nghề nghiệp.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Có ý thức cập nhật các tri thức khoa học
- Tôn trọng các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ DANH THẮNG (LT3)

- 1.1. Khái niệm di tích lịch sử và danh thắng
- 1.2. Đặc điểm của hệ thống di tích lịch sử và danh thắng Việt Nam
- 1.3. Phân loại hệ thống di tích lịch sử và danh thắng Việt Nam

CHƯƠNG 2: DI TÍCH KHẢO CỔ HỌC (LT3, TL3)

2. 1. Những vấn đề chung về di tích khảo cổ học
2. 2. Các loại hình di tích khảo cổ học

CHƯƠNG 3: DI TÍCH LỊCH SỬ (LT3, TL3, TH5)

3. 1. Những vấn đề chung về di tích lịch sử
2. 2. Các loại hình di tích lịch sử

CHƯƠNG 4: DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT (LT4, TL3, TH5)

3. 1. Những vấn đề chung về di tích kiến trúc nghệ thuật
4. 2. Các loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật

CHƯƠNG 5: DANH LAM THẮNG CẢNH (LT3, TL2)

5. 1. Những vấn đề chung về danh lam thắng cảnh
4. 2. Các loại hình danh lam thắng cảnh
5. 3. Một số Danh lam thắng cảnh tiêu biểu Việt Nam

CHƯƠNG 6: QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY TÁC DỤNG CỦA HỆ THỐNG DI TÍCH VÀ DANH THẮNG VIỆT NAM (LT2 , TH5)

- 6.1. Hiện trạng của các di tích và danh thắng Việt Nam
- 6.2. Các biện pháp bảo tồn, tu bổ và tôn tạo các di tích và danh thắng Việt Nam
- 6.3. Khai thác giá trị của hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam vào phát triển du lịch

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Giáo trình chính

[1]. Dương Văn Sáu (2017), *Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam*, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Tổng cục Du lịch(2005), *Non nước Việt Nam*,NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2]. Trần Lâm Biên (2017), *Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt: vùng Châu thổ Sông Hồng*,NXB Hồng Đức.
- [3]. Trần Lâm Biên (2017); *Đình làng Việt Nam*. NXB Hồng Đức.

9.19. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM/VIETNAM ETHNIC GROUPS

- Số tín chỉ: 2 (18,24,0)
- Mã học phần: 124050
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần tập trung giới thiệu các vấn đề cơ bản của dân tộc học dưới các góc độ: lịch sử tộc người, văn hóa tộc người, kinh tế tộc người, dân số tộc người. Phần kiến thức cơ bản gồm các nội dung: Những vấn đề chung về các dân tộc ở Việt Nam; vấn đề lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư; đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội tộc người; các dân tộc thuộc các ngữ hệ Nam Á, Thái, Hán - Tạng và Nam Đảo tại Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam; khai thác được bản sắc văn hóa các dân tộc trong các hoạt động bảo tồn bản sắc văn hóa, hướng dẫn du lịch, phát triển cộng đồng...

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Qua học phần này Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về:

- Trình bày kiến thức về Lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư
- Nhận thức được tính đa dạng của các dân tộc ở Việt Nam và trên thế giới
- Trình bày kiến thức về Các tộc người thuộc các ngữ hệ khác nhau ở Việt nam
- Trình bày kiến thức về Đặc điểm kinh tế - xã hội các tộc người ở Việt nam
- Trình bày kiến thức về Đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng bậc cao về các lĩnh vực chuyên sâu về dân tộc học
- Các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy độc lập

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (2, 2)

- 1.1. Xung quanh việc sử dụng khái niệm dân tộc ở Việt Nam
- 1.2. Xung quanh các tiêu chí xác định tộc người
- 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và mục đích nghiên cứu của học phần

CHƯƠNG 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN , LỊCH SỬ TỘC NGƯỜI , DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ (2, 2)

- 2.1. Điều kiện tự nhiên
- 2.2. Đặc điểm của lịch sử tộc người
- 2.3. Dân số và phân bố dân cư

CHƯƠNG 3: ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (2, 2,2)

- 3.1. Các loại hình kinh tế truyền thống
- 3.2. Vị trí của kinh tế truyền thống của các tộc người
- 3.3. Những biến đổi của kinh tế trong thời kì hiện đại

CHƯƠNG 4: ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (2, 2,2)

- 4.1. Các tộc người thiểu số ở phía Bắc
- 4.2. Các tộc người thiểu số ở phía Nam
- 4.3. Đặc điểm xã hội của người Kinh
- 4.4. Những biến đổi hiện nay

CHƯƠNG 5: ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (2, 2,2)

- 5.1. Xung quanh khái niệm văn hóa và văn hóa tộc người
- 5.2. Đặc điểm văn hóa sản xuất
- 5.3. Đặc điểm văn hóa đảm bảo đời sống
- 5.4. Đặc điểm văn hóa chuẩn mực xã hội
- 5.5. Đặc điểm văn hóa nhận thức

CHƯƠNG 6: CÁC TỘC NGƯỜI THUỘC NGŨ HỆ NAM Á Ở VIỆT NAM (2, 2)

- 6.1. Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường
- 6.2. Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ Me
- 6.3. Nhóm ngôn ngữ Mông - Dao
- 6.4. Nhóm hỗn hợp

CHƯƠNG 7: CÁC TỘC NGƯỜI THUỘC NGŨ HỆ THÁI Ở VIỆT NAM (2, 2)

- 7.1. Người Thái
- 7.2. Người Tày, Nùng
- 7.3. Người Lào, Lự, Bô Y
- 7.4. Người Giáy

CHƯƠNG 8: CÁC TỘC NGƯỜI THUỘC NGŨ HỆ HÁN TẠNG Ở VIỆT NAM (2, 2)

- 8.1. Nhóm ngôn ngữ Hoa
- 8.2. Nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến

CHƯƠNG 9: CÁC TỘC NGƯỜI THUỘC NGŨ HỆ NAM ĐẢO Ở VIỆT NAM (2, 2)

- 9.1. Người Cham
- 9.2. Người Gia Rai
- 9.3. Người Êđê
- 9.4. Người Churu, Raglai

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực

9.20. Chọn 1 trong 2 học phần

a. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHONG TỤC TẬP QUÁN VIỆT NAM/ VIETNAMESE HABITS AND CUSTOMS

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 127020
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam

1 . Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về phong tục tập quán Việt Nam. Trong đó bao gồm: Phong tục tập quán trong đời sống vật chất (ăn, mặc, ở, đi lại); Các phong tục tập quán trong chu kỳ vòng đời của con người (hôn nhân, tang ma, sinh đẻ); Các phong tục tập quán trong sản xuất (canh tác lúa nước, canh tác nương rẫy, chăn nuôi, săn bắt, hái lượm, đánh cá, các nghề thủ công); Các phong tục tập quán trong lễ tết và lễ hội; Các phong tục tập quán trong gia đình - dòng họ; Các phong tục tập quán trong làng xã, bản mường

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về phong tục, tập quán của các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam, có khả năng biên tập, giới thiệu đến khách du lịch những phong tục cơ bản.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về phong tục tập quán: Nhận thức được nguồn gốc các dân tộc (ethnics) ở Việt Nam; Các phong tục tập quán trong đời sống vật chất, cụ thể là các phong tục tập quán trong ẩm thực, trong ở, mặc, đi lại; Các phong tục tập quán trong chu kỳ vòng đời của con người, cụ thể như các phong tục trong hôn nhân, tang ma và sinh đẻ; Các phong tục tập quán trong sản xuất, cụ thể như tập quán canh tác lúa nước, tập quán canh tác nương rẫy, tập quán chăn nuôi, tập quán khai thác tự nhiên (săn bắt, hái lượm, đánh cá...), tập quán hoạt động của các nghề thủ công; Các phong tục tập quán trong lễ tết và lễ hội; Các phong tục tập quán trong gia đình - dòng họ; Các phong tục tập quán trong làng xã; Các phong tục tập quán trong bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh (y học dân gian)v.v...

2.2. về kỹ năng:

Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng bậc cao các lĩnh vực chuyên sâu về phong tục tập quán tộc người như: Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề về phong tục tập quán một cách khoa học; Tìm kiếm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu phong tục tập quán; Phân tích, đánh giá, khái quát và vận dụng kiến thức ngành học vào cuộc sống.

2.3. Về thái độ

Có tình thần say sưa trong học tập và nghiên cứu khoa học cũng như có thái độ trân trọng các phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc mình và các dân tộc anh em nói chung, bởi đó chính là di sản văn hóa vô giá của dân tộc cũng như của nhân loại.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1 :Xung quanh khái niệm, tình hình và nội dung nghiên cứu phong tục tập quán Việt Nam (3; 3)

A. Lí thuyết

1. về khái niệm phong tục tập quán
2. Phong tục tập quán là bản sắc văn hóa dân tộc
3. Tổng quan tình hình nghiên cứu
4. Những nội dung cơ bản trong nghiên cứu về phong tục tập quán
 - Phong tục sinh đẻ
 - Phong tục hôn nhân
 - Phong tục tang ma
 - Phong tục lễ tết, lễ hội
 - Tập quán ẩm thực
 - Tập quán ở và đi lại
 - Tập quán mặc
 - Phong tục trong gia đình - gia tộc (dòng họ)
 - Phong tục trong làng xóm
 - Phong tục tập quán trong lao động sản xuất
 - Phong tục tập quán trong tín ngưỡng và tôn giáo

B. Thực hành, thảo luận

2. Nhận xét về quan niệm của một số nhà nghiên cứu về phong tục tập quán và đi đến thống nhất về nội hàm khái niệm này ?
3. Tại sao nói phong tục tập quán là bản sắc văn hóa tộc người ?
4. Tại sao phải nghiên cứu về phong tục tập quán của các dân tộc Việt Nam nhất là trong bối cảnh hiện nay ?

C. Tự học, tự nghiên cứu

2. Việt Nam là một quốc gia đa tộc người nên cũng rất đa dạng về phong tục tập quán, không dân tộc nào giống dân tộc nào ?
3. Nhận thức sự đa dạng trong phong tục tập quán của các dân tộc ở Việt Nam từ đó hãy phân tích để thấy được những thuần phong mỹ tục và những hủ tục lạc hậu không còn phù hợp trong xã hội hiện đại, cần loại bỏ.

Nội dung 2: Phong tục tập quán trong đời sống văn hóa vật chất (3, 3)

2.1 . Phong tục tập quán trong ẩm thực (tập quán ăn, uống, hút...)

A. Lí thuyết

1. Thức ăn
 - Thức ăn của người Việt (Kinh) và một số tộc người ở đồng bằng
 - Thức ăn các tộc người miền núi Việt Nam
 - Tính biến chứng, linh hoạt trong lối ăn của người Việt Nam
 - Tính tổng hợp và tính cộng đồng trong lối ăn của người Việt Nam

2. Đồ uống

- Uống rượu
- Uống trà

3. Trong văn hoá ẩm thực còn bao gồm cả hút thuốc và ăn trầu

- Ăn trầu là một tập tục trở thành một đặc trưng của người Việt Nam
- Tục hút thuốc Lào, thuốc lá và thuốc phiện không riêng gì ở nước ta

4. Những kiêng kỵ trong ăn uống

B. Thực hành, thảo luận

1. Đặc trưng ẩm thực của người Việt (Kinh)
2. Đặc trưng ẩm thực các dân tộc thiểu số ở phía Bắc
3. Đặc trưng ẩm thực các dân tộc thiểu số ở phía Nam
4. Đặc trưng ẩm thực Việt Nam

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Ẩm thực các dân tộc Việt Nam
2. Sự giống nhau và khác nhau cơ bản trong ẩm thực giữa các vùng miền: miền biển, đồng bằng và trung du miền núi.
3. Những biến đổi hiện nay

2.2. Phong tục tập quán mặc

A. Lí thuyết

1. Quan niệm về mặc
 - Quan niệm của người Việt
 - Quan niệm của đồng bào các dân tộc thiểu số
2. Về chất liệu may mặc
 - Của người Việt
 - Của các dân tộc thiểu số
3. Trang phục
 - Các dân tộc thiểu số ở phía Bắc
 - Các dân tộc thiểu số ở phía Nam
4. Trang sức
 - Trang sức của người Việt
 - Trang sức các dân tộc thiểu số

B. Thực hành, thảo luận

1. Đặc trưng trang phục truyền thống của người Việt
2. Đặc trưng trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam
3. Từ trang phục truyền thống chúng ta suy ngẫm gì về nghề dệt truyền thống của nước ta cũng như bản sắc văn hóa tộc người trong trang phục.

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Nghề dệt trong đời sống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam
2. Vai trò của giới trong nghề dệt và văn hóa mặc
3. Tại sao trang phục các dân tộc Việt Nam lại không giống nhau từ màu sắc, kiểu cách, thêu
mỹ.v.v...
4. Những biến đổi hiện nay

2.3. Phong tục tập quán ở và đi lại

A. Lí thuyết

1. Nhà ở và kiến trúc dân gian
 - Nguồn gốc của cái nhà
 - Những phong tục tập quán cơ bản trong kiến trúc dân gian của người Việt
 - Những phong tục tập quán cơ bản trong kiến trúc dân gian của các dân tộc thiểu số
 - Người Mường
 - Người Thái
 - Người Hmông
 - Người Êđê.v.v...
 - Kiến trúc cung đình của các nhà nước phong kiến
 - Cung điện; Thành lũy; Lăng tẩm.v.v...
2. Đi lại và vận chuyển
 - Phương tiện đi lại
 - Các phương tiện trợ giúp cho việc vận chuyển

B. Thực hành, thảo luận

1. Những phong tục tập quán cơ bản liên quan đến xây dựng nhà ở của người Việt ?
2. Những phong tục tập quán cơ bản trong kiến trúc dân gian của một số dân tộc thiểu số ?
3. Những ưu điểm và hạn chế của những phong tục tập quán liên quan đến xây dựng nhà ở ?
4. Đặc trưng kiến trúc của nhà ở người Việt so với các dân tộc thiểu số ?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Không gian sinh tồn của người Việt liên quan gì đến phong tục tập quán xây cất nhà ở.
2. Không gian sinh tồn của các dân tộc thiểu số liên quan đến phong tục tập quán xây cất nhà ở.
3. Nhà ở người Việt có gì giống và khác nhau so với các dân tộc thiểu số
4. Những biến đổi hiện nay

Nội dung 3: Phong tục tập quán liên quan đến chu kỳ vòng đời (3, 3)

3.1 . Phong tục tập quán trong hôn nhân

A. Lí thuyết

1. Phong tục tập quán trong hôn nhân thuộc phạm trù Văn hóa chuẩn mực xã hội.
 - Các tộc người theo chế độ mẫu hệ
 - Các tộc người theo chế độ phụ hệ
2. Người Việt

- Về phong tục (nghỉ lễ) hôn nhân
 - Trong cuộc sống vợ chồng
3. Phong tục hôn nhân các dân tộc thiểu số: Thái, Mường, Chăm, Khome..
- Về phong tục (nghỉ lễ) hôn nhân
 - Trong cuộc sống vợ chồng

B. Thực hành thảo luận

1. Vị thế của nam giới và nữ giới của các tộc người theo chế độ phụ hệ và mẫu hệ có ý nghĩa như thế nào trong hôn nhân ?
2. So sánh những phong tục tập quán trong hôn nhân và sinh đẻ của người Việt với một số tộc người thiểu số ở Việt Nam để tìm ra những đặc trưng cơ bản giữa các tộc người trong hôn nhân ?
3. Những mỹ tục cũng như những hủ tục trong hôn nhân và sinh đẻ của các dân tộc ở Việt Nam ?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Các nghi lễ trong hôn nhân và sinh đẻ của người Việt
2. Các nghi lễ trong hôn nhân và sinh đẻ của các dân tộc thiểu số
3. Những biến đổi hiện nay

3.2 . Phong tục tập quán trong sinh đẻ

A. Lí thuyết

1. Phong tục tập quán trong sinh đẻ của người Việt (Kinh)
 - Quan niệm về con cái
 - Những kiêng kỵ trước và sau khi sinh
2. Phong tục tập quán trong sinh đẻ của các dân tộc thiểu số Việt Nam
 - Quan niệm về con cái
 - Những kiêng kỵ trước và sau khi sinh

B. Thực hành, thảo luận

1. Vị thế của nam giới và nữ giới của các tộc người theo chế độ phụ hệ và mẫu hệ có ý nghĩa như thế nào trong hôn nhân ?
2. So sánh những phong tục tập quán trong hôn nhân và sinh đẻ của người Việt với một số tộc người thiểu số ở Việt Nam để tìm ra những đặc trưng cơ bản giữa các tộc người trong hôn nhân ?
3. Những mỹ tục cũng như những hủ tục trong hôn nhân và sinh đẻ của các dân tộc ở Việt Nam ?

C. Tự học tự nghiên cứu

1. Các nghi lễ trong hôn nhân và sinh đẻ của người Việt
2. Các nghi lễ trong hôn nhân và sinh đẻ của các dân tộc thiểu số
3. Những biến đổi hiện nay

3.3. Phong tục tập quán trong tang ma

A. Lí thuyết

1. Phong tục tang ma của người Việt
 - Chuẩn bị cho lúc chết
 - Những nghi thức về tang lễ
2. Phong tục tang ma các dân tộc thiểu số
 - Phong tục tang ma dân tộc Thái
 - Phong tục tang ma dân tộc Mường
 - Phong tục tang ma dân tộc Chăm
 - Phong tục tang ma dân tộc Ê đê
 - Phong tục tang ma dân tộc Ba na
 - Phong tục tang ma dân tộc Lô Lô
 - Phong tục tang ma dân tộc H'Mông
 - Phong tục tang ma dân tộc Khơme
 - Phong tục tang ma dân tộc Gia rai Á rập.v.v...

B. Thực hành, thảo luận

1. Phong tục mai táng có từ khi nào ?
2. Những phong tục tập quán cơ bản của người Việt trong tang ma ?
3. Những phong tục tập quán cơ bản của một số dân tộc thiểu số trong tang ma ?
4. So sánh những phong tục tập quán cơ bản của người Việt với một số dân tộc thiểu số để tìm ra những điểm chung và khác biệt ?
5. Nhận thức về những mỹ tục cũng như những hủ tục trong tang ma của các dân tộc ở Việt Nam ?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Các nghi lễ trong tang của người Việt
2. Các nghi lễ trong tang ma của các dân tộc thiểu số
3. Những biến đổi hiện nay

Nội dung 4: Phong tục tập quán trong sinh hoạt xã hội (3, 3, 2)

4.1. Phong tục trong gia đình - dòng họ

A. Lí thuyết

1. Quan niệm về gia đình - dòng họ của người Việt
 - Vị trí của học nội, nội tộc
 - Vị trí của họ ngoại, ngoại tộc
2. Vị trí của gia tộc trong đời sống của người Việt
 - Tình thân gia tộc
 - Sức mạnh gia tộc
 - Tài sản gia tộc

- Địa vị của các thành viên trong gia tộc
- 3. Gia đình - dòng họ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam
- Các tộc người thiểu số ở các tỉnh phía Bắc
- Các tộc người thiểu số ở các tỉnh phía Nam

B. Thực hành thảo luận

1. Nguồn gốc và tầm quan trọng của gia đình trong đời sống của người Việt ?
2. Nguồn gốc của dòng họ Việt ?
3. Vị trí của dòng họ trong đời sống của người Việt ?
4. Vị trí của gia đình và dòng họ trong đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam ?

C. Tự học tự nghiên cứu

1. Phong tục tập quán li hôn quan đến gia đình - dòng họ của người Việt
2. Phong tục tập quán li hôn quan đến gia đình - dòng họ của các dân tộc thiểu số.
3. Sự giống nhau hay khác nhau là cơ bản giữa phong tục tập quán trong gia đình - dòng họ người Việt với các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.
4. Những biến đổi hiện nay

4.2 . Phong tục làng xóm Việt Nam

A. Lí thuyết

1. Nguồn gốc làng xã của người Việt
2. Tính cộng đồng và tính tự trị cao
3. Hội làng
4. Các phong tục khác
5. Phong tục tập quán làng bản các dân tộc thiểu số
- Làng xóm của người Mường
- Bản mường của người Thái
- Buôn làng của đồng bào các dân tộc Tây nguyên
- Phum sóc của đồng bào Khome

B. Thực hành, thảo luận

1. Phong tục làng xóm của người Việt - những ưu điểm và hạn chế ?
2. Phong tục liên quan đến bản làng của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam những ưu điểm và hạn chế ?
3. Tính cộng đồng và tự trị thể hiện trong phong tục tập quán - những căn nguyên ?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Phong tục làng xóm và văn hóa dân tộc
2. Những biến đổi hiện nay

Nội dung 5: Phong tục tập quán trong lao động sản xuất (3, 3, 2)

A. Lí thuyết

1. Tập quán trồng trọt

- Tập quán canh tác ruộng nước của người Việt (tri thức bản địa trong canh tác ruộng nước)
- Tập quán canh tác nương rẫy (tri thức bản địa trong canh tác nương rẫy) của các dân tộc thiểu số

- Tập quán làm vườn

2. Các nghề thủ công

- Các nghề thủ công của người Việt
- Các nghề thủ công của các dân tộc thiểu số

3. Chăn nuôi truyền thống

4. Tập quán khai thác tự nhiên (săn bắt, đánh cá, hái lượm...)

5. Tập quán buôn bán và trao đổi hàng hóa

B. Thực hành, thảo luận

1. Tập quán canh tác của người Việt và các dân tộc thiểu số giống và khác nhau như thế nào?
2. Nguyên nhân tạo nên sự giống và khác nhau giữa tập quán canh tác của người Kinh và các dân tộc thiểu số ?
3. Tập quán canh tác của các dân tộc Việt Nam có phải là tri thức tộc người không ?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Tập quán canh tác truyền thống của các dân tộc ở Việt Nam: đồng bằng - duyên hải, trung du (rẻo giữa), miền núi (rẻo cao)
2. Những biến đổi hiện nay

Nội dung 6: Phong tục tập quán trong tín ngưỡng - tôn giáo và lễ tết - lễ hội (3, 3, 2)

6.1. Phong tục tập quán trong tín ngưỡng - tôn giáo

A. Lí thuyết

1. Nguồn gốc của tín ngưỡng và tôn giáo
2. Các hình thức tín ngưỡng của người Việt
 - Tín ngưỡng phồn thực
 - Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên
 - Tín ngưỡng sùng bái con người
3. Tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam
 - Tín ngưỡng phồn thực
 - Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên
 - Tín ngưỡng sùng bái con người
4. Khái quát về tín ngưỡng Việt Nam
5. Phong tục tập quán trong tôn giáo
 - Phật giáo
 - Thiên chúa giáo (Kitô giáo)
 - Đạo Tin lành
 - Hồi giáo

- Cao đài (tên đầy đủ là Đại đạo tam kỳ phổ độ)
- Hòa hảo
- Tư tưởng Không giáo (Nho giáo - tư tưởng triết học)
- Tư tưởng Đạo giáo

6. Tôn giáo trong đời sống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

B. Thực hành, thảo luận

1. Các phong tục tập quán trong tín ngưỡng phồn thực của người Việt và các dân tộc thiểu số?
2. Các phong tục tập quán trong tín ngưỡng sùng bái tự nhiên của người Việt và các dân tộc thiểu số?
3. Các phong tục tập quán trong tín ngưỡng sùng bái con người của người Việt và các dân tộc thiểu số ?
4. Các phong tục tập quán liên quan đến các tôn giáo lớn ở Việt Nam?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Hệ thống các phong tục tập quán trong tín ngưỡng và tôn giáo của người Việt và các dân tộc thiểu số.
2. Những biến đổi hiện nay và những tàn dư của của tín ngưỡng nguyên thủy.

6.2. Phong tục tập quán trong lễ tết - lễ hội

A. Lí thuyết

1. Phong tục lễ tết
 - Phong tục lễ tết của người Việt
 - Phong tục trong lễ tết của đồng bào các dân tộc thiểu số
 - Tết của người Mường
 - Tết của người Thái
 - Tết của người Chăm
 - Tết của người Khome.v.v...
2. Phong tục trong lễ hội
 - Phong tục trong lễ hội của người Việt
 - Một số lễ hội tiêu biểu của người Việt
 - Lễ hội Chùa Hương
 - Lễ hội Đền Hùng
 - Lễ hội Thánh Gióng (hội Gióng)- Phù Đổng
 - Lễ hội Côn Sơn - Kiếp Bạc
 - Lễ hội Cỗ Loa.v...
3. Lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam
 - Cơ sở hình thành lễ hội các dân tộc thiểu số ở Việt Nam
 - Lễ hội mùa xuân
 - Lễ hội mùa hè

- Lễ hội mùa thu
- Lễ hội mùa đông
- Giá trị của lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

B. Thực hành, thảo luận

1. Đặc điểm lễ tết - lễ hội cổ truyền của người Việt ?
2. Đặc điểm lễ tết - lễ hội cổ truyền của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam ?
3. Cơ cấu lễ hội của người Việt và các dân tộc thiểu số ?
4. Ý nghĩa của lễ tết - lễ hội cổ truyền trong đời sống của các dân tộc ở Việt Nam ?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Đặc điểm các phong tục tập quán trong lễ tết - lễ hội của người Việt và các dân tộc thiểu số.
2. Những biến đổi hiện nay trong lễ tết - lễ hội ở Việt Nam.

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

Địa điểm thực hành: Phòng học, Sảnh nhà A5, Công ty Du lịch Quốc tế Hữu Nghị, Khách sạn Mường Thanh

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở th viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Phan Kế Bính (2001), *Việt Nam phong tục*, NXB. Văn học, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Đào Duy Anh (2003), *Việt Nam văn hoá sử cương*, NXB. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

[2]. Trần Ngọc Thêm (1998). *Cơ sở văn hoá Việt nam*. NXB Giáo dục Hà Nội.

b. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á/SOUTHEAST ASIA CULTURE

- Số tín chỉ: 2 (18, 24,0)
- Mã học phần: 127021
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1 . Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá Đông Nam Á. Bao gồm: đặc điểm chung về tự nhiên, lịch sử và văn hoá của các quốc gia Đông Nam Á; tiến trình lịch sử văn hoá khu vực; các nhóm chủng tộc chính và các dân tộc ở Đông Nam Á; các thành tố cơ bản của văn hoá Đông Nam Á như ngôn ngữ, tôn giáo - tín ngưỡng, lễ hội - lễ tết, phong tục tập quán, nghệ thuật.

Năng lực đạt được: Sinh viên đánh giá, trình bày được tổng quan về đặc điểm văn hóa của các nước Đông Nam Á; phân biệt được đặc điểm đặc trưng trong văn hóa từng quốc gia trong khu vực; sử dụng được kiến thức về văn hóa các nước Đông Nam Á phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày tổng quan các thành tố tiêu biểu trong nền văn hóa khu vực Đông Nam Á
- Nắm vững những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Đông nam Á từ cội nguồn cho đến hiện đại.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng làm việc nhóm
- Kỹ năng nghiên cứu văn hóa

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Say sưa trong nghiên cứu khoa học, trong học tập.
- Có ý thức cập nhật các tri thức khoa học
- Nhận thức rõ và tôn trọng bản sắc văn hoá dân tộc

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 . ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ NGUỒN GỐC TỘC NGƯỜI(2 , 2)

- 1.1. Điều kiện tự nhiên của khu vực Đông Nam Á
- 1.2. Nguồn gốc các dân tộc ở Đông Nam Á

CHƯƠNG 2 . TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VĂN HOÁ ĐÔNG NAM Á(3, 2)

- 2.1. Văn hóa Đông Nam Á thời kỳ tiền - s ơ sử
- 2.2. Văn hóa Đông Nam Á từ buổi đầu lịch sử đến thế kỷ thứ X
- 2.3. Văn hóa Đông Nam Á từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX
- 2.4. Văn hóa Đông Nam Á từ nửa sau thế kỷ XIX đến năm 1945

2.5. Văn hóa Đông Nam Á từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay

CHƯƠNG 3. NGÔN NGỮ ĐÔNG NAM Á(2 , 2)

3.1. Đặc điểm ngôn ngữ - chữ viết Đông Nam Á

3.2. Ngữ hệ Nam đảo

3.3. Ngữ hệ Nam Á

3.4. Ngữ hệ Thái

3.5. Ngữ hệ Hán - Tạng

CHƯƠNG 4. TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO ĐÔNG NAM Á (3, 3)

4.1. Tín ngưỡng bản địa

4.2. Tôn giáo

CHƯƠNG 5. LỄ HỘI, LỄ TẾT ĐÔNG NAM Á(3, 3,3)

5.1. Khái quát chung về lễ hội ở Đông Nam Á

5.2. Đặc trưng lễ hội Đông Nam Á

5.3. Một số lễ hội tiêu biểu

CHƯƠNG 6. PHONG TỤC TẬP QUÁN ĐÔNG NAM Á (3, 3,3)

6.1. Trang phục

6.2. Ăn uống

6.3. Hôn nhân

6.4. Tang lễ

6.5. Những phong tục, tập quán khác

6.6. Các trò chơi giải trí

6.7. Nhà ở

CHƯƠNG 7. NGHỆ THUẬT ĐÔNG NAM Á(2 , 3)

7.1. Nghệ thuật tạo hình

7.2. Nghệ thuật biểu diễn

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Giáo trình chính

[1]. Mai Ngọc Chừ (1999), *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

[1] . Ngô Văn Doanh (1997), *Phong tục các dân tộc Đông Nam Á*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

[2] . Lương Ninh (chủ biên, 2005), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục.

9.21. Chọn 1 trong 2 học phần

a. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VÀ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM/BELIEFS, RELIGIONS AND TRADITIONAL FESTIVALS IN VIETNAM

- Số tín chỉ: 02 (18,24,0)
- Mã học phần: 124225
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội (khái niệm, các loại hình cụ thể, cách thức tổ chức...); phân biệt được tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào với tôn giáo bản địa; cơ sở hình thành, lịch sử, vai trò, giá trị của lễ hội.

Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá phi vật thể, trong đó cụ thể như: tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội.
- Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích, phân loại, tổng hợp, so sánh để phân biệt được các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội.
- Sử dụng các tư liệu của học phần để học các học phần khác.
- Vận dụng các phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Có ý thức tôn trọng, giữ gìn các di sản văn hoá của dân tộc và nhân loại, trân trọng những thành quả lao động của quá khứ, tự hào về những thành tựu văn hoá mà người xưa đã tạo dựng nên. Trên cơ sở đó góp phần củng cố bền chặt mối quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta.

2. Mục tiêu học phần

- Những kiến thức chung về khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo, lễ, hội, lễ hội, lễ tục, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.
- Những kiến thức về cơ sở hình thành, lịch sử, các loại hình của tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội. Qua đó tránh được sự nhầm lẫn giữa các loại hình tín ngưỡng và tôn giáo, đồng thời nâng cao được sự hiểu biết tại một cơ sở thờ tự, một lễ hội
- Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường học tập, nghề nghiệp.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1 : Dẫn luận (LT:2 , TL:0)

- 1.1. Tầm quan trọng của học phần
- 1.2. Một số khái niệm liên quan đến học phần

Chương 2: Tín ngưỡng ở Việt Nam (LT:2 , TL:2)

- 2.1. Nguồn gốc của tín ngưỡng
- 2.2. Khái niệm tín ngưỡng
- 2.3. Một số tín ngưỡng tiêu biểu ở Việt Nam
- 2.4. Khái quát về tín ngưỡng

Chương 3: Tôn giáo ở Việt Nam (LT:4 , TL:2)

- 3.1. Nguồn gốc của tôn giáo
- 3.2. Khái niệm tôn giáo
- 3.3. Một số tôn giáo tiêu biểu ở Việt Nam

Chương 4: Đi thực tế tại thành phố Thanh Hóa (TT:12)

- 4.1. Một số đình, đền ở thành phố Thanh Hóa
- 4.2. Một số chùa, nhà thờ ở thành phố Thanh Hóa

Chương 5: Tổng quan về lễ hội ở Việt Nam (LT:2 , TL:2)

- 5.1. Quá trình nghiên cứu lễ hội ở Việt Nam
- 5.2. Khái niệm lễ hội
- 5.3. Cơ cấu của lễ hội Việt Nam
- 5.4. Vấn đề tổ chức lễ hội

Chương 6: Cơ sở hình thành lễ hội truyền thống ở Việt Nam (LT:4 , TL:2)

- 6.1. Môi trường tự nhiên và hoạt động sản xuất
- 6.2. Môi trường xã hội
- 6.3. Môi trường lịch sử văn hóa

Chương 7: Lịch sử lễ hội truyền thống Việt Nam (LT:2 , TL:2)

- 7.1. Lễ hội trong thời kỳ xây dựng nền văn hóa Đông Sơn
- 7.2. Lễ hội trong thời kỳ Bắc thuộc
- 7.3. Lễ hội trong thời kỳ xây dựng quốc gia Đại Việt độc lập tự chủ
- 7.4. Lễ hội trong thời kỳ đất nước dưới chế độ thực dân nửa phong kiến

Chương 8: Vấn đề phân loại và giá trị của lễ hội truyền thống Việt Nam (LT:2 , TL:2)

- 8.1. Vấn đề phân loại lễ hội truyền thống
- 8.2. Giá trị của lễ hội truyền thống

4. Yêu cầu đối với môn học

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được trình bày trong đề cương chi tiết học phần.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo đề cương hướng dẫn môn học
- Nộp các bài tập đúng hạn theo đề cương môn học
- Điều kiện để được thi hết môn
- + Có mặt tối thiểu 80% thời gian trên lớp, không nghỉ quá 02 buổi thảo luận nhóm trên lớp.
- + Có đủ các điểm thành phần.
- + Các bài kiểm tra phải đạt điểm trung bình trở lên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, điền giả.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Học liệu

9.1. Giáo trình chính

[1]. Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Hoàng Lương (2011), *Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam - các tỉnh phía Bắc*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội.

[2] . Trương Sĩ Hùng (2007). *Tôn giáo và văn hoá*. NXB Khoa học xã hội.

[3] . Ngô Đức Thịnh (2018). *Tín ngưỡng lễ hội cổ truyền Việt nam*. NXB Tri Thức.

b. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI/HISTORY OF WORLD CIVILIZATION

- Số tín chỉ: 02 (18, 24,0)
- Mã học phần: 124195
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1 . Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Luống Hà cổ đại, văn minh Ả rập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc.

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm có khả năng phân tích, nhận diện được các nền văn minh cổ trong lịch sử. Là kiến thức cơ bản nền tảng để phục vụ cho việc biên tập, giới thiệu, thuyết minh.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu và trình bày được được cơ sở hình thành và những thành tựu cơ bản của các nền văn minh thế giới cổ trung đại(Văn minh Ai Cập, Luống Hà, Ả rập, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á, Hy Lạp, La Mã, Văn minh Tây Âu thời kỳ trung đại); điều kiện ra đời và những thành tựu, những quy tắc hoạt động... của nền văn minh công nghiệp, Văn minh Thế giới TK XX
- Hiểu và lý giải được đặc trưng, tính chất của các nền văn minh.
- Đánh giá được giá trị và những đóng góp của các nền văn minh đối với sự phát triển của lịch sử nhân loại.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Biết cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Biết cách sưu tầm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu
- Có kỹ năng phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên nhận thức rõ bản sắc văn hoá dân tộc, bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển và sự trường tồn của văn hoá Việt Nam. Góp phần vào việc bảo tồn và kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

3. Nội dung học phần

3.1. Nội dung chi tiết học phần (LT :1, TL :0)

Bài mở đầu: Một số vấn đề khái niệm

1. Khái niệm

1.1. Văn hoá là gì?

1.2. Văn minh là gì?

2. Các nền văn minh lớn trên thế giới.

Chương I: Văn minh Bắc Phi và Tây á (LT:2, TL:3)

1. Văn minh Ai Cập cổ đại.

1.1. Tổng quan về Ai Cập cổ đại

1.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Ai Cập cổ đại

1.3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Ai Cập cổ đại

2. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại.

2.1. Tổng quan về Lưỡng Hà cổ đại

2.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Lưỡng Hà cổ đại.

2.3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Lưỡng Hà cổ đại

3. Văn minh Ả-rập.

3.1. Sơ lược về lịch sử Ả-rập

3.2. Đạo Hồi

3.3. Văn học, nghệ thuật, khoa học, giáo dục.

3.4. Những đóng góp

Chương II: Văn minh Ấn Độ cổ trung đại (LT:2, TH:3)

1. Tổng quan về Ấn Độ cổ trung đại

2. Những thành tựu chính của văn minh Ấn Độ

3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Ấn Độ cổ đại

Chương III: Văn minh Trung Quốc (LT:2, TL:3)

1. Tổng quan về Trung Quốc cổ trung đại

2. Những thành tựu chính của văn minh Trung Quốc

3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Trung Quốc cổ đại

Chương IV: Văn minh khu vực Đông Nam á (LT:2, TH:3)

1. Cơ sở hình thành văn minh khu vực Đông Nam á

2. Những thành tựu chính

3. Đặc điểm và những đóng góp

Chương V: Văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại (LT:3, TL:3)

1. Tổng quan về Hy Lạp và La Mã cổ đại
2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại
3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại

Chương VI: Văn minh phương Tây thời trung đại (LT:2, TL:3)

1. Hoàn cảnh lịch sử
2. Văn hoá Tây Âu từ thế kỷ V đến thế kỷ X
3. Văn hoá Tây Âu thời Phục hưng
4. Sự tiến bộ về kỹ thuật
5. Sự ra đời của đạo Tin lành
6. Sự tiếp xúc giữa các nền văn minh phương Đông và phương Tây

Chương VII: Sự xuất hiện văn minh công nghiệp (LT:2, TL:3)

1. Điều kiện ra đời của văn minh công nghiệp
2. Cuộc cách mạng công nghiệp
1. Phát minh khoa học - kỹ thuật và những học thuyết chính trị thời cận đại
4. Thành tựu văn học và nghệ thuật

Chương VIII: Văn minh thế giới thế kỷ XX (LT:2, TL:3)

1. Văn minh thế giới nửa đầu thế kỷ XX
2. Văn minh thế giới nửa sau thế kỷ XX

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Vũ Duong Ninh (Chủ biên) (2013), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.

9.2. Học liệu tham khảo:

[1]. Lương Duy Thứ (Chủ biên) (1997), *Đại cương văn hóa phương Đông*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.

9.22. Chọn 1 trong 2 học phần

a. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM/VIETNAM CUISINE CULTURE

- Số tín chỉ: 2 (18,24,0)
- Mã học phần: 127046
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam

1 . Mô tả học phần

Nội dung học phần: trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về ẩm thực truyền thống Việt Nam. Trong đó bao gồm: nền tảng của ẩm thực Việt Nam, những quan niệm và chuẩn mực trong ẩm thực của người Việt, nghệ thuật ẩm thực của người Việt, ẩm thực các vùng miền; ẩm thực của các dân tộc ít người tiêu biểu ở Việt Nam. Đồng thời, phân biệt được khẩu vị ẩm thực của từng vùng miền trên đất nước Việt Nam. Vấn đề giao lưu văn hóa ẩm thực và vai trò của ẩm thực đối với phát triển du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được những yếu tố ảnh hưởng tới ẩm thực và văn hoá ẩm thực của Việt Nam; phân biệt được khẩu vị ẩm thực của các vùng miền Việt Nam; xây dựng được thực đơn cũng như trong tổ chức phục vụ ăn uống trong quá trình hướng dẫn du lịch; chế biến được các món ăn cơ bản theo văn hóa truyền thống của các dân tộc Việt Nam.

2. Mục tiêu Học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Ẩm thực truyền thống Việt Nam; Các nguyên liệu sử dụng trong món ăn truyền thống Việt Nam;
- Các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống của từng vùng miền trên cả nước;
- Tính khoa học trong việc phối hợp nguyên liệu và chế biến món ăn Việt Nam;
- Các món ăn đặc trưng của từng vùng miền phục vụ cho phát triển du lịch

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Phân biệt tập quán, khẩu vị món ăn
- Nhận diện các món ăn đặc sản vùng miền
- Thuyết trình, giới thiệu món ăn
- Kỹ năng lựa chọn thực đơn phù hợp cho khách du lịch

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hình thành ý thức tôn trọng ẩm thực của quốc gia; có ý thức giữ gìn món ăn truyền thống dân tộc, ý thức trong việc phục vụ và giới thiệu món ăn đến du khách.

3. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung 1 : Một số vấn đề chung về văn hóa ẩm thực (LT:3, TL: 0)

1.1. Khái niệm văn hóa

1.2. Khái niệm ẩm thực

- 1.3. Khái niệm văn hóa ẩm thực
- 1.4. Vai trò của ẩm thực trong đời sống
- 1.5. Những quan niệm và chuẩn mực trong ẩm thực của người Việt
- 1.6. Tình hình và nội dung nghiên cứu văn hóa ẩm thực Việt Nam
- 1.7. Phương pháp tiếp cận môn học

Nội dung 2: Nền tảng của ẩm thực Việt Nam (LT:3, TL:1)

- 1.1. Vị trí địa lý
- 1.2. Điều kiện tự nhiên
- 1.3. Điều kiện lịch sử
- 1.4. Điều kiện kinh tế - xã hội

Nội dung 3: Các bữa ăn của người Việt và nghệ thuật ẩm thực của người Việt (LT:3, TL:2, TH:5)

- 1.1. *Các bữa ăn trong gia đình*
 - 1.1.1. Bữa ăn hàng ngày
 - 1.1.2. Bữa ăn ngày tết, ngày giỗ
 - 1.1.3. Tiệc mừng, tiệc cưới, tiệc mời khách
- 1.2. *Các bữa ăn ngoài gia đình*
 - 1.2.1. Bữa độc ẩm, bữa ăn dọc đường
 - 1.2.2. Bữa ăn công sở
 - 1.2.3. Ăn khách sạn, ăn liên hoan
 - 1.2.4. Những bữa tiệc đặc biệt
- 1.3. *Nghệ thuật ẩm thực của người Việt*
 - 1.3.1. Con người và nghệ thuật ẩm thực
 - 1.3.2. Người thực hành và sáng tạo
 - 1.3.3. Người thưởng thức
 - 1.3.4. Các loại gia vị
 - 1.3.5. Cách bày biện trang trí
 - 1.3.6. Kỹ thuật chế biến và khẩu vị

Nội dung 4: Ẩm thực các vùng miền của Việt Nam (LT:3, TL:1, TH: 4)

- 1.1. Sắc thái địa phương trong ẩm thực Việt Nam
- 1.2. Hương vị Hà thành
- 1.3. Ẩm thực miền Trung
- 1.4. Ẩm thực miền Nam

Nội dung 5: Giao lưu văn hóa ẩm thực (LT:3, TL:1)

- 1.1. Giao lưu văn hóa Trung Hoa trong ẩm thực
- 1.2. Giao lưu văn hóa Ấn Độ trong ẩm thực
- 1.3. Giao lưu văn hóa Phương Tây trong ẩm thực

Nội dung 6: Vai trò của ẩm thực đối với phát triển du lịch (LT:3, TL:1)

- 1.1. Bản sắc vùng miền và các dân tộc trong phát triển du lịch
- 1.2. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy ẩm thực truyền thống vùng miền

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí thời gian để thẩm định, đánh giá bài thực hành của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1 Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Thị Huệ (2012), *Văn hóa ẩm thực Việt Nam*, NXB Thời Đại, Hà Nội.

9.2 Tài liệu tham khảo

[1]. Mai Khôi (2000), *Văn hoá ẩm thực Việt Nam - Các món ăn miền Trung*, NXB Thanh Niên.

[2]. Lò Ngọc Quyên (2012), *Văn hóa ẩm thực dân gian*, Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

b. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN/NEGOTIATION SKILLS

- Số tín chỉ: 2 (18,15,9)
- Mã học phần: 127040
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trang bị những kiến thức cần thiết và kỹ năng cơ bản về đàm phán trong kinh doanh, cũng như dựa vào những nguyên tắc để đàm phán hiệu quả. Nội dung chính tập trung vào mục đích đàm phán, phân tích kết quả đàm phán dựa vào lợi ích và mối quan hệ, các hình thức đàm phán, và những kỹ năng đàm phán.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện thành thạo qui trình đàm phán và thương lượng trong du lịch

2. Mục tiêu học phần

2.1. Kiến thức

- Hiểu rõ tầm quan trọng và tiến trình của công việc đàm phán trong kinh doanh.
- Phân tích các phương án đàm phán dựa trên khía cạnh lợi ích và mối quan hệ trong những tình huống cụ thể.
- Vận dụng những kỹ năng cần thiết trong quá trình đàm phán.

2.2. Về kỹ năng:

- Vận dụng tốt các kiến thức và kỹ năng để thực hiện đàm phán hiệu quả.
- Làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trên cơ sở vận dụng những kiến thức đàm phán.

2.3. Thái độ

- Tác phong học tập và nghi ên cứu nghi ên túc, tích cực thảo luận và tư duy.
- Có tinh thần trách nhiệm trong tổ chức, làm việc nhóm.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ ĐÀM PHÁN (6 , 3, 5)

- 1.1. Khái niệm, mục đích, vai trò của đàm phán
- 1.2. Đặc điểm của đàm phán
- 1.3. Ảnh hưởng của văn hóa dân tộc, văn hóa tổ chức và tính cách cá nhân tới đàm phán
1. 4. Nguyên tắc cơ bản và sai lầm thường gặp trong đàm phán
- 1.5. Kỹ năng của một nhà đàm phán

CHƯƠNG 2: KỸ THUẬT ĐÀM PHÁN (6 , 3, 5)

2. 1. Các kiểu đàm phán
- 2.2. Tiến trình đàm phán
2. 3. Kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh
3. 4. Tình huống

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BÀI HỌC ĐÀM PHÁN (6 , 3, 5)

3. 1. Đàm phán với ai, quản lý thời gian

- 2. 2. Giao tiếp
- 2. 3. Tạo lòng tin
- 3. 4. Tình huống

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Đoàn Thị Hồng Vân (2011), *Giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống*, NXB Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Thúy Anh (Chủ biên) (2004), *Ứng xử văn hoá trong du lịch*, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[2]. Dale Carnegie (2019), *Đắc nhân tâm*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

9.23. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TUYÊN VÀ ĐIỂM DU LỊCH VIỆT NAM/VIETNAM ROUTES AND ATTRACTIONS

- Số tín chỉ: 3 (27, 36,0)
- Mã học phần: 125180
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Hệ thống di tích - danh thắng Việt Nam

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: giới thiệu kiến thức địa lý, văn hoá, xã hội, lịch sử, môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyến-điểm du lịch của Việt Nam làm cơ sở để thiết kế các chương trình du lịch và phục vụ cho hoạt động thuyết minh hướng dẫn du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được các chương trình du lịch dựa vào hệ thống các tuyến, điểm, khu du lịch và hạ tầng cơ sở du lịch ở các địa phương và trong cả nước; dự báo được điểm, tuyến du lịch trọng điểm thu hút khách phù hợp với các yếu tố nhu vùng du lịch, đối tượng khách, khí hậu, thời tiết. . . ; xác định được các dịch vụ và đặc điểm các tuyến, điểm phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày được kiến thức cơ bản về các tuyến - điểm du lịch chính của Việt Nam.
- Nhận thức rõ các điểm du lịch nổi tiếng và quan trọng của Việt Nam.
- Trình bày các tuyến du lịch chính của Việt Nam và nội dung thuyết minh trên từng tuyến.
- Nhận thức được kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, tôn giáo... có liên quan đến các điểm du lịch của Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Kỹ năng thuyết minh các tuyến điểm du lịch chính của Việt Nam, đặc biệt là khu vực đồng bằng sông Cửu Long
- Kỹ năng viết một nội dung thuyết minh về một điểm du lịch cụ thể
- Kỹ năng thiết kế 1 chương trình du lịch
- Kỹ năng quan sát, ghi chú, đề xuất cho những thay đổi (nếu có) của tuyến điểm, hoặc thiết kế tuyến điểm mới
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách du lịch, đồng nghiệp
- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng làm việc nhóm

3. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1 : LÝ LUẬN CHUNG (3, 6)

1. 1. Khái niệm tuyến điểm du lịch
1. 2. Các nhân tố hình thành tuyến điểm du lịch
1. 3. Phân vùng du lịch Việt Nam

CHƯƠNG 2: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH BẮC BỘ (8 , 7)

2. 1. Đặc điểm chung
2. 2. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch
2. 3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng
2. 4. Các tuyến điểm du lịch của vùng du lịch Bắc Bộ

CHƯƠNG 3: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH BẮC TRUNG BỘ (8 , 7,9)

3. 1. Đặc điểm chung
3. 2. Cơ sở hạ tầng du lịch
3. 3. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch
3. 4. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng
2. 5. Các tuyến điểm du lịch của vùng du lịch Bắc Trung Bộ

CHƯƠNG 4: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH NAM TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ (8 , 7)

3. 1. Đặc điểm chung
4. 2. Cơ sở hạ tầng du lịch
4. 3. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch
4. 4. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng
4. 5. Các tuyến điểm du lịch của vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận, dự thi đầy đủ các Chương kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9. 1. Giáo trình chính

[1]. Bùi Thị Hải Yến (2017), *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Phạm Trung Lương (2001), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9.24. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH VIỆT NAM/VIETNAM TOURISM RESOURCES AND ENVIRONMENT

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 128007
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần hệ thống lại các kiến thức về điều kiện về tài nguyên du lịch và môi trường du lịch tại Việt Nam. Qua đó, Sinh viên nhận thức được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch, phân tích được định hướng, giải pháp khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững.

Năng lực đạt được: Sinh viên giới thiệu được các tài nguyên du lịch và môi trường phát triển của ngành du lịch Việt Nam, vận dụng sáng tạo được các điều kiện đó vào nghề du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- SV trình bày và phân tích được đặc điểm và vai trò của tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam.
- Thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam.
- Đánh giá được thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam.
- Phân tích và vận dụng sáng tạo được định hướng và giải pháp khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững.

2.2. Về kỹ năng:

- Có khả năng vận dụng kiến thức để thiết kế tours tuyến du lịch, có khả năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tours tuyến du lịch.
- Có khả năng xử lý các tình huống thường gặp liên quan đến việc lập kế hoạch và tổ chức tours tuyến du lịch, thuyết trình du lịch trong thực tế.
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử.
- Kỹ năng giải quyết vấn đề.
- Kỹ năng thuyết trình.
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc.
- Kỹ năng quản lý nhóm.

2.3. Về thái độ

- Bình tĩnh và tự tin trong quá trình vận dụng kiến thức để thiết kế tours tuyến du lịch, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tours tuyến du lịch.
- Có ý thức, trách nhiệm về việc tuyên truyền, bảo vệ, gìn giữ và phát triển tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam trong cộng đồng.
- Có đạo đức, thái độ phục vụ và tác phong chuyên nghiệp của một hướng dẫn viên du lịch thực thụ.

- Có ý thức, trách nhiệm, tác phong nhanh nhạy, linh hoạt và quyết đoán trong quá trình xử lý các tình huống có liên quan đến công việc thực tế.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : MỘT SỐ NỘI DUNG CHUNG (3, 2, 0)

1. Tài nguyên du lịch
2. Môi trường du lịch
3. Mối quan hệ giữa du lịch và môi trường
4. Sức ép môi trường
5. Du lịch bền vững

CHƯƠNG 2: NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH VIỆT NAM (4, 4, 0)

1. Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên
2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

CHƯƠNG 3: TÀI NGUYÊN DU LỊCH VIỆT NAM (4, 4, 2)

1. Tài nguyên du lịch tự nhiên
2. Tài nguyên du lịch nhân văn
3. Thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch Việt Nam
4. Đánh giá chung về thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch Việt Nam
5. Khảo sát và đánh giá thực tế tài nguyên du lịch tại một địa phương

CHƯƠNG 4: MÔI TRƯỜNG DU LỊCH VIỆT NAM (4, 4, 2)

1. Môi trường du lịch Việt Nam
2. Thực trạng môi trường du lịch Việt Nam
3. Đánh giá chung về thực trạng khai thác và bảo vệ môi trường du lịch Việt Nam
4. Khảo sát và đánh giá thực tế môi trường du lịch tại một tuyến/điểm du lịch

CHƯƠNG 5: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP KHAI THÁC, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN DU LỊCH VIỆT NAM THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (3, 4, 2)

1. Định hướng khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững
2. Giải pháp khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu,

máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Giáo trình chính

[1].Phạm Trung Lương (2001), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9.2.Tài liệu tham khảo:

[1].Bùi Thị Hải Yến (chủ biên) (2011), *Tài nguyên du lịch*. NXB Giáo dục Việt Nam.

9.24. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH DU LỊCH 1 / ENGLISH FOR TOURISM 1

- Số tín chỉ: 3 (27, 36,0)
- Mã học phần: 127049
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cơ bản được sử dụng trong khách sạn, nhà hàng. Học phần được chia thành các chủ đề là các tình huống giao tiếp trong nhà hàng khách sạn như: đặt giữ chỗ khách sạn, nhà hàng, làm thủ tục check in, check out và thanh toán cho khách. Ngoài ra, người học còn được thực tập giải quyết các tình huống thực tế trong ngành nhà hàng và khách sạn bằng tiếng Anh.

Năng lực đạt được: Sinh viên giao tiếp được cơ bản với khách khi phục vụ tại các bộ phận trong nhà hàng, khách sạn như bộ phận lễ tân, bộ phận buồng phòng, bàn, bar.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học phần giúp sinh viên:

- Nắm vững kiến thức cơ bản về nghề phục vụ nhà hàng và khách sạn;
- Nắm vững vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành du lịch khách sạn;
- Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành du lịch để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này;
- Sử dụng và phát triển kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc câu và cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) tiếng Anh và xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực khách sạn, nhà hàng.
- Củng cố kỹ năng thuyết trình và tham gia các hoạt động nhóm

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Thái độ tự tin và linh hoạt khi tham gia vào các cuộc thảo luận và làm việc nhóm;
- Nhận thức được vai trò, thái độ và hành vi người làm dịch vụ du lịch;
- Ý thức tự học, tự nghiên cứu;
- Ý thức đóng góp cho sự phát triển của ngành học nói riêng và của cộng đồng nói chung.

3. Nội dung học phần:

Bài 1: Jobs in a hotel and restaurant (3, 0, 4)

1. Positions in a hotel
2. Duties of each job

Bài 2. Making a reservation (3, 0, 4)

1. Accepting a booking
2. Reserving room for a third party

3. Introducing hotel room and service
4. Refusing a room reservation

Bài 3: Hotel check in (3, 0, 4)

1. Standard procedure for checking in
2. Chance arrival
3. Filling out the registration card

Bài 4: Providing hotel services and facilities (3, 0, 4)

1. Mail and fax and internet service
2. Depositing service, lost and found
3. Laundry service and morning call
4. Cleaning room and supplying items

Bài 5: Receiving guests in a restaurant (3, 0, 4)

1. Welcoming and seating guests
2. Asking where the guest prefers to sit
3. Recommending a table

Bài 6: Taking order and serving meal (3, 0, 4)

1. Standard procedure for taking an order
2. Explaining the dishes on menu
3. Recommending dishes and beverage
4. Serving meal

Bài 7: Problems and requests while dining (3, 0, 4)

1. Problems about food
2. Problems about service
3. Other problems

Bài 8. Settling the bill in restaurant (3, 0, 4)

1. Standard bill payment
2. Accepting cash and giving change
3. Accepting credit cards
4. Explaining the tax and service charges
5. The wrong change
6. Sign for the bill

Bài 9: Checking out (3, 0, 4)

1. Standard procedure for checking out
2. Dealing with bill problem

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, đóng vai.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh

viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Giáo trình chính

[1] . Frank Levin. (2016) *English for tourism and restaurant 1*, NXB Tổng hợp TP.HCM.

9. 2. Tài liệu tham khảo

1]. Frank Levin. (2016) *English for tourism and restaurant 2*, NXB Tổng hợp TP.HCM.

[2] . Nguyễn Quang. (2013) *English course for tourism*, NXB ĐH Sư phạm TP.HCM.

9.26. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH DU LỊCH 2/ ENGLISH FOR TOURISM 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 0, 36)
- Mã học phần: 127050
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cơ bản được sử dụng trong hoạt động kinh doanh lữ hành, trong đó có hoạt động hướng dẫn du lịch. Học phần được chia thành các chủ đề là các tình huống giao tiếp trong du lịch như: Chuẩn bị trước chuyến đi, thủ tục xuất - nhập cảnh sân bay, phục vụ khách vui chơi giải trí, thuyết minh - hướng dẫn cho khách theo chủ đề. Ngoài ra, người học còn được thực hành giải quyết các tình huống thực tế trong hoạt động hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh.

Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo trong giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh với du khách và đối tác trong hoạt động lữ hành.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức:

Học phần giúp sinh viên:

- Nắm vững kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch và kinh doanh lữ hành;
- Nắm vững vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành kinh doanh dịch vụ lữ hành;
- Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành du lịch để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này;
- Sử dụng và phát triển kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc câu và cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trau dồi kỹ năng giao tiếp cao cấp gồm nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh và xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực kinh doanh lữ hành và hướng dẫn du lịch.
- Củng cố kỹ năng thuyết trình và tham gia các hoạt động nhóm

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Học phần giúp sinh viên có:

- Hình thành thái độ tự tin và linh hoạt khi tham gia vào các cuộc thảo luận và làm việc nhóm;
- Nhận thức được vai trò, thái độ và hành vi người làm dịch vụ du lịch;
- Ý thức tự học, tự nghiên cứu;
- Ý thức đóng góp cho sự phát triển của ngành học nói riêng và của cộng đồng nói chung.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : BEFORE THE TRIP (3, 0 , 4)

- 1.1. Planning your trip
- 1.2. Confirming your trip

CHƯƠNG 2: AT THEAIRpORT (3, 0 , 4)

- 2.1. Departure procedures
- 2.2. Boarding the plane

CHƯƠNG 3: BEING ONBOARD (3, 0, 4)

- 3.1. Before taking off
- 3.2. During the flight
- 3.3. Before landing

CHƯƠNG 4: ARRIVAL (3, 0, 4)

- 4.1. Going through immigration
- 4.2. Airport services

CHƯƠNG 5: SHOPPING (3, 0, 4)

- 5.1. Clothes and Shoes
- 5.2. Jewelry and Accessories
- 5.3. Comestics and Electrical Appliances

CHƯƠNG 6: ENTERTAINMENT (3, 0, 4)

- 6.1. Sightseeing
- 6.2. Culture events
- 6.3. Amusement parks
- 6.4. Attending a sport event
- 6.5. Casinos and night clubs

CHƯƠNG 7: CITY - CHƯƠNG TRÌNH GUIDE 1 (3, 0, 4)

- 7.1. Thanh Hoa Museum
- 7.2. Hau Le's Temple

CHƯƠNG 8: CITY - CHƯƠNG TRÌNH GUIDE 2 (3, 0, 4)

- 7.3. Ham Rong Brigde
- 7.4. Ma River

CHƯƠNG 9: PROBLEMS AND REQUESTS WHILE TRAVELING (3, 0, 4)

- 8.1. Food and Medical Problems
- 8.2. Lost or Stolen property
- 8.3. Other problems

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Giáo trình chính

[1]. Kiwi Cheng, Owain Mckimm (2016), *Specialized English for Tourism*, NXB Tổng hợp, Tp. HCM.

9. 2. Tài liệu tham khảo

- [1] . Frank Levin. (2016) *English for tourism and restaurant 1*. NXB Tổng hợp TP HCM
- [2] . Frank Levin. (2016) *English for tourism and restaurant 2*. NXB Tổng hợp TP HCM

9.27. ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM/TOURISM GEOGRAPHY OF VIETNAM

- Số tín chỉ: 2TC (18; 18; 6)
- Mã học phần: 128011
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Không.

1 . Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Tổng quan về du lịch và địa lý du lịch (nhập môn, địa lý cầu du lịch, tài nguyên du lịch, tổ chức không gian và quy hoạch du lịch); thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam (tài nguyên du lịch, hiện trạng phát triển du lịch Việt Nam; các vùng du lịch Việt Nam).

- *Năng lực đạt được:* Đánh giá được vai trò của tài nguyên du lịch Việt Nam; phân tích thực trạng phát triển du lịch trên cả nước và 7 vùng du lịch. Phân tích được các yếu tố tác động của ngành du lịch đối với kinh tế, xã hội, môi trường. Hoàn thiện kỹ năng viết báo cáo thuyết minh điểm du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Phân tích được các kiến thức lý luận về địa lý du lịch. Đánh giá được vai trò của tài nguyên du lịch Việt Nam; phân tích thực trạng phát triển du lịch trên cả nước và 7 vùng du lịch. Phân tích được các yếu tố tác động của ngành du lịch đối với kinh tế, xã hội, môi trường.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Hoàn thiện kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo giới thiệu một điểm du lịch, tuyến du lịch. Xử lý, nhận xét và giải thích các số liệu thống kê về thực trạng phát triển du lịch.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Có thái độ chủ động, chia sẻ trong công việc; xây dựng thái độ làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc, cộng đồng, xã hội và môi trường.

3. Nội dung chi tiết học phần

Phần một: Cơ sở lý luận về địa lý du lịch

Chương 1 : Nhập môn Địa lý du lịch (LT:2; TL:0)

1. Địa lý du lịch
2. Tác động của ngành Du lịch
3. Lịch sử hình thành và phát triển ngành Du lịch
4. Các loại hình du lịch
5. Xu hướng phát triển của địa lý du lịch
6. Nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch

Chương 2: Địa lý cầu du lịch (LT:2; TL:0)

1. Các thuyết về động cơ du lịch
2. Khách du lịch

3. Cầu du lịch

Chương 3: Tài nguyên du lịch (LT:2; TL: 2)

1. Quan niệm, vai trò, đặc điểm và phân loại
2. Tài nguyên du lịch tự nhiên
3. Tài nguyên du lịch văn hóa
4. Khai thác hợp lý tài nguyên và phát triển du lịch bền vững

Chương 4: Tổ chức không gian và quy hoạch du lịch (LT:2; TL: 2)

1. Quan niệm
2. Vai trò của tổ chức không gian du lịch
3. Các cấp độ trong tổ chức không gian du lịch
4. Quy hoạch phát triển du lịch

Phần hai: Thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam

Chương 5: Tài nguyên du lịch Việt Nam (LT: 2; TL: 2; Xemina: 2)

1. Vị trí địa lý
2. Tài nguyên du lịch

Chương 6: Sự phát triển du lịch ở Việt Nam (LT: 2; TL: 2)

1. Quá trình phát triển du lịch
2. Thực trạng hoạt động kinh doanh du lịch

Chương 7: Vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ (LT: 2; TL: 2)

1. Khái quát
2. Tài nguyên du lịch
3. Thực trạng phát triển du lịch
4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch
5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia

Chương 8: Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc (LT: 2; TL: 2)

1. Khái quát
2. Tài nguyên du lịch
3. Thực trạng phát triển du lịch
4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch
5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia

Chương 9: Vùng du lịch Bắc Trung Bộ (LT: 2; TL: 2)

1. Khái quát
2. Tài nguyên du lịch
3. Thực trạng phát triển du lịch
4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch
5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia

Chương : Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (LT: ; TL:)

1. Khái quát
2. Tài nguyên du lịch
3. Thực trạng phát triển du lịch
4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch
5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia

Chương 1 1 : Vùng du lịch Đông Nam Bộ và vùng du lịch Tây Nguyên (LT: 0; TL: 2; Xemina: 2)

1. Khái quát
2. Tài nguyên du lịch
3. Thực trạng phát triển du lịch
4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch
5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia

Chương 1 2: Vùng du lịch Đồng bằng sông Cửu Long (LT: 0; TL: 2)

1. Khái quát
2. Tài nguyên du lịch
3. Thực trạng phát triển du lịch
4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch
5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia

4. Yêu cầu của môn học

Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các buổi thực hành, thảo luận (có hướng dẫn của giáo viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Kết hợp các phương pháp dạy học phát huy năng lực và phương pháp đánh giá để hình thành kiến thức mới, rèn luyện các kỹ năng nhằm đạt mục tiêu

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy học, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung học phần; cách viết báo cáo và trình bày thuyết minh điểm du lịch, xử lý và phân tích số liệu thống kê du lịch.

7. Trang thiết bị

Phòng học có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, thực hành giảng bài, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kì: trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kì: trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Trần Đức Thanh (chủ biên) (2017). Giáo trình *Địa lý du lịch*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Vũ Thế Bình (2016), *Non nước Việt Nam*, NXB Hà Nội.

9.28. THỰC HÀNH TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH 1 /PRACTICE ROUTES AND ATTRACTIONS 1

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)
- Mã học phần: 127055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tuyến điểm du lịch Việt Nam

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần này vừa giúp cho sinh viên làm quen với thực tế vừa tạo điều kiện cho sinh viên thu thập thông tin về du lịch. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho những hiểu biết thực tế về các tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động du lịch tại các tỉnh miền Bắc. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đa học vào thực tế, bước đầu thấy được những đặc điểm và yêu cầu đối với người hướng dẫn viên du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được nội dung thuyết minh cơ bản phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch trên các tuyến du lịch của vùng du lịch Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng Bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc; xây dựng được các chương trình du lịch dựa vào hệ thống các tuyến, điểm, khu du lịch và hạ tầng cơ sở du lịch ở các địa phương và trong cả nước; dự báo được điểm, tuyến du lịch trọng điểm thu hút khách phù hợp với các yếu tố như vùng du lịch, đối tượng khách, khí hậu, thời tiết...; xác định được các dịch vụ và đặc điểm các tuyến, điểm phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững kiến thức cơ bản về đặc điểm vùng du lịch trung du miền núi phía bắc và đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc;
- Nắm vững nội dung của các điểm du lịch nổi tiếng và quan trọng của hai vùng du lịch: trung du miền núi phía bắc và đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc;
- Nắm vững các tuyến du lịch chính của Việt Nam và nội dung thuyết minh trên từng tuyến.
- Nắm vững các kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, tôn giáo... có liên quan đến các điểm du lịch của 2 vùng du lịch trung du miền núi phía bắc và đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Thành thực kỹ năng thuyết minh các tuyến điểm du lịch
- Kỹ năng viết một nội dung thuyết minh về một điểm du lịch cụ thể
- Kỹ năng thiết kế 1 chương trình du lịch
- Kỹ năng quan sát, ghi chú, đề xuất cho những thay đổi (nếu có) của tuyến điểm, hoặc thiết kế tuyến điểm mới
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách du lịch, đồng nghiệp
- Kỹ năng thuyết trình

- Kỹ năng làm việc nhóm

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.
- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên (0, 0, 8)

Nội dung 2: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Lào Cai - Yên Bái - Phú Thọ (0, 0, 7)

Nội dung 3: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Phú Thọ - Vĩnh Phúc (0, 0, 7)

Nội dung 4: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Tuyên Quang - Thái Nguyên - Lạng Sơn (0, 0, 8)

Nội dung 5: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Hà Giang - Cao Bằng - Bắc Cạn (0, 0, 7)

Nội dung 6: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch tại Hà Nội và phụ cận (0, 0, 8)

Nội dung 7: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Quảng Ninh - Hải Phòng (0, 0, 8)

Nội dung 8: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Ninh Bình (0, 0, 7)

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ chuyến thực địa, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành báo cáo.

5. Phương pháp giảng dạy: Giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm và lựa chọn các doanh nghiệp có uy tín, chất lượng, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình sinh viên thực hành tại các doanh nghiệp, giảng viên luôn sát sao theo dõi và sẵn sàng giải đáp bất cứ thắc mắc nào của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Do cơ sở kinh doanh lưu hành cung cấp.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Hoạt động trên thực địa: Trọng số 30% ;
- Báo cáo thu hoạch thực tế: Trọng số 20%,
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Giáo trình chính

[1].Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2016), *Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam TravelAtlats)*, TN-MT & bản đồ VN.

2.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Bùi Thị Hải Yến (2017), *Tuyển Điểm Du Lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Trần Đức Thanh (chủ biên) (2017). *Giáo trình Địa lý du lịch*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

9.29. THỰC HÀNH TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH 2/PRACTICE ROUTES AND ATTRACTIONS 2

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)
- Mã học phần: 127057
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tuyển điểm du lịch Việt Nam

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần này vừa giúp cho sinh viên làm quen với thực tế vừa tạo điều kiện cho sinh viên thu thập thông tin về du lịch. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho những hiểu biết thực tế về các tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động du lịch tại các tỉnh thuộc vùng du lịch Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đa học vào thực tế, bước đầu thấy được những đặc điểm và yêu cầu đối với người hướng dẫn viên du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được nội dung thuyết minh cơ bản phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch trên các tuyến du lịch của khu vực miền Trung - Tây Nguyên; xây dựng được các chương trình du lịch dựa vào hệ thống các tuyến, điểm, khu du lịch và hạ tầng cơ sở du lịch ở các địa phương và trong cả nước; dự báo được điểm, tuyến du lịch trọng điểm thu hút khách phù hợp với các yếu tố như vùng du lịch, đối tượng khách, khí hậu, thời tiết. . . ; xác định được các dịch vụ và đặc điểm các tuyến, điểm phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững kiến thức cơ bản về các tuyến - điểm du lịch chính của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;
- Nắm vững nội dung của các điểm du lịch nổi tiếng và quan trọng của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;
- Nắm vững các tuyến du lịch chính của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên và nội dung thuyết minh trên từng tuyến.
- Nắm vững các kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, tôn giáo... có liên quan đến các tuyến và điểm du lịch của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Thành thực kỹ năng thuyết minh các tuyến điểm du lịch chính của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;
- Kỹ năng viết một nội dung thuyết minh về một điểm du lịch cụ thể
- Kỹ năng thiết kế 1 chương trình du lịch
- Kỹ năng quan sát, ghi chú, đề xuất cho những thay đổi (nếu có) của tuyến điểm, hoặc thiết kế tuyến điểm mới cho các lịch trình đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách du lịch, đồng nghiệp

- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng làm việc nhóm

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.
- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1 . Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh (0, 0, 8)

Nội dung 2 . Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Quảng Bình - Thừa Thiên Huế (0, 0, 8)

Nội dung 3. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam (0, 0, 8)

Nội dung 4. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi (0, 0, 8)

Nội dung 5. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Khánh Hòa - Ninh Thuận - Bình Thuận (0, 0, 10)

Nội dung 6. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch tại Tây Nguyên (0, 0, 8)

Nội dung 7. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (0, 0, 10)

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm và lựa chọn các doanh nghiệp có uy tín, chất lượng, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

6. Kế hoạch tư vấn

Học viên phải tham dự đầy đủ chuyên thực địa, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành chương báo cáo.

7. Trang thiết bị: Do cơ sở kinh doanh xử lý hành cung cấp.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Hoạt động trên thực địa: 30% ;
- Báo cáo thu hoạch thực tế: 20%,
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Giáo trình chính

[1].Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2016), *Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam TravelAtlats)*, TN-MT & bản đồ VN

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Trần Đức Thanh (chủ biên) (2017). *Giáo trình Địa lý du lịch*.NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] . Bùi Thị Hải Yến (2017), *Tuyến Điểm Du Lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9.30. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHỆ THUẬT GIAO TIẾP TRONG DU LỊCH/ THE ART OF COMMUNICATION IN TOURISM

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 127058
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp một số vấn đề cơ bản về hoạt động giao tiếp, về nghệ thuật giao tiếp ứng xử, một số nghi thức giao tiếp tiêu biểu, về tâm lý và tập quán giao tiếp của một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời, phân tích tâm lý du khách theo lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, theo quốc gia, châu lục. Phân tích một số hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến hoạt động du lịch. Cung cấp những kỹ năng giao tiếp trong du lịch, những phẩm chất cần có của một nhân viên làm việc trong lĩnh vực du lịch.

Năng lực đạt được: Sau khi học xong, sinh viên có hiểu biết cơ bản về các bước cơ bản trong giao tiếp, có khả năng thực hành kỹ năng giao tiếp trong một số lĩnh vực như nhà hàng, khách sạn. Có kỹ năng xử lý các tình huống trong giao tiếp. Nắm bắt được tâm lý khách hàng theo lứa tuổi, nghề nghiệp và theo các quốc gia tiêu biểu.

2. Mục tiêu Học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về:

- Bản chất của giao tiếp, một số đặc điểm tâm lý của con người trong giao tiếp.
- Hiểu được những trở ngại trong quá trình giao tiếp và phương pháp khắc phục những trở ngại.
- Nắm được một số nghi thức giao tiếp tiêu biểu.
- Nắm được tâm lý và tập quán giao tiếp tiêu biểu trên thế giới.
- Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp văn minh của một nhân viên du lịch.

Phân tích, tổng hợp, đánh giá để giải quyết tốt các tình huống xảy ra trong công tác du lịch.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng lắng nghe
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử
- Kỹ năng đàm phán
- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng làm việc nhóm
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc
- Kỹ năng giải quyết vấn đề
- Kỹ năng ra quyết định
- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

2.3. Mục tiêu về thái độ

Hình thành ý thức tôn trọng khách hàng thông qua cử chỉ, hành động và lời nói; ý thức trong việc phục vụ chu đáo làm hài lòng khách hàng.

3. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung 1: Một số vấn đề cơ bản trong hoạt động giao tiếp (LT:3, TL:0)

- 1.1. Khái niệm giao tiếp
- 1.2. Bản chất của giao tiếp
- 1.3. Các loại hình giao tiếp
- 1.4. Các giai đoạn của quá trình giao tiếp
- 1.5. Một số đặc điểm tâm lý của con người trong giao tiếp
- 1.6. Những trở ngại trong quá trình giao tiếp
- 1.7. Phương pháp khắc phục những trở ngại

Nội dung 2: Nghệ thuật giao tiếp ứng xử (LT:2, TL:3)

- 2.1. Trong lần đầu gặp gỡ
- 2.2. Nghệ thuật trò chuyện
- 2.3. Nghệ thuật diễn thuyết
- 2.4. Một số phương pháp ứng xử tiêu biểu

Nội dung 3: Một số nghi thức tiêu biểu (LT:2, TL:2)

- 3.1. Nghi thức gặp gỡ làm quen
- 3.2. Nghi thức ứng xử trong giao tiếp
- 3.3. Trang phục nam nữ

Nội dung 4: Tập quán giao tiếp và Tâm lý du khách theo quốc gia, dân tộc (LT:4, TL:6)

- 4.1. Tâm lý du khách Hồi giáo
- 4.2. Tâm lý du khách Pháp
- 4.3. Tâm lý du khách Nhật Bản
- 4.4. Tâm lý du khách Hàn Quốc
- 4.5. Tâm lý du khách Trung Quốc

Nội dung 5: Tâm lý giao tiếp theo giới tính, lứa tuổi và nghề nghiệp (LT:4, TL:4)

- 5.1. Khách du lịch là nam
- 5.2. Khách du lịch là nữ
- 5.3. Khách du lịch là trẻ em
- 5.4. Khách du lịch là người cao tuổi
- 5.5. Khách du lịch là thương gia
- 5.6. Khách du lịch là nghệ sĩ
- 5.7. Khách du lịch là các nhà khoa học
- 5.8. Khách du lịch là công nhân

Nội dung 6: Giao tiếp trong du lịch (LT:4, TL:6)

- 6.1. Quan hệ giữa người phục vụ và người tiêu dùng du lịch
- 6.2. Các hoạt động giao tiếp trong du lịch
- 6.3. Nghi thức giao tiếp cơ bản trong du lịch
- 6.4. Kỹ năng xử lý tình huống trong du lịch
- 6.5. Kỹ năng thuyết trình cho hướng dẫn viên du lịch

Nội dung 7: Nghệ thuật phục vụ khách sạn 5 sao (LT:4, TL:6)

Nội dung 8: Thực hành tại khách sạn (LT:4, TL:6, TH:9)

- 8.1. Mục đích, yêu cầu
- 8.2. Công tác chuẩn bị
- 8.3. Báo cáo thu hoạch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí thời gian để thẩm định, đánh giá bài thực hành của học viên

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Thế Hùng (2013). *Văn hoá ứng xử, kỹ năng giao tiếp thành công*. NXB Giao thông vận tải

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Joe Vitale (Phúc Lâm dịch) (2019), *Thôi miên bằng ngôn từ*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

[2] .Dale Carnegie (Nguyễn Hiến Lê dịch) (2019), *Đắc Nhân Tâm*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

9.31. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG/SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 127030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Học phần tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên phân tích, đề xuất và vận dụng được các giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực do du lịch gây ra. Thực hiện được các qui tắc ứng xử văn minh trong du lịch

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Những kiến thức lí luận chung về phát triển du lịch bền vững, kiến thức về vai trò của các bên tham gia, cách thức hoạt động marketing một cách bền vững trong các môi trường tương ứng thuộc ngành dịch vụ du lịch, kiến thức về phương pháp quản lý du khách tại điểm đến và phương pháp lập kế hoạch phát triển du lịch bền vững

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Khả năng hình thành và vận dụng tri thức mới để phân tích, so sánh, đánh giá mức độ phát triển bền vững tại một điểm đến hoặc một quốc gia; qua đó lập kế hoạch phát triển du lịch có trách nhiệm, hướng tới sự bền vững trong du lịch.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Hình thành thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1 : Tổng quan về du lịch bền vững (LT: 4 , TL:2)

- 1.1. Du lịch và phát triển - một số vấn đề đặt ra
- 1.2. Khái niệm về phát triển du lịch bền vững
- 1.3. Mục tiêu phát triển du lịch bền vững
- 1.4. Nguyên tắc phát triển du lịch bền vững
- 1.5. Các chỉ tiêu phát triển du lịch bền vững

1.6. Du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm

Chương 2: Các bên liên quan trong du lịch bền vững (LT: 4, TL:3)

- 2.1. Tổng quan về các bên liên quan trong du lịch bền vững
- 2.2. Chính phủ và các cơ quan quản lý về du lịch
- 2.3. Các doanh nghiệp trong ngành du lịch
- 2.4. Cộng đồng địa phương
- 2.1. Khách du lịch

Chương 3: Chiến lược quản lý du khách tại điểm đến (LT: 4, TL:3)

- 3.1. Những chiến lược để giới hạn lượng khách
- 3.2. Phân vùng du lịch
- 3.3. Giáo dục và tuyên truyền
- 3.4. Marketing mục tiêu

Chương 4: Thực hành du lịch có trách nhiệm đảm bảo phát triển bền vững du lịch Việt Nam (LT: 3, TL:6, TH:3)

- 4.1. Các nguyên tắc du lịch có trách nhiệm
- 4.2. Phát triển sản phẩm du lịch có trách nhiệm
- 4.3. Marketing và truyền thông du lịch có trách nhiệm
- 4.4. Sử dụng lao động có trách nhiệm
- 4.5. Xây dựng năng lực và chính sách tổ chức có trách nhiệm
- 4.6. Du lịch có trách nhiệm tại các doanh nghiệp du lịch

Chương 5: Lập kế hoạch phát triển du lịch bền vững (LT: 3, TL:4, TH:3)

- 5.1. Xác định điều kiện phù hợp để xây dựng kế hoạch phát triển du lịch bền vững
- 5.2. Quy trình lập kế hoạch phát triển du lịch bền vững

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Đình Hoà, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Lê Huy Bá (2009), *Du lịch sinh thái*. NXB KH&KT.

9.32. Chọn 1 trong 2 học phần

a. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN VĂN HÓA DU LỊCH/TOURISM CULTURE

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 127072
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...); những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch; Ngoài ra còn góp phần phác thảo một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta.

Năng lực đạt được: Sinh viên chủ động điều khiển, kiểm soát được các hành vi ứng xử của các đối tượng tham gia hoạt động du lịch theo chuẩn mực chung.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

SV hiểu biết cơ bản về kiến thức văn hoá du lịch và việc vận dụng các kiến thức đó trong hoạt động lễ hành, khách sạn, dịch vụ, khai thác tài nguyên nhằm tạo sản phẩm du lịch nói chung, du lịch văn hoá nói riêng có sức hấp dẫn cao; Hiểu biết các nền văn hóa khác nhau của Việt Nam và thế giới.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Kỹ năng tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Tìm kiếm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu
- Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Bồi dưỡng năng lực nhận diện và phát huy “tài nguyên du lịch” để phát triển du lịch.
- Có ý thức trau dồi và bổ khuyết kiến thức để trở thành người HDV giỏi

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ VĂN HÓA VÀ DU LỊCH (2-0)

1.1. Về khái niệm du lịch

1.1.1. Du lịch là gì

1.1.2. Về việc nghiên cứu và phát triển du lịch

1.1.3. Đào tạo nhân lực cho ngành du lịch

1.2. Về khái niệm văn hóa du lịch và du lịch văn hóa

1.2.1. Khái niệm văn hóa

1.2.2. Văn hóa du lịch

1.2.3. Du lịch văn hóa và văn hóa du lịch ở Việt Nam

1.2.4. Môi quan hệ giữa văn hóa và du lịch

1.3. Tài nguyên du lịch ở Việt Nam

CHƯƠNG II: DU LỊCH SINH THÁI Ở VIỆT NAM (2-3)

2.1. Vị thế Địa - văn hóa Việt Nam

2.2. Vai trò của thiên nhiên và môi trường sinh thái trong hoạt động du lịch

2.3. Biển - một lợi thế lớn của Việt Nam trong hoạt động du lịch

2.4. Hang động - địa hình ở Việt Nam trong hoạt động du lịch

CHƯƠNG III: BỨC KHẮM VĂN HÓA TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-3)

3.1. Giới thiệu chung

3.2. Bức khám tộc người ở Việt Nam

3.3. Văn hóa tộc người với hoạt động du lịch

CHƯƠNG IV: GIÁ TRỊ CỦA LỊCH SỬ VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-2-1)

4.1. Nền tảng văn hóa Việt Nam

4.2. Tóm tắt lịch sử phát triển văn hóa Việt Nam

4.3. Các nền văn hóa cổ góp phần làm nên giá trị phát triển văn hóa du lịch

CHƯƠNG V: VĂN HÓA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-2-1)

5.1. Làng xã Việt Nam - chìa khóa của văn hóa tổ chức cộng đồng

5.2. Các loại hình làng xã Việt Nam góp phần phát triển du lịch

CHƯƠNG VI: VĂN HÓA TÂM LINH VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-2-1)

6.1. Tín ngưỡng dân gian - nguồn gốc của lễ hội dân gian

6.2. Lễ hội dân gian và vai trò của lễ hội dân gian trong hoạt động du lịch

6.3. Phật giáo và vai trò của Phật giáo trong hoạt động du lịch ở Việt Nam

CHƯƠNG VII: VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM TRONG ẨM THỰC DU LỊCH (-2-1)

7.1. Văn hóa ẩm thực Việt Nam

7.2. Ẩm thực 3 miền Bắc - Trung - Nam

CHƯƠNG VIII: CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-1)

8.1. Nghệ thuật truyền thống Việt Nam

8.2. Một số loại hình nghệ thuật truyền thống Việt Nam phát triển du lịch

CHƯƠNG IX: VĂN HÓA ỨNG XỬ GIAO TIẾP TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-1)

9.1. Giao tiếp ứng xử của người Việt

9.2. Giao tiếp ứng xử trong hoạt động du lịch

9.3. Phong tục tập quán và giao tiếp ứng xử của một số nước trên thế giới

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực

hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Giáo trình chính

[1].Trần Thúy Anh (2016), *Văn hóa du lịch*, NXB Giáo dục.

9. 2. Tài liệu tham khảo

[1] . Trần Thúy Anh (2000), *Thế ứng xử cổ truyền với tự nhiên và xã hội của người Việt Châu thổ Bắc Bộ qua ca dao, tục ngữ*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.

[2] . Dương Văn Sáu (2017), *Văn hóa du lịch*, NXB Lao động, Hà Nội.

b. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP DU LỊCH/Corporate Culture Tourism

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 127073
- Bộ môn phụ trách: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần được xây dựng theo hướng ứng dụng phát huy tối đa vai trò của người học để họ được trải nghiệm, phân tích những tình huống thực tế về văn hoá, đạo đức, từ đó ứng dụng vào thực tiễn hoạt động du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể phân tích và xây dựng được chuẩn mực văn hoá doanh nghiệp du lịch, xây dựng được tiêu chuẩn đạo đức cho nhân viên, doanh nghiệp và ứng dụng được trong thực tiễn kinh doanh.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Qua học phần này SV nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về:

- Triết lý trong kinh doanh
- Đạo đức trong kinh doanh
- Chuẩn mực văn hoá trong doanh nghiệp du lịch

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xây dựng được tiêu chuẩn đạo đức cho nhân viên
- Kỹ năng ứng xử và giao tiếp với đồng nghiệp
- Kỹ năng xử lý tình huống và giao tiếp với khách hàng

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, chuẩn mực sẽ được phát huy khi tham gia học phần.
- Tạo dựng tinh thần trách nhiệm đối với đơn vị, đối với xã hội và quan trọng nhất là trách nhiệm đối với công việc trực tiếp đảm nhiệm.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA KINH DOANH (4, 6)

- 1.1. Khái quát chung về văn hóa
- 1.2. Khái quát chung về văn hóa kinh doanh

CHƯƠNG 2: TRIẾT LÝ KINH DOANH (4, 4, 2)

- 2.1. Khái niệm về triết lý và triết lý kinh doanh
- 2.2. Nội dung triết lý kinh doanh của doanh nghiệp
- 2.3. Vai trò của triết lý doanh nghiệp đối với doanh nghiệp du lịch
- 2.4. Cách thức xây dựng triết lý kinh doanh của doanh nghiệp du lịch

CHƯƠNG 3: ĐẠO ĐỨC KINH DOANH DU LỊCH (5 , 4 , 2)

- 3.1. Khái niệm & vai trò của đạo đức kinh doanh du lịch
- 3.2. Các vấn đề đạo đức trong kinh doanh du lịch
- 3.3. Nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp du lịch
- 3.4. Phương pháp và công cụ phân tích đạo đức kinh doanh
- 3.5. Đạo đức trong các hoạt động kinh doanh du lịch

CHƯƠNG 4: VĂN HÓA DOANH NGHIỆP (5 , 4 , 2)

- 4.1. Khái niệm và đặc điểm văn hoá doanh nghiệp du lịch
- 4.2. Các nhân tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp du lịch
- 4.3. Các dạng văn hoá doanh nghiệp
- 4.4. Tác động của văn hóa doanh nghiệp đối với sự phát triển DNDL
- 4.5. Các nhân tố tác động đến văn hóa doanh nghiệp
- 4.6. Cách thức xây dựng văn hóa DNDL

4. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Trần Nhoãn (2009). *Văn hoá doanh nghiệp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Phan Huy Xu & Võ Văn Thành (2016). *Bàn về văn hoá du lịch Việt Nam*. NXB Tổng Hợp HCM.

[2] . Nguyễn Ngọc Dung (2018). *Văn hoá doanh nghiệp trong khách sạn tại Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

9.33-34. Chọn 2 trong 4 học phần

a. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁP LUẬT VỀ DU LỊCH/TOURISM LAW

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 127011
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1 . Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho những sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về lĩnh vực du lịch. Bao gồm: Luật Du lịch và hệ thống văn bản pháp luật về du lịch hiện hành; quy chế pháp lý về tuyến, điểm, khu và đô thị du lịch; quy chế pháp lý về khách du lịch; quy chế pháp lý về kinh doanh du lịch, hướng dẫn viên và những người lao động trong lĩnh vực du lịch; những quy định của pháp luật trong về vấn đề vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

Năng lực đạt được: Người học có khả năng xử dụng kiến thức pháp luật để tư vấn, giải quyết quyền và nghĩa vụ trong các trường hợp cụ thể của nhà nước, tổ chức, cá nhân trong các hoạt động du lịch.

2 . Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Kết thúc học phần sinh viên nắm được các kiến thức:

- Khái quát về sự ra đời cũng như sự cần thiết cần thiết có Luật điều chỉnh trong lĩnh vực du lịch;
- Quy định về các loại tài nguyên du lịch hiện nay Luật hiện hành. Bên cạnh đó tìm hiểu các quy định về điều kiện công nhận các điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch và đô thị du lịch
- Quyền và nghĩa vụ của khách du lịch
- Quy định về hoạt động kinh doanh du lịch
- Điều kiện để được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch. Những điều mà hướng dẫn viên được làm và không được làm
- Những hành vi vi phạm trong lĩnh vực du lịch và cách thức xử lý

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề. Phân tích tổng hợp đánh giá các quy định của Luật
- *Kỹ năng* thuyết trình; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông;

2.3. Mục tiêu về thái độ

Tuân thủ quy định của pháp luật, ý thức trách nhiệm và đạo đức tác phong nghề nghiệp khi thực các nghiệp vụ sau này

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1 : Khái quát chung về Luật du lịch (3, 3)

1. Khái niệm du lịch và Luật du lịch
2. Hệ thống pháp luật về du lịch của Việt Nam
3. Quản lý nhà nước về du lịch

Chương 2: Tìm hiểu các quy định về khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch và khách du lịch (3, 3, 2)

1. Khái niệm về điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch
2. Điều kiện công nhận điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch và ý nghĩa

Chương 3: Quy chế pháp lý đối với khách du lịch (3, 3)

1. Khái niệm và phân loại khách du lịch
2. Địa vị pháp lý của khách du lịch nội địa
3. Địa vị pháp lý của khách du lịch quốc tế (khách du lịch nước ngoài du lịch tại Việt Nam và khách du lịch là người Việt Nam đi du lịch ở nước ngoài)

Chương 4: Tìm hiểu những quy định về kinh doanh du lịch (3, 3, 2)

1. Khái quát về các loại hình doanh nghiệp kinh doanh du lịch
2. Quy chế pháp lý đối với thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh một số ngành nghề đặc thù trong ngành du lịch

Chương 5: Quy định về lao động trong lĩnh vực du lịch và hướng dẫn du lịch (3, 3)

1. Những vấn đề chung về luật lao động Việt Nam
2. Địa vị pháp lý của hướng dẫn viên du lịch

Chương 6: Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch (3, 3, 2)

1. Hành vi vi phạm trong lĩnh vực du lịch
2. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch
4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Luật du lịch 2017, NXB Lao động.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Nguyễn Văn Lưu, (2013) *Du lịch Việt Nam hội nhập trong ASEAN*, NXB Văn hóa -TT,

[2] . Bùi Thị Hải Yến, (2013) *Quy hoạch Du lịch*, NXB Giáo dục Việt Nam.

b. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH/STATE MANAGEMENT OF TOURISM

- Số tín chỉ: 2 (18,18,6)
- Mã học phần: 127025
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Môn học này sẽ giúp cho những sinh viên ngành du lịch có được kiến thức pháp lý cơ bản về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực du lịch và hoạt động du lịch bao gồm quản lý nhà nước về du lịch, quản lý về hoạt động kinh doanh du lịch, quy chế pháp lý đối với hướng dẫn viên du lịch và các lao động phục vụ trong ngành du lịch, quyền và nghĩa vụ pháp lý của khách du lịch.

Năng lực đạt được: Người học có thể vận dụng thành thạo các quy định của Nhà nước trong công tác quản lý nhà nước về du lịch; tư vấn hoặc trực tiếp triển khai công tác quản lý nhà nước về du lịch ở cấp trung ương và địa phương. Áp dụng tiêu chuẩn du lịch, giải quyết tranh chấp...; quản lý, giám sát được hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp du lịch hoạt động theo đúng pháp luật Việt Nam và tiêu chuẩn kỹ năng nghề.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Khái quát nội dung cơ bản về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch; những quy định hiện hành về hoạt động du lịch hiện nay; các quy định về điều kiện công nhận các điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch và đô thị du lịch; Quyền và nghĩa vụ của khách du lịch; Quy định về hoạt động kinh doanh du lịch; Điều kiện để được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch. Những điều mà hướng dẫn viên được làm và không được làm; Những hành vi vi phạm trong lĩnh vực du lịch và cách thức xử lý.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề quản lý nhà nước về du lịch. Phân tích tổng hợp áp dụng các quy định của nhà nước về du lịch
- Kỹ năng thuyết trình; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông;

3. Nội dung học phần:

Chương 1 . QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC DU LỊCH (3, 3)

- 1.1. Chiến lược phát triển du lịch
- 1.2. Quy hoạch phát triển du lịch
- 1.3. Chính sách phát triển du lịch

Chương 2 . HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT VÀ TIÊU CHUẨN VỀ DU LỊCH (3 3)

- 2.1. Luật Du lịch và các văn bản pháp luật về du lịch
- 2.2. Các tiêu chuẩn trong hoạt động du lịch

Chương 3. THÔNG TIN DU LỊCH (3,3,2)

3.1. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về du lịch

3.2. Hệ thống thông tin du lịch

Chương 4. ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH (3,3,2)

4.1. Đào tạo nguồn nhân lực

4.2. Ứng dụng khoa học công nghệ trong du lịch

Chương 5. XÁC ĐỊNH KHU, ĐIỂM, TUYẾN VÀ ĐÔ THỊ DU LỊCH (3,3,2)

5.1. Cơ sở xác định

5.2. Các bước công nhận

Chương 6. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ DU LỊCH (3,3)

6.1. Hợp tác quốc tế

6.2. Xúc tiến du lịch

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu học tập:

9.1. Giáo trình chính

[1]. Trường cán bộ Thanh tra Nhà nước (1997), *Một số vấn đề về quản lý nhà nước*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

- [1] . Luật du lịch 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- [2] . Nguyễn Văn Lưu (2013), *Du lịch Việt Nam hội nhập trong ASEAN*, NXB Văn hóa - TT.

c. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MARKETING DU LỊCH/ MARKETING IN TOURISM

- Số tín chỉ: 2 (18,24,0)
- Mã học phần: 125100
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản và cơ sở lý luận về marketing du lịch, môi trường marketing du lịch, thị trường du lịch và việc lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu, qui trình xây dựng kế hoạch chiến lược marketing. Vận dụng các kiến thức này để xây dựng chiến lược marketing mix cho tổ chức doanh nghiệp du lịch.

Năng lực đạt được:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Trình bày các khái niệm căn bản trong marketing
- Sử dụng được linh hoạt lý thuyết về Marketing trong du lịch.
- Phân tích, đánh giá được môi trường marketing của tổ chức, doanh nghiệp du lịch
- Phân chia phân khúc thị trường, lựa chọn phân khúc thị trường mục tiêu và xác định các hướng định vị thị trường cho tổ chức, doanh nghiệp du lịch
- Xây dựng được chiến lược marketing mix cho một đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch cụ thể trên thị trường

2. Mục tiêu học phần

2.1. Kiến thức

Học phần giúp sinh viên:

- Nhận thức đúng nội dung hoạt động của marketing du lịch, những yếu tố tác động và đặc điểm khác biệt của marketing du lịch so với các ngành khác
- Nắm bắt và vận dụng được các nội dung của công cụ xúc tiến hỗn hợp trong hoạt động kinh doanh.

2.2. Kỹ năng

- Phân tích và lựa chọn thị trường mục tiêu cho doanh nghiệp du lịch,
- Đưa ra những chính sách định vị sản phẩm cho các khúc thị trường mục tiêu
- Xây dựng chiến lược marketing cho sản phẩm du lịch
- Hoạch định, phân tích và quản lý sản phẩm
- Áp dụng các chiến lược giá cho sản phẩm du lịch
- Phân tích, đánh giá, lựa chọn các kênh phân phối hiệu quả trong du lịch
- Thiết kế được các kênh phân phối hiệu quả trong du lịch

2.3. Thái độ

- Tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, chuẩn mực sẽ được phát huy khi tham gia học phần.
- Tạo dựng tinh thần trách nhiệm đối với đơn vị, đối với xã hội và quan trọng nhất là trách nhiệm đối với công việc trực tiếp đảm nhiệm.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN VỀ MARKETING DU LỊCH (2, 0, 4)

- 1.1. Các khái niệm cơ bản về marketing
- 1.2. Một số đặc trưng của marketing du lịch
- 1.3. Môi trường marketing du lịch

CHƯƠNG 2: PHÂN LOẠI THỊ TRƯỜNG, LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH VỊ THỊ TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH (2 , 0, 4)

- 2.1. Thị trường du lịch
- 2.2. Phân đoạn thị trường
- 2.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu
- 2.4. Định vị thị trường của doanh nghiệp du lịch

CHƯƠNG 3: CHIẾN LƯỢC MARKETING CỦA TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP DU LỊCH (2, 0, 4)

- 3.1. Tổng quan về chiến lược marketing du lịch
- 3.2. Quy trình xây dựng chiến lược marketing du lịch
- 3.3. Các loại chiến lược marketing điển hình
- 3.4. Vận dụng chiến lược marketing trong chu kỳ sống sản phẩm
- 3.5. Các chiến lược marketing dựa trên vị thế của doanh nghiệp

CHƯƠNG 4: CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM DU LỊCH CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH (2, 0,4)

- 4.1. Hoạch định, phân tích, quản lý sản phẩm của doanh nghiệp du lịch
- 4.2. Quyết định nhãn hiệu sản phẩm
- 4.3. Phát triển sản phẩm mới
- 4.4. Chu kì sống của sản phẩm (product life cycle)

CHƯƠNG 5: CHIẾN LƯỢC GIÁ CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH (2, 0, 4)

- 5.1. Bản chất của giá cả
- 5.2. Những nhân tố tác động đến việc định giá của một doanh nghiệp du lịch
- 5.3. Các phương pháp xác định giá c o bản

CHƯƠNG 6: CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH (2, 0, 5)

- 6.1. Bản chất và tầm quan trọng của chiến lược phân phối
- 6.2. Lựa chọn và quản lý kênh phân phối.

CHƯƠNG 7: CHIẾN LƯỢC XÚC TIẾN HỖN HỢP CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH (3, 0,5)

- 7.1. Khái quát về xúc tiến hỗn hợp trong du lịch
- 7.2. Quảng cáo
- 7.3. Xây dựng chiến lược xúc tiến hỗn hợp trong du lịch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực

hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (2013), *Giáo trình marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Philip Kotler (2010), *Quản trị Marketing*, NXB Thống kê, Hà Nội.

[2] . Trần Minh Đạo (2010). *Giáo trình Marketing căn bản*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

d. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN XÚC TIẾN VÀ BÁN SẢN PHẨM DU LỊCH/PROMOTION AND SALE OF TOURISM PRODUCTS

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Mã học phần: 127012
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu các thành phần cơ bản của hoạt động quản trị xúc tiến du lịch cũng như sự tác động qua lại giữa các yếu tố trong chương trình xúc tiến du lịch. Cách thức để phân tích các quyết định chiêu thị quan trọng

Năng lực đạt được: Sinh viên xác định được đặc điểm thị trường khách du lịch; đánh giá được vai trò của các kênh phân phối; phân tích và đề xuất được chiến lược marketing cho một đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch cụ thể trên thị trường; sử dụng được linh hoạt lý thuyết về Marketing trong du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Kiến thức:

- Hiểu rõ đặc điểm của hoạt động xúc tiến du lịch
- Biết cách thức quản trị hoạt động quảng cáo
- Biết cách chào hàng cá nhân
- Biết xây dựng chương trình khuyến mại
- Biết cách thức hoạt động PR

2.2. Kỹ năng:

- Tư duy sáng tạo và tự tin
- Vận dụng lý thuyết vào thực tế
- Làm việc nhóm tốt
- Trình bày trước đám đông

2.3. Thái độ:

- Hiểu rõ và vận dụng được kiến thức về xúc tiến du lịch vào thực tế
- Có ý thức, trách nhiệm trong công việc
- Có đạo đức trong kinh doanh
- Tác phong nghề nghiệp đúng chuẩn mực, chuyên nghiệp

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1 . Tiếp thị & chiêu thị (2 , 0, 0)

- 1.1. Khái niệm chiến lược chiêu thị
- 1.2. Tác động qua lại giữa Chiêu thị & các thành phần khác trong Marketing - Mix
- 1.3. Môi trường của Chiêu thị
- 1.4. Giới thiệu khái quát các yếu tố trong chiến lược chiêu thị

Chương 2 . Tổng quan quản trị chiêu thị (2 , 0, 0)

- 2.1. Khi nào xây dựng các chương trình chiêu thị?
- 2.2. Chuẩn bị tổ chức để thực hiện chi ê u thị
- 2.3. Các quyết định chiêu thị

Chương 3. Thiết lập các mục tiêu & ngân sách chiêu thị (2 , 0, 6)

- 3.1. Thiết lập các mục tiêu chiêu thị
- 3.2. Các mục tiêu & hỗn hợp chiêu thị
- 3.3. Xác định ngân sách chiêu thị
- 3.4. Các kỹ thuật định lượng dùng trong hoạch định NS

Chương 4. Quảng cáo (3, 0, 6)

- 4.1. Tổng quan về quản trị quảng cáo
- 4.2. Mục tiêu quảng cáo & Quyết định ngân sách
- 4.3. Chiến lược & thực hiện chiến lược thông điệp
- 4.4. Hoạch định phương tiện
- 4.5. Đánh giá việc thực hiện chương trình

Chương 5. Bán hàng trực tiếp (2 , 0, 6)

- 5.1. Vai trò của bán hàng trực tiếp
- 5.2. Hoạt động bán hàng
- 5.3. Quá trình bán hàng
- 5.4. Đánh giá & kiểm soát các nỗ lực bán hàng
- 5.5. Cải thiện kết quả bán hàng

Chương 6. Quan hệ công chúng (PR) (2 , 0, 6)

- 6.1. Vai trò của PR
- 6.2. Các đặc điểm của PR
- 6.3. Xác định đối tượng PR
- 6.4. Quy trình PR và Các công cụ PR

Chương 7. Kích thích tiêu thụ (2 , 0, 6)

- 7.1. Mục đích của khuyến mại
- 7.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hình thức khuyến mại & sử dụng khuyến mại
- 7.3. Khuyến mại đối với người tiêu dùng
- 7.4. Khuyến mại đối với trung gian & nhân viên bán hàng

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Hoàng Trọng & Hoàng Thị Phương Thảo (2007) Quản trị chiêu thị (Quản trị truyền thông tiếp thị), NXB Thống Kê.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Philip Kotler (2010), *Quản trị Marketing*, NXB Thống kê, Hà Nội.

9.35. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔ CHỨC SỰ KIỆN VÀ DU LỊCH MICE/EVENT ORGANIZATION AND MICE TOURISM

- Số tín chỉ: 4 (30, 0, 60)
- Mã học phần: 127054
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học khái niệm, nhận dạng được hoạt động tổ chức sự kiện, loại hình du lịch MICE và nội dung tổ chức sự kiện. Qua đó nhận thức được ý nghĩa xã hội của hoạt động tổ chức sự kiện. Cung cấp cho người học khả năng hoạch định nhu, nắm được các phương pháp cơ bản trong dự toán ngân sách, sáng tạo kịch bản, xây dựng kế hoạch của quá trình hoạt động sự kiện từ công việc chuẩn bị tới các hoạt động sự kiện, tính toán thời gian cho sự kiện, môi trường và điều kiện phát triển du lịch MICE. Khả năng tổ chức - quản trị trong hoạt động chuẩn bị và thực hiện sự kiện.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được các loại hình sự kiện; thành thạo quy trình tổ chức 1 số sự kiện phổ biến như: Hội thảo; họp báo; đại hội khách hàng; giới thiệu, triển lãm sản phẩm, teambuilding...; hình thành được tư duy sáng tạo, chủ động trong hoạt động tổ chức sự kiện.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về sự kiện. Xác định được vai trò và các loại hình sự kiện
- Trình bày được khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức hoạt động du lịch MICE
- Thành thạo quy trình tổ chức sự kiện, các chất liệu và hiệu ứng thường sử dụng trong sự kiện
- Phân tích, tổng hợp, đo lường, đánh giá được hoạt động “xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện”.
- Áp dụng được các ứng dụng và công cụ truyền thông để quảng bá cho sự kiện
- Thực thi tổ chức được một sự kiện một cách thành thạo cho doanh nghiệp từ phân tích, hoạch định, triển khai và đo lường đánh giá.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xác định được mục tiêu của sự kiện
- Lập được bản kế hoạch (proposal) nội dung chương trình, timeline (diễn biến thời gian), kịch bản chi tiết và kịch bản lời dẫn (MC Script)
- Phát triển được năng lực giao tiếp, truyền thông chiến lược và kế hoạch hành động một cách hiệu quả đến đối tượng hữu quan và mục tiêu
- Phân công nhân sự trong sự kiện một cách hợp lý
- Soạn thảo công văn xin phép tổ chức chu ong trình và kỹ năng xây dựng mối quan hệ

với chính quyền địa phương.

- Làm việc nhóm, triển khai ý tưởng

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hiểu được sự kiện đòi hỏi phải đam mê, sáng tạo, uy tín, trách nhiệm, có tinh thần đội nhóm, kiến thức xã hội rộng. . .
- Tự đánh giá khả năng của mình có thể phù hợp với công việc sự kiện hay không
- Nghiêm túc, chuyên nghiệp và hiểu được giá trị của nghề sự kiện

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC SỰ KIỆN VÀ DU LỊCH MICE (2 , 0)

- 1.1. Khái quát chung về hoạt động tổ chức sự kiện
- 1.2. Phân loại sự kiện
- 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức sự kiện
- 1.4. Các bước tổ chức sự kiện
- 1.5. Khái quát về du lịch MICE

CHƯƠNG 2: HÌNH THÀNH CHỦ ĐỀ , LẬP CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ KIỆN (LT 2 , 0, 1 0)

- 2.1. Nghiên cứu các yếu tố có liên quan đến sự kiện
- 2.2. Hình thành chủ đề sự kiện
- 2.3. Lập chương trình và kế hoạch tổng thể tổ chức sự kiện (Lập Proposal)
- 2.4. Lập dự toán ngân sách tổ chức sự kiện
- 2.5. Đàm phán và tiến hành ký kết hợp đồng với nhà đầu tư sự kiện

CHƯƠNG 3: LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC SỰ KIỆN (4 , 0, 1 0)

- 3.1. Khái quát về kế hoạch tổ chức sự kiện
- 3.2. Nội dung lập kế hoạch tổ chức sự kiện

CHƯƠNG 4: ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN TỔ CHỨC SỰ KIỆN (4 , 0, 1 0)

- 4.1. Chuẩn bị tổ chức sự kiện
- 4.2. Trong quá trình diễn ra sự kiện

CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ HẬU CẦN TỔ CHỨC SỰ KIỆN (3, 0, 1 0)

- 5.1. Khái quát về quản trị hậu cần tổ chức sự kiện
- 5.2. Quy trình chung trong quản trị hậu cần trong tổ chức sự kiện
- 5.3. Cung ứng các dịch vụ vận chuyển và tổ chức đưa đón khách
- 5.4. Cung ứng dịch vụ lưu trú
- 5.5. Cung ứng dịch vụ ăn uống
- 5.6. Tổ chức mạng lưới thông tin, liên lạc trong sự kiện
- 5.7. Cung ứng các dịch vụ theo yêu cầu của khách VIP và các phương tiện truyền thông

CHƯƠNG 6: THỰC HÀNH TỔ CHỨC SỰ KIỆN VÀ DU LỊCH MICE (0,2 0)

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

- Kết hợp giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xây dựng dự án, làm bài tập và trình bày trước lớp;
- Hướng dẫn thực hành thông qua xem video và làm mẫu trên lớp;
- Hướng dẫn thực hành trực tiếp tại các nhà hàng, khách sạn.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Giáo trình chính

[1] Nguyễn Vũ Hà (2009), *Bài giảng Tổ chức sự kiện*, Trường Cao đẳng du lịch Hà Nội

9. 2. Tài liệu tham khảo

[1] Dương Văn Sáu (2018), *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, Trường Đại học VHHN, Hà Nội.

2.36. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔ CHỨC HƯỚNG DẪN DU LỊCH/ORGANIZE TOUR GUIDE

- Số tín chỉ: 4 (30,0, 60)
- Mã học phần: 127039
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức: các khái niệm cơ bản về dịch vụ du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hướng dẫn du lịch, phương pháp hướng dẫn, tổ chức tham quan theo chuyên đề và kỹ năng xử lý tình huống xảy ra trong quá trình tổ chức hướng dẫn du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh trong khách sạn, công ty du lịch, công ty lữ hành, các hoạt động hỗ trợ trong quá trình tổ chức hướng dẫn du lịch, xử lý tình huống... Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng mềm khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm,....

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát, kiến thức cơ bản về du lịch, tham quan, hướng dẫn du lịch, hướng dẫn viên du lịch...
- Hiểu được các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến tổ chức hướng dẫn du lịch.
- Có được kiến thức tổng quát về những công việc cần làm trong quá trình tổ chức thực hiện hướng dẫn du lịch, phương pháp và kỹ năng tổ chức hướng dẫn du lịch.
- Giúp sinh viên có kiến thức về tổ chức và cơ cấu lao động trong một doanh nghiệp kinh doanh du lịch, phương pháp điều hành và giám sát trong tổ chức hướng dẫn du lịch.
- Có kiến thức cũng như nắm được một số kỹ năng cần thiết để tạo nên sự thành công của nghề (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng xử lý tình huống...)

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên thực hiện được các kỹ năng như sau: sinh viên thực hiện được các kỹ năng như sau: Kỹ năng đón tiếp khách, kỹ năng xây dựng nội dung công việc hướng dẫn, kỹ năng xây dựng bài thuyết minh du lịch, kỹ năng tổ chức các hoạt động trong chương trình du lịch như teambuilding, gala, đốt lửa trại, tiệc sinh nhật. kỹ năng phục vụ và chăm sóc khách hàng, kỹ năng xử lý tình huống.

Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng điều hành giám sát trong kinh doanh du lịch.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Sinh viên tích cực, chú trọng tới việc nâng cao tay nghề, nghiệp vụ của bản thân trong học tập cũng như trong quá trình tác nghiệp sau này.

- Có ý thức dân tộc, ý thức bảo vệ an ninh quốc gia. Trung thành với sự nghiệp xây dựng đất nước, có niềm tự hào dân tộc, biết bảo vệ các bí mật quốc gia liên quan đến kinh tế, chính trị.

- Tính trung thực: ngay thẳng với cấp trên, đồng nghiệp và khách. nêu cao tinh thần trách nhiệm, không chạy theo lợi ích cá nhân, không chiều theo đòi hỏi cá nhân của khách trái với phong tục và pháp luật Việt Nam.

- Tính lịch sự, tế nhị: thể hiện tính hiếu khách, phong cách văn minh và ứng xử có văn hóa với mọi người. Giữ gìn và nâng cao truyền thống văn minh, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

- Tính hoà đồng, hợp tác với nhiều người, với nhiều bộ phận để thực hiện tốt mục tiêu phục vụ khách.

- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.

- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung học phần:

Nội dung 1 : Những khái niệm cơ bản (LT:2 , TL:0,TH:0)

1. Khái niệm và đặc điểm của hoạt động hướng dẫn du lịch
2. Hướng dẫn du lịch và những hoạt động chủ yếu
3. Hướng dẫn viên du lịch và vai trò của hướng dẫn viên du lịch

Nội dung 2: Những nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức hướng dẫn du lịch (LT:2, TL:0,TH:0)

1. Hình thức và thời gian của chuyến đi
2. Cấu trúc khách và phương tiện vận chuyển
3. Điểm đến du lịch
4. Sự phối hợp hoạt động của các tổ chức có liên quan tới hoạt động phục vụ khách du lịch
5. Các yếu tố tác động khác

Nội dung 3: Tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch (LT:1 0, TL:0,TH:1 5)

1. Chuẩn bị và đón tiếp khách
2. Tổ chức ăn uống và lưu trú

3. Tổ chức tham quan du lịch
4. Tổ chức các dịch vụ khác
5. Tổ chức việc tiễn khách

Nội dung 4. Phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch theo chuyên đề (LT:8, TL:0,TH:20)

1. Nội dung của hoạt động hướng dẫn tham quan du lịch
2. Phương pháp chuẩn bị hướng dẫn tham quan du lịch
3. Phương pháp tiến hành hướng dẫn tham quan du lịch
4. Hướng dẫn tham quan chuyên đề theo loại đối tượng tham quan

Nội dung 5. Những kỹ năng nghiệp vụ hỗ trợ (LT:8 , TL:0,TH:2 5)

1. Kỹ năng xử lý các mối quan hệ
2. Kỹ năng giao tiếp
3. Kỹ năng xử lý tình huống
4. Kỹ năng tuyên truyền
5. Kỹ năng tổ chức các hoạt động giải trí tập thể
6. Kỹ năng đi rừng và kỹ năng sơ cứu

Nội dung 6. Thực tế tại điểm tham quan du lịch, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khách sạn, nhà hàng (LT:0, TL:0,TH:1 5)

1. Mục đích, yêu cầu
2. Công tác chuẩn bị
3. Báo cáo thu hoạch

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận, dự thi đầy đủ các chương, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

[1]. Đoàn Hương Lan (chủ biên) (2013), Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. NXB Lao động

9.2 Tài liệu tham khảo

[1] . Nguyễn Văn Đính & Phạm Hồng Chương (2000), Giáo trình Hướng dẫn du lịch. NXB Thống kê .

[2] . Tổng cục du lịch (2013), *Tiêu chuẩn Kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS)*, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.

2.37. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ KHÁCH SẠN CƠ BẢN/BASIC SKILL STANDARDS IN HOSPITALITY

- Số tín chỉ: 4 (30, 0, 60)
- Mã học phần: 127062
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên ngành du lịch hiểu rõ về tiêu chuẩn của nghề khách sạn và các tiêu chí, yêu cầu của một nhân viên trong ngành phục vụ. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách lưu trú tại khách sạn đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự. Học phần cũng giới thiệu kỹ năng phục vụ buồng như kỹ năng làm giường, làm vệ sinh buồng khách.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các thao tác kỹ thuật trong chu trình khách tại khách sạn, chăm sóc và phục vụ khách hàng, có khả năng nắm bắt tâm lý khách hàng trong quá trình phục vụ. Thiết lập được các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực: tiếp tân, phục vụ buồng hợp lý khoa học và đúng tiêu chuẩn qui định

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học phần giúp sinh viên:

- Nắm vững các bước tiến hành trong việc tiếp đón và phục vụ khách từ thời gian trước khi khách đến khách sạn cho đến khi khách rời khỏi khách sạn.
- Trang bị cho học viên sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách lưu trú tại khách sạn, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự.
- Hiểu rõ khái niệm cơ bản về bán hàng, tiếp thị và xúc tiến thương mại, biết cách áp dụng chúng trong bối cảnh của bộ phận lễ tân.
- Thiết lập được các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực: tiếp tân, phục vụ buồng, phục vụ bàn/bar hợp lý, khoa học và đúng tiêu chuẩn quy định.
- Trang bị những kiến thức cơ bản về vai trò, tổ chức quản lý bộ phận buồng/phòng, các loại trang thiết bị, dụng cụ của bộ phận buồng/phòng; các cách bảo quản trang thiết bị cũng như đảm bảo vệ sinh và độ bền của từng loại trang thiết bị.
- Cung cấp những kiến thức cơ bản về quy trình phục vụ buồng/phòng, những nguyên tắc cần lưu ý khi phục vụ buồng/phòng đặc biệt là kiến thức về vệ sinh và xử lý chất thải.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Vận hành đúng phương pháp đối với các trang thiết bị, dụng cụ trong khách sạn.
- Thực hành đúng và thành thạo kỹ năng nghề nghiệp trong việc tổ chức đón tiếp, đưa tiễn, phục vụ khách tại các bộ phận lễ tân, phục vụ buồng.
- Thể hiện khả năng liên lạc và phối hợp hiệu quả các bộ phận khác có liên quan trong

quá trình phục vụ khách lưu trú tại khách sạn.

- Nắm và kiểm tra hiệu số lượt khách ra vào khách sạn tạo điều kiện cho khách có kế hoạch đặt phòng lưu trú trước và đảm bảo có chỗ khi khách đến khách sạn.

- Hiểu và áp dụng quy trình đón tiếp, phục vụ khách lưu trú, thủ tục thanh toán ăn uống và lưu trú tại khách sạn.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Có ý thức dân tộc, ý thức bảo vệ an ninh quốc gia. Trung thành với sự nghiệp xây dựng đất nước, có niềm tự hào dân tộc, biết bảo vệ các bí mật quốc gia liên quan đến kinh tế, chính trị.

- Tính trung thực: ngay thẳng với cấp trên, đồng nghiệp và khách. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, không chạy theo lợi ích cá nhân, không chiều theo đòi hỏi cá nhân của khách trái với phong tục và pháp luật Việt Nam.

- Tính lịch sự, tế nhị: thể hiện tính hiếu khách, phong cách văn minh và ứng xử có văn hóa với mọi người. Giữ gìn và nâng cao truyền thống văn minh, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

- Tính hoà đồng, hợp tác với nhiều người, với nhiều bộ phận để thực hiện tốt mục tiêu phục vụ khách.

- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.

- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung I. Nghiệp vụ lễ tân

CHƯƠNG 1 : GIỚI THIỆU BỘ PHẬN LỄ TÂN (3, 0, 0)

1. 1. Giới thiệu chung

1. 2. Cơ cấu tổ chức khách sạn

1. 3. Cơ cấu tổ chức của khối lưu trú.

1. 4. Cơ cấu tổ chức và sơ đồ bố trí mặt bằng của bộ phận lễ tân.

1. 5. Vai trò và nhiệm vụ của các chức danh tại bộ phận lễ tân.

1. 6. Các yêu cầu tuyển dụng đối với nhân viên lễ tân

1. 7. Thuật ngữ chuyên ngành lễ tân khách sạn

1. 8. Danh mục các thiết bị và tài liệu được sử dụng tại Bộ phận lễ tân

1. 9. Chu trình phục vụ khách

CHƯƠNG 2: ĐẶT BUỒNG (4, 0, 10)

2. 1. Khái niệm và mục đích của đặt buồng trước

2. 2. Các loại buồng trong khách sạn

2. 3. Các loại mức giá buồng

2. 4. Các nguồn đặt buồng
2. 5. Các phương tiện nhận đặt buồng
2. 6. Hệ thống nhận đặt buồng tiêu chuẩn của bộ phận lễ tân
2. 7. Các vấn đề liên quan đến đặt buồng
2. 8. Quy trình tiếp nhận và xử lý các yêu cầu đặt buồng
2. 9. Hồ sơ khách hàng

CHƯƠNG 3: THỦ TỤC NHẬN BUỒNG VÀ ĐĂNG KÝ KHÁCH (4, 0, 10)

3. 1. Tầm quan trọng của việc làm thủ tục nhận buồng và đăng ký
- 3.2. Quy trình nhận buồng và đăng ký đối với khách đã đặt buồng trước
- 3.3. Quy trình làm thủ tục nhận buồng cho các đối tượng khách khác
- 3.4. Cung cấp dịch vụ hành lý và trợ giúp cá nhân

CHƯƠNG 4: GIAO TIẾP VỚI KHÁCH LƯU TRÚ TẠI KHÁCH SẠN (4, 0, 10)

- 4.1. Giao tiếp tại bộ phận lễ tân
- 4.2. Sử dụng điện thoại tại nơi làm việc
- 4.3. Xử lý thu của khách
- 4.4. Tiếp nhận và xử lý tin nhắn
- 4.5. Xử lý cung cấp dịch vụ thông tin và phúc đáp yêu cầu của khách
- 4.6. Quy trình đổi phòng
- 4.7. Xử lý tài sản thất lạc
- 4.8. Xử lý phàn nàn của khách

CHƯƠNG 5: THANH TOÁN CHI PHÍ CỦA KHÁCH VÀ THU NGÂN (4, 0, 10)

- 5.1. Các nguyên tắc thanh toán
- 5.2. Các phương thức thanh toán
- 5.3. Quy trình thanh toán và tiễn khách
- 5.4. Cung cấp dịch vụ đổi tiền
- 5.5. Kiểm toán đêm
- 5.6. Bàn giao ca

CHƯƠNG 6: TIẾP THỊ VÀ BÁN HÀNG TẠI BỘ PHẬN LỄ TÂN (4, 0, 10)

1. Vai trò của bộ phận lễ tân trong công việc bán hàng và tiếp thị
2. Hiểu biết về quá trình bán hàng
3. Thực hành các kỹ năng bán hàng cho nhân viên lễ tân

Nội dung II. NGHIỆP VỤ BUỒNG/PHÒNG

CHƯƠNG 7: GIỚI THIỆU BỘ PHẬN PHỤC VỤ BUỒNG (4, 0, 0)

1. Giới thiệu chung
2. Cơ cấu tổ chức khách sạn và bộ phận buồng/ phòng.
3. Vai trò bộ phận buồng/phòng trong khách sạn.

CHƯƠNG 8: QUY TRÌNH KỸ THUẬT PHỤC VỤ BUỒNG (3, 0, 10)

1. Quy trình làm vệ sinh buồng khách
2. Sắp xếp xe đẩy để chuẩn bị dọn buồng cho khách

3. Dọn buồng khách
4. Dọn vệ sinh khu vực chung, các thiết bị và tiện nghi
5. Xử lý việc giặt là cho khách

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

- Kết hợp giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xây dựng dự án, làm bài tập và trình bày trước lớp;
- Hướng dẫn thực hành thông qua xem video và làm mẫu trên lớp;
- Hướng dẫn thực hành trực tiếp tại các nhà hàng, khách sạn.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Thị Tú, (2005), *Nghệp vụ phục vụ khách sạn*. NXB Thống kê

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục du lịch. *Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: Lễ tân*. Bộ văn hoá thể thao du lịch. 2015
2. Tổng Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: *Phục vụ buồng*. Cục du lịch. Bộ văn hoá thể thao du lịch. 2015

2.38. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ PHỤC VỤ NHÀ HÀNG/ RESTAURANT SERVICE SKILLS

- Số tín chỉ: 4 (30,0, 60)
- Mã học phần: 127063
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về dịch vụ nhà hàng các trang thiết bị và dụng cụ trong nhà hàng, vệ sinh, an toàn và an ninh trong kinh doanh ăn uống, kỹ thuật phục vụ ăn uống, tổ chức và phục vụ các loại tiệc, chăm sóc khách hàng trong phục vụ ăn uống, tổ chức lao động và kỹ năng điều hành giám sát trong nhà hàng

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực tổ chức, quản lí và điều hành hoạt động nhà hàng. Kỹ thuật trải gấp khăn bàn, trải gấp khăn ăn cơ bản. Kỹ thuật đặt bàn ăn theo thực đơn, kỹ thuật phục vụ cơ bản. Cách kê và bố trí bàn tiệc cũng như quy trình phục vụ: tiệc ăn ngồi kiểu Á, Âu, tiệc đứng, tiệc rượu, tiệc hội nghị, hội thảo... kỹ năng phục vụ và chăm sóc khách hàng. Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng điều hành giám sát trong nhà hàng.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát, kiến thức cơ bản về dịch vụ, dịch vụ phục vụ trong nhà hàng, các trang thiết bị và dụng cụ trong nhà hàng, cấu trúc, vị trí việc làm trong nhà hàng.
- Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về vệ sinh an toàn và an ninh trong kinh doanh ăn uống.
- Sinh viên thực hành được kỹ thuật phục vụ ăn uống trong nhà hàng, tổ chức và phục vụ các loại tiệc.
- Nắm được những yêu cầu cần có của một nhân viên nhà hàng trong quá trình chăm sóc, phục vụ khách hàng.
- Có kiến thức cũng như nắm được một số kỹ năng cần thiết để tạo nên sự thành công của nghề (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng xử lí lỗi trong quá trình chế biến.)

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên thực hiện được các kỹ năng như sau: Kỹ thuật trải gấp khăn bàn, trải gấp khăn ăn cơ bản. Kỹ thuật đặt bàn ăn theo thực đơn, kỹ thuật phục vụ cơ bản. Cách kê và bố trí bàn tiệc cũng như quy trình phục vụ: tiệc ăn ngồi kiểu Á, Âu, tiệc đứng, tiệc rượu, tiệc hội nghị, hội thảo. kỹ năng phục vụ và chăm sóc khách hàng. Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng điều hành giám sát trong nhà hàng.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Sinh viên tích cực, chú trọng tới việc nâng cao tay nghề, nghiệp vụ của bản thân trong

học tập cũng như trong quá trình tác nghiệp sau này.

- Tính trung thực: ngay thẳng với cấp trên, đồng nghiệp và khách. nêu cao tinh thần trách nhiệm, không chạy theo lợi ích cá nhân, không chiều theo đòi hỏi cá nhân của khách trái với phong tục và pháp luật Việt Nam.

- Tính lịch sự, tế nhị: thể hiện tính hiếu khách, phong cách văn minh và ứng xử có văn hóa với mọi người. Giữ gìn và nâng cao truyền thống văn minh, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.

- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung học phần:

Nội dung 1 : Khái niệm cơ bản về dịch vụ nhà hàng (LT:3, TL:0, TH:0)

1. Khái niệm, vai trò, vị trí của nhà hàng
2. Đặc điểm kinh doanh của nhà hàng
3. Phân loại nhà hàng

Nội dung 2: Trang thiết bị và dụng cụ trong nhà hàng (LT:5 , TL:0, TH:5)

1. Các loại trang thiết bị trong phòng ăn
2. Các loại dụng cụ phục vụ ăn uống

Nội dung 3: Vệ sinh an toàn, an ninh trong kinh doanh ăn uống (LT:5, TL:0,TH:5)

1. Vệ sinh trong kinh doanh nhà hàng
2. An toàn trong kinh doanh nhà hàng
3. An ninh trong kinh doanh nhà hàng

Nội dung 4. Kỹ thuật phục vụ ăn uống (LT:4 , TL:0, TH:1 5)

1. Các bữa ăn trong ngày và cấu trúc của một bữa ăn
2. Phương thức phục vụ ăn uống
3. Các mô hình phục vụ bàn tiêu biểu
4. Kỹ thuật trải, gấp khăn bàn, khăn ăn
5. Kỹ thuật đặt bàn ăn theo thực đơn
6. Kỹ thuật phục vụ cơ bản
7. Quy trình phục vụ ăn uống

Nội dung 5. Tổ chức và phục vụ các loại tiệc(LT:5 , TL:0, TH:1 5)

1. Khái niệm và phân loại tiệc
2. Các kê và bố trí bàn tiệc
3. Quy trình phục vụ tiệc
4. Phục vụ các loại tiệc

Nội dung 6. Chăm sóc khách hàng trong phục vụ ăn uống (LT:4 , TL:0, TH:5)

1. Khái niệm, vai trò của việc chăm sóc khách hàng trong phục vụ ăn uống
2. Chăm sóc khách hàng qua giao tiếp
3. Tạo lập hình ảnh đẹp với khách hàng
4. Cân đối giữa nhu cầu và khả năng cung ứng dịch vụ
5. Giải quyết những cảm xúc tiêu cực của khách

Nội dung 7. Tổ chức lao động và kỹ năng điều hành giám sát trong nhà hàng (LT:4, TL:0,TH:5)

1. Tổ chức lao động trong nhà hàng
2. Những yêu cầu đối với nhân viên phục vụ
3. Mối quan hệ của bộ phận ăn uống với các bộ phận khác trong cơ sở kinh doanh phục vụ
4. Kỹ năng điều hành giám sát trong nhà hàng

Nội dung 8. Thực tế tại nhà hàng ở địa phương (LT:0, TL:0,TH:10)

1. Mục đích, yêu cầu
2. Công tác chuẩn bị
3. Báo cáo thu hoạch

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận , dự thi đầy đủ các chương, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

[1]. Vũ Thị Hòa (Chủ biên) (2012), *Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng*, NXB Lao động Hà Nội

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Thị Hòa (2012). *Bài giảng thực hành nghiệp vụ nhà hàng (lưu hành nội bộ)*. NXB Lao động Hà Nội.
2. Tổng cục du lịch Việt Nam, (2018), Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam, *Nghiệp vụ nhà hàng*. (VTOS)

2.39. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH TOUR DU LỊCH/TOUR DESIGN AND OPERATION

- Số tín chỉ: 3(15, 0, 60)
- Mã học phần: 127031
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức về nghiên cứu nhu cầu khách du lịch, khảo sát điều kiện cung ứng, từ đó xây dựng lịch trình chi tiết cho chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán của chương trình du lịch. Các phương pháp quảng cáo, tổ chức thiết kế và bán chương trình du lịch, hợp đồng du lịch, quản lý điều hành chương trình du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh trong công ty du lịch, công ty lữ hành. Thiết kế được chương trình du lịch, có khả năng xử lý tốt các tình huống xảy ra trong suốt quá trình điều hành chương trình du lịch. Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng mềm khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm,....

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát, kiến thức cơ bản về du lịch. Phân tích được các khái niệm du lịch, tổ chức du lịch, khách du lịch, nhà cung cấp dịch vụ, kinh doanh lữ hành, chương trình du lịch, tuyến điểm du lịch.
- Nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường khách du lịch, chương trình du lịch.
- Hình thành phương pháp thiết kế, xây dựng và tổ chức điều hành chương trình du lịch, giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình điều hành chương trình du lịch.
- Lập được kế hoạch chi tiết, phương án thực hiện việc hướng dẫn du lịch theo từng đối tượng khách du lịch

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên thực hiện được các kỹ năng như sau: sinh viên thực hiện được các kỹ năng như sau: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xây dựng nội dung công việc điều hành, kỹ năng xây dựng thiết kế chương trình du lịch, kỹ năng tổ chức các hoạt động trong chương trình du lịch như teambuilding, gala, đốt lửa trại, tiệc sinh nhật. kỹ năng phục vụ và chăm sóc khách hàng, kỹ năng xử lý tình huống.

Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng điều hành giám sát trong kinh doanh du lịch.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Sinh viên tích cực, chú trọng tới việc nâng cao tay nghề, nghiệp vụ của bản thân trong học tập cũng như trong quá trình tác nghiệp sau này.
- Có ý thức dân tộc, ý thức bảo vệ an ninh quốc gia. Trung thành với sự nghiệp xây dựng đất nước, có niềm tự hào dân tộc, biết bảo vệ các bí mật quốc gia liên quan đến kinh tế, chính

trị.

- Tính trung thực: ngay thẳng với cấp trên, đồng nghiệp và khách. nêu cao tinh thần trách nhiệm, không chạy theo lợi ích cá nhân, không chiều theo đòi hỏi cá nhân của khách trái với phong tục và pháp luật Việt Nam.

- Tính lịch sự, tế nhị: thể hiện tính hiếu khách, phong cách văn minh và ứng xử có văn hóa với mọi người. Giữ gìn và nâng cao truyền thống văn minh, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

- Tính hoà đồng, hợp tác với nhiều người, với nhiều bộ phận để thực hiện tốt mục tiêu phục vụ khách.

- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.

- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung học phần:

Nội dung 1 : Nghiên cứu nhu cầu khách du lịch (LT:2 , TL:0,TH:0)

1. Sự cần thiết của việc nghiên cứu nhu cầu khách du lịch
2. Quy trình tổ chức thực hiện
3. Nội dung các bước thực hiện

Nội dung 2: Khảo sát điều kiện cung ứng (LT:2 , TL:0,TH:0)

1. Khảo sát tài nguyên du lịch
2. Khảo sát điều kiện vận chuyển
3. Khảo sát điều kiện lưu trú
4. Khảo sát điều kiện ăn uống
5. Khảo sát các điều kiện khác
6. Xác định khả năng vị trí của doanh nghiệp lữ hành

Nội dung 3: Xây dựng lịch trình chi tiết (LT:2 , TL:0,TH:1 5)

1. Chuẩn bị và đón tiếp khách
2. Tổ chức ăn uống và lưu trú
3. Tổ chức tham quan du lịch
4. Tổ chức các dịch vụ khác
5. Tổ chức việc tiễn khách

Nội dung 4. Xác định giá của chương trình du lịch (LT:3, TL:0,TH:1 5)

1. Xác định giá bán của chương trình du lịch
2. Xác định giá của một số loại chương trình du lịch
3. Phương pháp xác định giá bán chương trình du lịch tại một số doanh nghiệp lữ hành.

Nội dung 5. Phương pháp quảng cáo (LT:2 , TL:0,TH:1 0)

1. Vai trò của hoạt động quảng cáo trong kinh doanh lữ hành
2. Quy trình chung của hoạt động quảng cáo
3. Nội dung cụ thể trong việc tổ chức quảng cáo

Nội dung 6. Tổ chức bán chương trình du lịch (LT:2 , TL:O, TH:O)

1. Xác định nguồn khách
2. Bán trực tiếp chương trình du lịch
3. Một số hình thức bán chương trình du lịch tiêu biểu

Nội dung 7. Quản lý điều hành chương trình du lịch (LT:2 , TL:O, TH:5)

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện
2. Kiểm tra điều kiện tổ chức thực hiện chương trình du lịch
3. Quản lý quá trình thực hiện chương trình du lịch và hoạt động của hướng dẫn viên du lịch
4. Kết thúc tổ chức thực hiện chương trình du lịch

Nội dung 8: Thực tế tại doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khảo sát tuyến điểm du lịch trong tỉnh. (LT:0, TL:0, TH:15)

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận, dự thi đầy đủ các chương, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Văn Đức (2011), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Lao động.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Phạm Hồng Chương (2000), *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Thống kê.

[2] . Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

2.40. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĂN, UỐNG/FOOD PREPARATION SKILLS

- Số tín chỉ: 4 (30,0, 60)
- Mã học phần: 127053
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về nguyên liệu chế biến và sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến. Lựa chọn và bảo quản nguyên liệu. Phương pháp xây dựng thực đơn. Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm. Các xu hướng ẩm thực toàn cầu. Các phương pháp chế biến và kỹ thuật chế biến món ăn, đồ uống, một số món ăn cơ bản, cũng như kỹ năng và nghệ thuật trang trí sản phẩm ăn uống

Năng lực đạt được: sinh viên thực hiện được việc tính toán chi phí nguyên liệu, kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, lập bảng thống kê chi phí nguyên liệu. Kỹ thuật chế biến sản phẩm ăn uống với các phương pháp chế biến đa dạng. Kỹ năng trang trí sản phẩm ăn uống. Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng mềm khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm,....

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát, kiến thức cơ bản về nguyên liệu, chất lượng nguyên liệu, chọn và bảo quản nguyên liệu, cơ cấu tổ chức của nhà bếp, cơ cấu tổ chức của khách sạn
- Nắm được những yêu cầu cần có của một nhân viên nhà bếp, nhân viên phục vụ về các mặt thực hành và quy trình làm bếp, sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến nguyên liệu, nguyên tắc và phương pháp nấu ăn, xây dựng thực đơn.
- Có được kiến thức tổng quát về những công việc cần làm trong quá trình thực hiện chế biến một món ăn, đồ uống với vai trò là nhân viên nhà hàng, bộ phận bếp. Nghệ thuật trang trí sản phẩm ăn uống và đánh giá chất lượng sản phẩm ăn uống
- Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu và cách thức xây dựng một nội dung thực đơn theo mùa, theo ăn tự chọn. Những lưu ý trong kỹ thuật chế biến sẽ giúp sinh viên tránh được một số lỗi trong quá trình chế biến. Đó cũng là một lợi thế khi tiến hành thực tập và tác nghiệp.
- Có kiến thức cũng như nắm được một số kỹ năng cần thiết để tạo nên sự thành công của nghề (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng xử lý lỗi trong quá trình chế biến.)

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên thực hiện được các kỹ năng như sau: Kỹ năng tính toán, kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, lập bảng thống kê chi phí nguyên liệu. Kỹ năng, kỹ thuật chế biến sản phẩm ăn uống với các phương pháp chế biến đa dạng. Kỹ năng trang trí sản

phẩm ăn uống. Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng mềm khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm,...

Qua học tập thực tế sinh viên có được sự trải nghiệm về cơ cấu tổ chức của nhà bếp, học hỏi kỹ thuật và nghệ thuật chế biến món ăn, thao tác trang trí sản phẩm ăn uống, kỹ năng điều phối món ăn trong quá trình phục vụ khách

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Sinh viên tích cực, chú trọng tới việc nâng cao tay nghề, nghiệp vụ của bản thân trong học tập cũng như trong quá trình tác nghiệp sau này.
- Có ý thức dân tộc, ý thức bảo vệ an ninh quốc gia. Trung thành với sự nghiệp xây dựng đất nước, có niềm tự hào dân tộc, biết bảo vệ các bí mật quốc gia liên quan đến kinh tế, chính trị.
- Tính trung thực: ngay thẳng với cấp trên, đồng nghiệp và khách. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, không chạy theo lợi ích cá nhân, không chiều theo đòi hỏi cá nhân của khách trái với phong tục và pháp luật Việt Nam.
- Tính lịch sự, tế nhị: thể hiện tính hiếu khách, phong cách văn minh và ứng xử có văn hóa với mọi người. Giữ gìn và nâng cao truyền thống văn minh, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.
- Tính hoà đồng, hợp tác với nhiều người, với nhiều bộ phận để thực hiện tốt mục tiêu phục vụ khách.
- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.
- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung học phần:

Nội dung 1 : Tổng quan về nguyên liệu chế biến sản phẩm ăn uống (LT:2 , TL:0, TH:0)

1. Các khái niệm cơ bản về nguyên liệu
2. Nguồn gốc lịch sử của thực phẩm
3. Cơ cấu tổ chức của nhà bếp

Nội dung 2: Lựa chọn và bảo quản nguyên liệu (LT:2 , TL:0, TH:5)

1. Khái niệm chất lượng nguyên liệu
2. Lựa chọn nguyên liệu
3. Bảo quản nguyên liệu

Nội dung 3:Thực hành và quy trình làm bếp (LT:2, TL:0, TH:6)

1. Tổng quan về vệ sinh nhà bếp và chuẩn bị công việc
2. An toàn và sử dụng các thiết bị trong nhà bếp
3. Xử lý rác thải và kiểm soát vi sinh vật gây hại

Nội dung 4. Sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến sản phẩm ăn uống (LT:4,

TL:0,TH:8)

1. Sự biến đổi các chất Protein, Gluxit, Lipit trong chế biến sản phẩm ăn uống
2. Sự biến đổi Vitamin trong chế biến sản phẩm ăn uống
3. Sự biến đổi màu sắc và mùi vị trong chế biến sản phẩm ăn uống

Nội dung 5. Đại cương về các phương pháp chế biến (LT:5, TL:0, TH:6)

1. Khái quát chung về các phương pháp chế biến
2. Phương pháp chế biến nhiệt
3. Chuẩn bị nấu ăn
4. Các phương pháp nấu ăn

Nội dung 6. Kỹ thuật chế biến sản phẩm ăn uống (LT:6, TL:0, TH:10)

1. Khái quát chung về món ăn Á và món ăn Âu
2. Kỹ thuật và các nguyên tắc chế biến món ăn
3. Kỹ thuật chế biến xốt, súp
4. Kỹ thuật chế biến cơm, xôi, cháo, phở
5. Kỹ thuật chế biến món ăn từ rau, củ, quả
6. Kỹ thuật chế biến món ăn từ thủy sản
7. Kỹ thuật chế biến món ăn từ thịt gia súc, thịt gia cầm
8. Kỹ thuật chế biến món ăn từ trứng

Nội dung 7. Phương pháp xây dựng thực đơn (LT:4, TL:0, TH:6)

1. Khái niệm và vai trò của thực đơn
2. Phân loại và cấu tạo thực đơn
3. Các nguyên tắc xây dựng thực đơn
4. Các bước trình bày thực đơn

Nội dung 8. Trang trí, kiểm tra chất lượng sản phẩm ăn uống (LT:5, TL:0, TH:10)

1. Khái niệm vai trò trang trí sản phẩm ăn uống
2. Nguyên tắc trang trí sản phẩm ăn uống
3. Cắt tỉa hoa và tạo hình trang trí sản phẩm ăn uống
4. Kiểm tra chất lượng sản phẩm ăn uống

Nội dung 9: Thực tế tại nhà hàng ở địa phương (LT:0, TL: 0, TH:9)

1. Mục đích, yêu cầu
2. Công tác chuẩn bị
3. Báo cáo thu hoạch

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận, dự thi đầy đủ các chương, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Giáo trình chính

[1]. Trình cao Khải (chủ biên) (2013). *Giáo trình Lý thuyết chế biến món ăn*. NXB Lao động.

9.2 Tài liệu tham khảo

[1] . Hội đồng chứng chỉ nghiệp vụ du lịch (2005). Kỹ thuật chế biến món ăn. NXB Thanh Niên.

[2] .Tổng cục du lịch Việt Nam, (2009), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam*, Kỹ thuật chế biến món ăn Âu. (VTOS).

9.41. Chọn 1 trong 2 học phần

a. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DU LỊCH SINH THÁI/ECOTOURISM

- Số tín chỉ: 2 (18,24,0)
- Mã học phần: 127033
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Môn học truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về DLST, tài nguyên DLST, các loại hình DLST. Các kiến thức, các phương pháp và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động DLST trên phương diện kỹ thuật, kinh tế - xã hội và môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái, các khu bảo tồn, vườn quốc gia.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được các loại hình du lịch sinh thái và có khả năng quản lý các hoạt động du lịch sinh thái.

2. Mục tiêu Học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về du lịch sinh thái (DLST) và quản lý các dự án DLST tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia.; phương pháp thực hiện nhãn hiệu xanh tại các điểm du lịch, các khách sạn, nhà hàng phục vụ du lịch và thực hiện văn hóa văn phòng xanh.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Trang bị các phương pháp, kỹ năng để có thể tham gia xây dựng các quy hoạch, kế hoạch quản lý, phát triển DLST, làm việc tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển. Bên cạnh đó, sinh viên có kỹ năng tổ chức và hướng dẫn DLST trong hoạt động kinh doanh du lịch.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
- + Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua đọc thêm sách, các tài liệu trên mạng internet.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm bài và nộp bài đúng hạn
- + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử
- + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà
- + Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên
- + Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình

3. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1 : Tổng quan du lịch sinh thái (LT:2 , TL:2)

- 1.1. Các khái niệm về DLST
- 1.2. Các đặc điểm của DLST
- 1.3. Phân biệt DLST và các loại hình du lịch có liên quan (DL cộng đồng, DL bền vững, DL trách nhiệm, DL xóa đói giảm nghèo, DL xanh)

- 1.4. Điều kiện đặc trưng để phát triển sản phẩm DLST
- 1.5. Khách DLST
- 1.6. Các loại hình DLST tiêu biểu trên thế giới và Việt Nam
- 1.7. Các nguyên tắc áp dụng DLST
- 1.8. Tiêu chuẩn đánh giá DLST

Chương 2: Môi trường du lịch sinh thái (LT:3, TL:2)

- 2.1. Tài nguyên DLST
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Các tài nguyên DLST cơ bản
- 2.2. Đặc điểm của tài nguyên DLST
- 2.3. Tác động của hoạt động du lịch sinh thái lên môi trường, kinh tế, xã hội
 - 2.3.1. Tác động tích cực
 - 2.3.2. Tác động tiêu cực
- 2.4. Quan hệ giữa DLST và phát triển

Chương 3: Hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) (LT:3, TL:2)

- 3.1. Khái niệm
- 3.2. Hệ thống phân hạng quốc tế khu bảo tồn thiên nhiên theo IUCN
- 3.3. Các loại hình khu bảo tồn thiên nhiên khác
 - 3.3.1. Khu dự trữ thiên nhiên
 - 3.3.2. Khu bảo tồn đã được đưa ra khỏi danh sách Việt Nam
 - 3.3.3. Rừng văn hóa lịch sử môi trường
 - 3.3.4. Khu bảo tồn loài
 - 3.3.5. Rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học
 - 3.3.6. Vườn Quốc gia
 - 3.3.6.1. Vườn Di sản Asean
 - 3.3.6.2. Di sản thiên nhiên thế giới
 - 3.3.6.3. Khu dự trữ sinh quyển thế giới
 - 3.3.6.4. Khu Ramsar

Chương 4: Quản lý du lịch sinh thái (LT:3, TL:2)

- 4.1. Sản phẩm DLST
- 4.2. Thị trường DLST
- 4.3. Các hoạt động DLST
 - 4.3.1. Hướng dẫn trước cho khách tham quan
 - 4.3.2. Trung tâm du khách

4.3.3. Đường mòn thiên nhiên

4.3.4. Ngắm động vật hoang dã

4.3.5. Hướng dẫn viên DLST

4.3.6. Nhà nghỉ, khu DLST

- Chọn địa điểm
- Thiết kế
- Những chi tiết liên quan đến động, thực vật và cảnh quan
- Thiết bị, phương tiện diễn giải

4.4. Quản lý năng lượng

4.5. Quản lý nước

4.6. Quản lý nước thải

4.7. Quản lý chất rắn thải

Chương 5: DLST ở các khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) (LT:3, TL:2)

5.1. Những yêu cầu của DLST ở một khu BTTN

5.2. DLST là một công cụ bảo tồn

5.2.1. Các bên tham gia vào DLST

5.2.2. Vai trò của DLST tại các khu BTTN

5.2.3. Lợi ích của DLST

5.3. Lập quy hoạch DLST Quốc gia , Vùng , Địa phương

5.3.1. Các bước thực hiện quy hoạch

5.3.2. Điều tra về tài nguyên và các vấn đề liên quan

5.3.3. Giám sát DLST

5.4. Vai trò của cộng đồng

5.4.1. Những lợi ích cho cộng đồng

5.4.2. Nguy cơ và giảm thiểu tác động

5.4.3. Sự tham gia của cộng đồng

5.4.4. Mối quan hệ giữa cộng đồng và các công ty du lịch

5.4.5. Quan hệ giữa du khách và văn hóa địa phương

5.5. Xúc tiến các dự án DLST

5.5.1. Nghiên cứu thị trường

5.5.2. Các chương trình xúc tiến

5.6. Một số kiến nghị cho sự phát triển DLST ở các khu BTTN ở Việt Nam

Chương 6: Định hướng phát triển DLST ở Việt Nam (LT:2 , TL:3)

6.1. Cơ hội, thách thức của DLST ở Việt Nam

6.2. Điểm mạnh, điểm yếu của DLST ở Việt Nam

6.3. Các mục tiêu phát triển DLST ở Việt Nam

6.4. Giải pháp để phát triển DLST ở Việt Nam

6.5. Quy trình xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển DLST ở Việt Nam

Chương 7: Xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái trong hoạt động kinh doanh lữ hành ở Việt Nam (LT: TL:)

7.1. Những yêu cầu cơ bản đối với một tour DLST

7.2. Thực hành xây dựng một số tour DLST thuộc vùng du lịch Bắc Bộ

7.3. Thực hành xây dựng một số tour DLST thuộc vùng du lịch Bắc Trung Bộ

7.4. Thực hành xây dựng một số tour DLST thuộc vùng du lịch Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

7.5. Thực hành xây dựng một số tour DLST thuộc vùng du lịch Nam Bộ

Chương 8: Thực tế du lịch sinh thái (LT:0, TL:0, TH:9)

8.1. Mục đích yêu cầu

8.2. Công tác chuẩn bị

8.3. Báo cáo kết quả

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí thời gian để thẩm định, đánh giá bài thực hành của học viên

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Lê Huy Bá (2009), *Du lịch sinh thái*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Phạm Trung Lương (2001), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.

b. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THUYẾT MINH DU LỊCH/TRAVEL COMMENTARY

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Mã học phần: 127033
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuyết minh du lịch tại điểm; giúp sinh viên nhận thức được vai trò của công việc này và phân biệt được các loại hình thuyết minh du lịch. Từ đó, sinh viên có điều kiện rèn luyện kỹ năng xây dựng nội dung thuyết minh; rèn luyện kỹ năng, phương pháp thuyết minh phù hợp và ứng dụng nó vào trong công tác hướng dẫn du lịch của mình.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được nội dung thuyết minh hấp dẫn cho các đối tượng khách du lịch, thực hiện thành thạo hoạt động thuyết minh tại điểm.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Kiến thức:

- Có kiến thức về công việc thuyết minh du lịch tại điểm
- Phân biệt được các văn bản thuyết minh du lịch để phục vụ cho công tác hướng dẫn du lịch.
- Vận dụng các nguyên tắc khi thuyết minh du lịch.
- Phân tích, tổng hợp và đánh giá được tình huống thực tế để lựa chọn phương pháp thuyết minh du lịch phù hợp.

2.2. Về kỹ năng:

- Suu tầm thông tin khoa học, chính xác cần thiết cho nội dung các nội dung thuyết minh du lịch cần viết.
- Kỹ năng xây dựng văn bản thuyết minh du lịch.
- Kỹ năng thuyết minh du lịch.
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử.
- Kỹ năng thuyết trình, nói trước đám đông.
- Kỹ năng làm việc nhóm.
- Kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin.
- Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ.
- Kỹ năng tự học.

2.3. Về thái độ

- Có tinh thần học tập nghiêm túc, chấp hành tốt các yêu cầu của môn học.
- Có thái độ đúng đắn về công việc thuyết minh du lịch.
- Có ý thức, trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp của người hướng dẫn viên du lịch.
- Luôn rèn luyện và trao đổi các kỹ năng xây dựng nội dung thuyết minh và phương pháp

thuyết minh du lịch.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : MỞ ĐẦU VỀ THUYẾT MINH DU LỊCH (3, 0 , 0)

1. 1. Khái niệm
1. 2. Vai trò của thuyết minh trong hướng dẫn du lịch
1. 3. Các loại hình thuyết minh du

CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG NỘI DUNG THUYẾT MINH DU LỊCH (6 , 0 , 1 0)

2. 1. Nguyên tắc xây dựng nội dung thuyết minh du lịch
2. 2. Kết cấu nội dung thuyết minh du lịch
2. 3. Yêu cầu của nội dung thuyết minh du lịch

CHƯƠNG 3: THỰC HIỆN THUYẾT MINH DU LỊCH (6 , 0 , 0)

3. 1. Nguyên tắc thuyết minh
3. 2. Các phương pháp thuyết minh du lịch
3. 3. Các kỹ năng cần thiết trong quá trình thuyết minh

CHƯƠNG 4: THỰC HÀNH THUYẾT MINH DU LỊCH (0, 0, 2 0)

4. 1. Thực hành giao tiếp du lịch
4. 2. Thực hành xây dựng nội dung thuyết minh
4. 3. Thực hành thực hiện nội dung thuyết minh
2. 4. Thực hành phối hợp thuyết minh và các kỹ năng hướng dẫn du lịch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
- Quan sát, tìm hiểu thực tế, nghe thuyết minh viên trình bày về các điểm du lịch, thực tập thuyết minh tại điểm tham quan.
- Thuyết minh và thực hành tình huống tại lớp, tại điểm du lịch

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Đinh Trung Kiên (2006). *Nghề nghiệp hướng dẫn du lịch*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Văn Mậu (2005), *Cẩm nang hướng dẫn viên du lịch*, NXB Giáo dục.

9.42. Chọn 1 trong 2 học phần

a. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VÀ HOMESTAY/ COMMUNITY TOURISM AND HOMESTAY

- Số tín chỉ: 2 (15,0,30)
- Mã học phần: 127013
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Học phần DLCĐ nghiên cứu những kiến thức cơ bản về DLCĐ và homestay như khái niệm DLCĐ, homestay, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển DLCĐ, kinh doanh homestay đến kinh tế, xã hội và môi trường. Mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay. Đặc biệt, học phần giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển mô hình DLCĐ, tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nghiên cứu những nội dung học kinh nghiệm thực tiễn phát triển DLCĐ và homestay tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận dạng được DLCĐ, du lịch Homestay, từ đó phân tích so sánh loại hình du lịch này với những mô hình du lịch khác; phân tích các hình thức khác nhau của DLCĐ, Homestay. Xác định được thị trường mục tiêu cũng như chủ thể kinh doanh DLCĐ, Homestay; Có khả năng phân tích, đánh giá những điều kiện phát triển DLCĐ, Homestay, những tác động tiêu cực của loại hình du lịch này đến kinh tế xã hội.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nhận dạng được những loại hình kinh doanh của DLCĐ, các tác nhân chính trong phát triển DLCĐ.
- Nắm được các bước cần thiết để triển khai mô hình DLCĐ;
- Nắm vững được những kiến thức cơ bản về homestay
- Nắm được các tiêu chuẩn phổ biến của dịch vụ homestay, những điều kiện cần thiết để dịch vụ homestay thành công;
- Nắm được những nguyên tắc và quy trình thực hiện dịch vụ homestay, cung cấp những kiến thức cần thiết để tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả.
- Hiểu được những nội dung học thực tiễn về kinh doanh homestay tại một số nước trên thế giới và Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Phân tích so sánh DLCĐ với những mô hình du lịch khác; phân tích các hình thức khác nhau của DLCĐ. Xác định được thị trường mục tiêu cũng như chủ thể kinh doanh DLCĐ;
- Phân tích, đánh giá những điều kiện phát triển DLCĐ, những tác động tiêu cực của DLCĐ đến kinh tế xã hội. Từ đó, lập kế hoạch và tổ chức hoạt động DLCĐ phù hợp;
- Thiết kế mô hình kinh doanh của DLCĐ. Phân tích đánh giá các tác nhân chính của DLCĐ; Thiết kế quy trình triển khai mô hình DLCĐ;
- Nhận dạng được homestay, những tiêu chuẩn phổ biến của homestay. Phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay;
- Phân tích, đánh giá những điều kiện cần thiết để dịch vụ homestay thành công;
- Thiết kế tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả. Thiết kế quy trình phục vụ và rèn luyện kỹ năng phục vụ khi khách lưu trú tại homestay đảm bảo an toàn và hài lòng khách;

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Ý thức được tầm quan trọng DLCĐ, các hình thức của DLCĐ, điều kiện phát triển, mục tiêu, định hướng cũng những tác động tiêu cực của DLCĐ;
- Hiểu được vai trò những loại hình kinh doanh của DLCĐ, có thái độ nghiêm túc khi đánh giá các tác nhân chính trong phát triển DLCĐ;
- Hiểu được các bước cần thiết để triển khai mô hình DLCĐ;
- Ý thức được giá trị của kinh doanh homestay, có thái độ khách quan khi xem xét mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay;
- Hiểu được các tiêu chuẩn phổ biến của dịch vụ homestay; Tập trung nghiên cứu theo chiều sâu khi đánh giá những điều kiện cần thiết để dịch vụ homestay thành công;
- Ý thức được quy trình phục vụ dịch vụ homestay, có thái độ khách quan, khoa học để tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả;
- Có thái độ khách quan khi nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn homestay tại một số nước trên thế giới và Việt Nam;
- Có ý thức trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, cùng với lợi ích của cộng đồng địa phương khi tổ chức mô hình DLCĐ và homestay;

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1 : Du lịch cộng đồng và các hoạt động kinh doanh du lịch cộng đồng (LT:6; TL:3)

1. Khái niệm, điều kiện phát triển DLCĐ
2. Các nguyên tắc và tiêu chí tham gia phát triển DLCĐ
3. Những loại hình kinh doanh của DLCĐ
4. Một số mô hình và kinh nghiệm phát triển DLCĐ trên thế giới và ở Việt Nam **Nội**

dung 2: Hướng dẫn quy hoạch phát triển du lịch cộng đồng (LT:4; TL:0)

1. Các bước cần thiết để triển khai DLCĐ

2. Các loại hình quy hoạch phát triển DLCĐ
3. Các nguyên tắc quy hoạch phát triển DLCĐ
4. Điều tra đánh giá về thực trạng phát triển du lịch cộng đồng

Nội dung 3: Homestay và các hoạt động kinh doanh dịch vụ homestay (LT:5; TL:10)

1. Khái niệm Homestay, các tiêu chuẩn căn bản phổ biến của dịch vụ homestay
2. Các điều kiện cần thiết để dịch vụ homestay thành công
3. Tổ chức và điều hành dịch vụ Homestay
4. Tiếp thị và quảng bá Homestay
5. Một số mô hình homestay thành công trên thế giới

Nội dung 4. Thực tế điểm DLCĐ và homestay tại địa phương (LT:0, TL:0;TH:20)

1. Mục đích, yêu cầu
2. Công tác chuẩn bị
3. Báo cáo thu hoạch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Bùi Thị Hải Yến (CB) (2012), *Du lịch cộng đồng*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[2] . Nguyễn Văn Mạnh & Hoàng Thị Lan Hương (2013). *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

b. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DU LỊCH LÀNG NGHỀ/CRAFT VILLAGE TOURISM

- Số tín chỉ: 2 (15, 0,30)
- Mã học phần: 127035
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về làng nghề, du lịch làng nghề; khai thác giá trị của làng nghề trong phát triển du lịch ở Việt Nam; kỹ năng xây dựng chương trình và nghiệp vụ tổ chức, hướng dẫn du lịch làng nghề.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu và phân tích được mối quan hệ giữa làng nghề truyền thống và phát triển du lịch làng nghề trên lãnh thổ Việt Nam. Những tiềm năng, thực trạng và những định hướng, giải pháp trong phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Giúp cho SV có những kiến thức cơ bản về Du lịch làng nghề
- SV phân tích được tiềm năng, thực trạng phát triển du lịch làng nghề; các mô hình du lịch làng nghề tiêu biểu ở Việt Nam; các giải pháp phát triển du lịch làng nghề gắn với định hướng bền vững.
- Môn học góp phần bổ sung một số vấn đề lý thuyết du lịch học, những kiến thức về văn hóa ứng xử trong hoạt động du lịch

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Học phần giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng:

- Kỹ năng đánh giá, nhận diện giá trị các làng nghề đối với phát triển du lịch; kỹ năng xây dựng các chương trình du lịch làng nghề; nghiệp vụ tổ chức và hướng dẫn các chương trình du lịch làng nghề.
- Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường học tập, nghề nghiệp.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Bồi dưỡng năng lực nhận diện và phát huy giá trị của làng nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch.
- Có ý thức trau dồi và bổ khuyết kiến thức để trở thành người HDV giỏi

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1 : Một số vấn đề lý luận về làng nghề và du lịch làng nghề (2 LT)

1. Khái niệm nghề và làng nghề
2. Khái niệm du lịch làng nghề
3. Đặc điểm và vai trò của du lịch làng nghề

Nội dung 2 . Nghề và làng nghề ở Việt Nam (3LT)

1. Đặc điểm của nghề và làng nghề ở Việt Nam

2. Thực trạng phát triển của nghề và làng nghề ở Việt Nam
3. Một số xu hướng phát triển nghề và làng nghề ở Việt Nam

Nội dung 3. Các loại hình làng nghề ở Việt Nam (5LT)

1. Làng nghề chạm khắc đá
2. Làng nghề đúc đồng
3. Làng nghề gốm sứ
4. Làng nghề mộc
5. Làng nghề dệt
6. Làng nghề thêu
7. Làng nghề kim hoàn
8. Làng nghề làm giấy, làm tranh
9. Làng nghề sơn mài, khảm
10. Làng nghề dệt chiếu
11. Làng nghề làm quạt, nón
12. Làng nghề mây tre đan
13. Làng nghề làm trống
14. Làng nghề chế biến thực phẩm
15. Các loại làng nghề khác

Nội dung 4. Phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam (5LT, 30TH)

1. Tiềm năng phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam
2. Thực trạng phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam
2. Một số mô hình du lịch làng nghề tiêu biểu ở Việt Nam
3. Nghiệp vụ xây dựng chương trình và hướng dẫn du lịch làng nghề
4. Phát triển du lịch làng nghề gắn với định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Vũ Từ Trang (2019), *Nghề cổ nước Việt từ truyền thống đến hiện đại*, NXB. Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Thúy Anh (2014), *Du lịch văn hóa*, NXB Giáo dục Việt Nam

9.43. Chọn 1 trong 2 học phần

a. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DU LỊCH TÔN GIÁO VÀ TÂM LINH/RELIGIOUS AND SPIRITUAL TOURISM

- Số tín chỉ: 2 (18, 15, 9)
- Mã học phần: 127034
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp những vấn đề lý luận cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng như các khái niệm chủ yếu; các tài nguyên văn hóa và di sản văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng chủ yếu được khai thác trong du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng; những yêu cầu, nguyên tắc tổ chức, quản lý, khai thác các giá trị văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng vào hoạt động kinh doanh du lịch; tôn giáo, tín ngưỡng và sự phát triển du lịch bền vững. Phát huy giá trị văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng trong hội nhập và phát triển thông qua hoạt động du lịch. Bảo tồn văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng trong du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng và thực hiện được các chương trình du lịch tại các điểm du lịch tôn giáo tâm linh.

2. Mục tiêu học phần

2.1. về kiến thức:

- Hiểu biết cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng và việc vận dụng các kiến thức đó trong hoạt động lễ hành, khách sạn, dịch vụ, khai thác tài nguyên nhằm tạo sản phẩm du lịch văn hoá nói chung, du lịch tôn giáo tín ngưỡng nói riêng có sức hấp dẫn cao;
- Hiểu biết các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau của Việt Nam và thế giới;
- Lý giải được các vấn đề tâm linh tôn giáo liên quan đến du lịch.

2.2. về kỹ năng:

- Kỹ năng thuyết minh các điểm du lịch tâm linh tôn giáo chính của Việt Nam;
- Kỹ năng viết một nội dung thuyết minh về một điểm du lịch tâm linh tôn giáo cụ thể;
- Kỹ năng thiết kế 1 chương trình du lịch tâm linh tôn giáo;
- Kỹ năng quan sát, ghi chú, đề xuất cho những thay đổi (nếu có) cho điểm du lịch tâm linh tôn giáo;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách du lịch, đồng nghiệp;
- Kỹ năng thuyết trình;
- Kỹ năng làm việc nhóm.

2.3. về thái độ

- Nghiêm túc trong học tập và làm việc nhóm;
- Hình thành lối sống lành mạnh, hành vi ứng xử chuyên nghiệp.

2. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : LÝ LUẬN CHUNG (LT: 3, TH: 2)

1. Khái niệm tâm linh, tôn giáo, du lịch tâm linh tôn giáo
2. Nhân tố hình thành các điểm du lịch tâm linh tôn giáo
3. Hệ thống các điểm du lịch tâm linh tôn giáo tại Việt Nam

CHƯƠNG 2: DU LỊCH TÂM LINH TÔN GIÁO TẠI VÙNG DU LỊCH BẮC BỘ (LT: 5, TH: 4)

1. Khái quát về hệ thống tâm linh tôn giáo
2. Điều kiện phát triển loại hình du lịch tâm linh tôn giáo
3. Các điểm du lịch tâm linh tôn giáo
4. Các sản phẩm du lịch tâm linh tôn giáo

CHƯƠNG 3: DU LỊCH TÂM LINH TÔN GIÁO TẠI VÙNG DU LỊCH TRUNG BỘ (LT: 5, TH: 4)

1. Khái quát về hệ thống tâm linh tôn giáo
2. Điều kiện phát triển loại hình du lịch tâm linh tôn giáo
3. Các điểm du lịch tâm linh tôn giáo
4. Các sản phẩm du lịch tâm linh tôn giáo

CHƯƠNG 4: DU LỊCH TÂM LINH TÔN GIÁO TẠI VÙNG DU LỊCH NAM BỘ (LT: 5 TH: 4)

1. Khái quát về hệ thống tâm linh tôn giáo
2. Điều kiện phát triển loại hình du lịch tâm linh tôn giáo
3. Các điểm du lịch tâm linh tôn giáo
4. Các sản phẩm du lịch tâm linh tôn giáo

CHƯƠNG 5: THỰC TẾ (TT: 10)

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành, thực địa (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

- Kết hợp giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xây dựng dự án, làm bài tập và trình bày trước lớp;
- Hướng dẫn thực hành thông qua xem video và làm mẫu trên lớp;
- Hướng dẫn thực địa tại các điểm du lịch tôn giáo tâm linh tại địa phương.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Dương Văn Sáu (2018), *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, NXB Lao động.

9. 2. Tài liệu tham khảo

[1] . Nguyễn Trường Tân (2019), *Cẩm nang du lịch văn hóa tâm linh Việt Nam*, NXB Thanh niên.

[2] . Lê Thị Tuyết Mai (2017), *Du lịch lễ hội Việt Nam*, NXB Lao động.

b. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DU LỊCH VĂN HÓA VÀ DI SẢN/CULTURAL

AND HERITAGE TOURISM

- Số tín chỉ: 2 (18,15, 9)
- Mã học phần: 127037
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về Du lịch nhân văn, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...) - những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của du lịch nhân văn - Ngoài ra còn góp phần phác thảo một mô hình về du lịch nhân văn để ứng dụng vào phát triển du lịch bền vững ở nước ta.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa du lịch với văn hóa, có khả năng phân tích và vận dụng kiến thức văn hóa trong phát triển và hoạt động du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Giúp cho SV có những kiến thức cơ bản về Du lịch văn hóa
- Vai trò của Du lịch văn hóa trong hoạt động du lịch ở Việt Nam
- Môn học góp phần bổ sung một số vấn đề lí thuyết du lịch học, những kiến thức về văn hóa ứng xử trong hoạt động du lịch

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Học phần giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng:

- Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Tìm kiếm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu
- Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Bồi dưỡng năng lực nhận diện và phát huy “tài nguyên du lịch nhân văn” để phát triển du lịch.
- Có ý thức trau dồi và bổ khuyết kiến thức để trở thành người HDV giỏi

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1 : Những vấn đề cơ bản về du lịch văn hóa (LT:3; TL:2)

1. Khái niệm du lịch văn hóa
2. Đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của du lịch văn hóa
3. Kinh nghiệm phát triển Du lịch văn hóa trên thế giới và ở Việt Nam

Nội dung 2 . Kỹ năng nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa (LT:4;TL:4)

1. Kỹ năng nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa vật thể
2. Kỹ năng nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa phi vật thể

Nội dung 3. Xây dựng sản phẩm, chương trình du lịch văn hóa(LT:4;TL:3)

1. Định nghĩa, phân loại sản phẩm, chương trình du lịch văn hóa
2. Quy trình xây dựng và một số lưu ý khi xây dựng chương trình du lịch văn hóa
3. Thực hành xây dựng sản phẩm, chương trình du lịch văn hóa

Nội dung 4. Các kỹ năng, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch văn hóa (LT:4; TL:3)

1. Nghiệp vụ tổ chức và hướng dẫn du lịch văn hóa
2. Kỹ năng thuyết minh tại điểm du lịch văn hóa
3. Giao tiếp, ứng xử văn hóa trong du lịch

Nội dung 5. Xây dựng và phát triển các sản phẩm , chương trình du lịch văn hóa cho địa phương Thanh Hóa (LT:3 , TL; 3 , TH: 1 0)

1. Khái quát về tài nguyên du lịch phục vụ phát triển du lịch văn hóa tỉnh Thanh Hóa
2. Đánh giá thực trạng phát triển du lịch văn hóa tại Thanh Hóa
3. Xây dựng chương trình di lịch văn hóa của địa phương

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1].Trần Thúy Anh (2014), *Du lịch Văn hóa*,NXB Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1].Trần Thúy Anh (2016), *Giáo trình Văn hóa du lịch*,NXB Giáo dục.

9.44-46. Chọn 3 trong 4 học phần

a. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ DU LỊCH/ TOURISM ECONOMY

- Số tín chỉ: 02 (18, 18,6)
- Mã học phần: 151001
- Bộ môn phụ trách: Kinh tế
- Học phần tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học các kiến thức liên quan đến kinh tế du lịch; các xu hướng trong du lịch, điều kiện để phát triển du lịch, cơ sở vật chất và kỹ thuật trong du lịch, lao động trong du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, quy hoạch phát triển du lịch và tổ chức quản lý ngành du lịch.

Năng lực đạt được: Nhằm giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng để giải thích được quan hệ cung - cầu, các tác động, xu hướng trong du lịch từ đó có khả năng vận dụng trong quản lý phát triển ngành du lịch địa phương hoặc doanh nghiệp.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày và phân tích được các kiến thức căn bản về kinh tế du lịch.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Vận dụng được kiến thức để thực hiện hoạt động: xây dựng chính sách quy hoạch, tổ chức quản lý du lịch.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Có tính tự chủ, chịu trách nhiệm với hoạt động kinh doanh du lịch.

3. Nội dung học phần

Chương 1 : Khái niệm về kinh tế du lịch (LT:3, TL:3)

- 1.1. Định nghĩa về kinh tế du lịch
- 1.2. Đặc thù của kinh tế du lịch
- 1.3. Mối quan hệ giữa kinh tế du lịch với nền kinh tế xã hội
- 1.4. Chiến lược phát triển kinh tế du lịch

Chương 2: Những biến số của kinh tế vĩ mô trong du lịch (LT:5, TL:3)

- 2.1. Số cầu du lịch
- 2.2. Những nhân tố quyết định số cầu du lịch
- 2.3. Sự tiêu dùng du lịch
- 2.4. Sản xuất (cung ứng) du lịch
- 2.5. Đầu tư du lịch
- 2.6. Du lịch và giải quyết việc làm

Chương 3: Thị trường du lịch (LT:5, TL:3, TH:6)

- 3.1. Khái niệm về thị trường du lịch

- 3.2. Đặc điểm của thị trường du lịch
- 3.3. Chức năng của thị trường du lịch
- 3.4. Tác động tương hỗ giữa các loại thị trường
- 3.5. Cung trong du lịch
- 3.6. Cầu trong du lịch

Chương 4: Hiệu quả kinh tế du lịch (LT:5, TL:6; TH:3)

- 4.1. Định nghĩa về hiệu quả kinh tế
- 4.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả chung
- 4.3. Phân tích hiệu quả kinh tế của các lĩnh vực kinh doanh du lịch

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

[1]. Vũ Mạnh Hà (2014). *Giáo trình kinh tế du lịch*. NXB Giáo dục

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Văn Đính (Chủ biên) (2016). *Giáo trình Quản trị marketing*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

b. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH/ TOURISM DESTINATION ADMINISTRATION ONLY

- Số tín chỉ: 02 (18, 15, 9)
- Mã học phần: 127078
- Bộ môn phụ trách: VNH-DL
- Học phần tiên quyết: Tuyển điểm du lịch Việt Nam

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị điểm đến du lịch, bao gồm: khái quát về điểm đến du lịch, tổ chức quản lý điểm đến du lịch và các nội dung quản lý điểm đến du lịch, chiến lược và quy hoạch phát triển điểm đến du lịch, marketing điểm đến du lịch và chất lượng điểm đến du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng tổ chức và quản lý các điểm đến du lịch, đảm bảo được chất lượng của điểm đến nhằm thu hút khách du lịch hiệu quả.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Học phần cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về quản trị, điểm đến trong du lịch và quản trị điểm đến. Đồng thời đánh giá thực trạng của từng thành phần trong chuỗi giá trị của điểm đến; đánh giá được thái độ của cộng đồng đối với du lịch và mức độ tham gia của họ trong du lịch; đánh giá thực trạng và hình thành mục tiêu điểm đến.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xây dựng kỹ năng chuyên môn, bao gồm: kỹ năng lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các hoạt động quản lý, phát triển điểm đến du lịch để quản lý chuỗi giá trị du lịch của một điểm đến.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Ý thức được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong hoạt động quản trị điểm đến du lịch.

3. Nội dung học phần

Chương 1 : Khái quát về điểm đến du lịch và quản trị điểm đến du lịch

(LT:3, TL:3)

- 1.1. Khái quát về điểm đến du lịch
- 1.2. Khái quát về quản trị điểm đến du lịch
- 1.3. Tổ chức quản trị điểm đến du lịch

Chương 2: Chiến lược, quy hoạch phát triển điểm đến du lịch (LT:5, TL:3)

- 2.1. Chiến lược phát triển điểm đến du lịch
- 2.2. Quy hoạch phát triển điểm đến du lịch

Chương 3: Marketing điểm đến du lịch (LT:5, TL:3, TH:6)

- 3.1. Khái quát marketing điểm đến du lịch
- 3.2. Chiến lược cạnh tranh điểm đến du lịch
- 3.3. Phát triển sản phẩm điểm đến du lịch

3.4. Định vị và xây dựng thương hiệu điểm đến du lịch

3.5. Xúc tiến điểm đến du lịch

Chương 4: Đảm bảo chất lượng điểm đến du lịch (LT:5, TL:6; TH:3)

4.1. Sự hài lòng và tiêu chuẩn điểm đến du lịch

4.2. Đào tạo nguồn nhân lực điểm đến du lịch

4.3. Sự tham gia của cộng đồng

4.4. Hạ tầng điểm đến du lịch

4.5. An ninh, an toàn điểm đến du lịch

4.6. Xử lý khủng hoảng tại điểm đến du lịch

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

[1]. Phan Huy Xu & Võ Văn Thành (2018) *Du lịch Việt Nam: Từ lý thuyết đến thực tiễn*. NXB Tổng hợp TP HCM.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (2013), *Giáo trình marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[2] . Tổng cục Du lịch (2005), *Non nước Việt Nam*, NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

c. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH DOANH DU LỊCH TRỰC TUYẾN/ONLINE TRAVEL BUSINESS

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Mã học phần: 127017
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên một cái nhìn rộng về chủ đề kinh doanh điện tử trong du lịch và khách sạn. Môn học này bao gồm tất cả các chủ đề quan trọng trong lĩnh vực này và tạo ra sự hiểu biết về các kết nối và nội dung giữa các chủ đề thương mại điện tử khác nhau.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được xu hướng và các vấn đề chính trong kinh doanh du lịch điện tử, vai trò của các công cụ trực tuyến khác nhau trong chiến lược tiếp thị và quản lý công nghệ thông tin và truyền thông. Qua đó, sinh viên có thể phân tích và đánh giá các giải pháp và quyết định kinh doanh điện tử hiện tại, đề xuất và lên kế hoạch các bước phát triển kinh doanh điện tử cho một công ty trong lĩnh vực du lịch và khách sạn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Biết các ứng dụng công nghệ hiện đại về Du lịch điện tử
- Biết được ảnh hưởng của công nghệ thông tin truyền thông đến lĩnh vực du lịch
- Biết cách xây dựng các hoạt động truyền thông khác nhau trong ngành du lịch
- Biết cách thử nghiệm và sử dụng các trang web hoặc ứng dụng trên điện thoại di động
- Biết cách lập kế hoạch, vận hành và đánh giá các hoạt động liên quan đến du lịch trực tuyến.
- Nhận thức được vai trò quan trọng của truyền thông và công nghệ thông tin truyền thông trong ngành du lịch và khách sạn

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Phân tích và xử lý dữ liệu khai thác từ internet
- Xây dựng các hoạt động truyền thông khác nhau trong ngành du lịch
- Sử dụng các trang web hoặc ứng dụng trên điện thoại di động
- Lập kế hoạch, vận hành và đánh giá các hoạt động liên quan đến du lịch trực tuyến.
- Khai thác những thông tin từ các trang mạng xã hội.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Ý thức được những ảnh hưởng của internet, website để từ đó có trách nhiệm trong việc sử dụng và khai thác chúng phục vụ cho việc học tập.
- Nâng cao nhận thức về việc sử dụng những trang mạng xã hội trong việc học tập.
- Nắm bắt được xu hướng phát triển của người học trong thế kỷ 21 để có những thay đổi và thích hợp

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4. 0 VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRỰC TUYẾN (3, 0, 0)

- 1.1. Cách mạng công nghiệp 4. 0
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Lịch sử ra đời
 - 1.1.3. Vai trò
- 1.2. Kinh doanh trực tuyến
 - 1.2.1. Khái niệm
 - 1.2.2. Vai trò
 - 1.2.3. Các hình thức kinh doanh trực tuyến

CHƯƠNG 2: NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA VIỆC KINH DOANH TRỰC TUYẾN (4 , 0 , 1 0)

- 2.1. Thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp
 - 2.1.1. Khái niệm, Vai trò của thương hiệu
 - 2.1.2. Khái niệm, Vai trò của văn hóa doanh nghiệp
 - 2.1.3. Xác định thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp
- 2.2. Nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh
 - 2.2.1. Nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ có liên quan
 - 2.2.2. Thông tin, xu hướng, dung lượng và biến động của thị trường
 - 2.2.3. Định vị bản thân hay xác định yếu tố khác biệt
- 2.3. Một số nguyên tắc kinh doanh trực tuyến
 - 2.3.1. Sở hữu trí tuệ và phẩm chất đạo đức
 - 2.3.2. Quản lý quan hệ khách hàng
 - 2.3.3. Tìm kiếm nhân sự và đối tác trực tuyến
 - 2.3.4. Quản lý thông tin và tri thức trong doanh nghiệp

CHƯƠNG 3: CÁC CÔNG CỤ KINH DOANH TRỰC TUYẾN (4 , 0 , 1 0)

- 3.1. Marketing trực tuyến
 - 3.1.1. Website
 - 3.1.2. Blog
 - 3.1.3. Mạng xã hội
 - 3.1.4. Sàn giao dịch
 - 3.1.5. Email
 - 3.1.6. Diễn đàn

- 3.1.7. Các công cụ tìm kiếm
- 3.1.8. Quảng cáo Banner
- 3.1.9. Kết hợp marketing truyền thống và Marketing hiện đại
- 3.2. Đo lường hiệu quả chiến lược marketing trực tuyến
 - 3.2.1. Những tiêu chí đánh giá
 - 3.2.2. Một số phương pháp đo lường

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN (4 , 0, 1 0)

- 4.1. Quy trình bán hàng trực tuyến
- 4.2. Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến trên một số công cụ cơ bản
 - 4.2.1. Website
 - 4.2.2. Sàn giao dịch điện tử
 - 4.2.3. Mạng xã hội
 - 4.2.4. Các ứng dụng B2S khác
- 4.3. Một số kỹ năng cần thiết
 - 4.3.1. Chiến lược nội dung
 - 4.3.2. Chiến lược chọn từ khóa
 - 4.3.3. Chăm sóc khách hàng trực tuyến
 - 4.3.4. Một số lỗi thường gặp trong giao tiếp với khách hàng trực tuyến
 - 4.3.5. Đào tạo nhân viên trực tuyến

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), *Giáo trình quản trị kinh doanh lý hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Trùng Khánh (chủ biên) (2008), *Giáo trình Marketing du lịch*. NXB Lao động – xã hội

[2]. Trịnh Xuân Dũng (1996). *Đại lý du lịch lý hành*. Trường Du lịch Hà Nội

d. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ BỔ SUNG /BUSINESS ADDITIONAL SERVICES

- Số tín chỉ: 2 (18, 15, 9)
- Mã học phần: 127038
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức về các khái niệm cơ bản, những thuật ngữ sử dụng trong kinh doanh dịch vụ bổ sung, tầm quan trọng của chất lượng dịch vụ trong kinh doanh du lịch. Đồng thời cung cấp những kiến thức tổng quan về ngành kinh doanh giải trí cũng như loại hình kinh doanh dịch vụ bổ sung, các vấn đề hoạch định kinh doanh dịch vụ bổ sung trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, khách sạn.

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh các dịch vụ trong khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành... Điều hành, quản lý, giám sát và tham gia các hoạt động hỗ trợ trong kinh doanh dịch vụ du lịch. Xử lý tốt các tình huống. Ngoài ra học phần cũng kết hợp rèn luyện các kỹ năng mềm khác cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Qua học phần này SV nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về:

- Tổng quan về ngành công nghiệp giải trí
- Tàu du lịch - nghiên cứu từ góc độ một khu nghỉ dưỡng trên biển
- Cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát, kiến thức cơ bản về dịch vụ, chất lượng dịch vụ, các hình thức kinh doanh công viên chuyên đề, công viên giải trí, tàu du lịch, casino, và các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ bổ sung.
- Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về ngành công nghiệp giải trí. Phân biệt công viên chuyên đề và công viên giải trí. Cách thức quản lý một công viên chuyên đề và công viên giải trí
- Tiếp cận Tàu du lịch - nghiên cứu từ góc độ một khu nghỉ dưỡng trên biển, hiểu rõ vị trí việc làm, công việc của một nhân viên phục vụ trên tàu du lịch. Các dịch vụ kinh doanh bổ sung trên tàu du lịch.
- Nắm được những yêu cầu cần có của một nhân viên tác nghiệp trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ bổ sung, hỗ trợ trong du lịch.
- Có kiến thức cũng như nắm được một số kỹ năng cần thiết để tạo nên sự thành công của nghề (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng xử lý lỗi trong quá trình chế biến...)

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên thực hiện được các kỹ năng như sau:, kỹ năng xây dựng nội dung công việc, kỹ năng hoạch định các vấn đề kinh doanh, kỹ năng tổ chức các hoạt động trong kinh doanh dịch

vụ bổ sung như teambuilding, gala, đốt lửa trại, tiệc sinh nhật, kỹ năng phục vụ và chăm sóc khách hàng, kỹ năng xử lý tình huống.

Qua học tập thực tế sinh viên có được sự trải nghiệm về cơ cấu tổ chức của nhà bếp, học hỏi kỹ thuật và nghệ thuật chế biến món ăn, thao tác trang trí sản phẩm ăn uống, kỹ năng điều phối món ăn trong quá trình phục vụ khách

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Sinh viên tích cực, chú trọng tới việc nâng cao tay nghề, nghiệp vụ của bản thân trong học tập cũng như trong quá trình tác nghiệp sau này.

- Có ý thức dân tộc, ý thức bảo vệ an ninh quốc gia. Trung thành với sự nghiệp xây dựng đất nước, có niềm tự hào dân tộc, biết bảo vệ các bí mật quốc gia liên quan đến kinh tế, chính trị.

- Tính lịch sự, tế nhị: thể hiện tính hiếu khách, phong cách văn minh và ứng xử có văn hóa với mọi người. Giữ gìn và nâng cao truyền thống văn minh, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.

- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung học phần:

Nội dung 1 : Chất lượng dịch vụ khách sạn - du lịch (LT:3, TL:3)

1. Khái niệm, phân loại và các đặc điểm của dịch vụ
2. Khái niệm, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn - du lịch
3. Thiết kế và đo lường chất lượng dịch vụ
4. Hệ thống phân phát dịch vụ trong khách sạn - du lịch

Nội dung 2: Tàu du lịch - nghiên cứu từ góc độ một khu nghỉ dưỡng trên biển (LT:3, TL:3)

2. Những đặc trưng của tàu du lịch hiện đại và thủ tục kinh doanh kì nghỉ trên biển
3. Các vị trí quản lý nền tảng trong kinh doanh tàu du lịch
3. Những nguồn thu cơ bản trên tàu biển
4. Những thách thức đối với lĩnh vực kinh doanh tàu biển

Nội dung 3: Tổng quan về ngành công nghiệp giải trí (LT:3, TL:3)

1. Định nghĩa ngành giải trí và hoạt động ngành giải trí
2. Các loại hình dịch vụ
3. Các vị trí cơ bản trong kinh doanh ngành giải trí
4. Xu hướng của ngành kinh doanh giải trí
5. Những thách thức đối với ngành giải trí

Nội dung 4. Quản lý công viên chuyên đề và công viên giải trí (LT:3, TL:3)

1. Sự khác nhau giữa công viên giải trí và công viên chuyên đề
2. Công viên chuyên đề hiện đại
3. Hoạt động của công viên chuyên đề
4. Sự an toàn và vấn đề an ninh trong quản lý công viên chuyên đề, công viên giải trí

Nội dung 5. Quản lý giải trí Casino (LT:3, TL:3)

1. Tổng quan về casino
2. Tổ chức của các casino
3. Casino và các vấn đề xã hội

Nội dung 6. Thực tế tại khách sạn, nhà hàng, resort có kinh doanh dịch vụ bổ sung (LT:0, TL:0, TH:9)

1. Mục đích, yêu cầu
2. Công tác chuẩn bị
3. Báo cáo thu hoạch

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận, dự thi đầy đủ các chương, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

[1]. Sơn Hồng Đức (2012), *Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng Resort, lý luận thực tiễn*, NXB Phương Đông.

9.2 Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Tuấn Ngọc (2010). *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*. NXB Lao động.

9.47. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP/INTERNSHIP

- Số tín chỉ: 5TC (0, 0, 0)
- Mã học phần: 123190
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên tích lũy tối thiểu được 100 tín chỉ

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp làm việc tại các sở ban ngành văn hóa, bảo tàng lịch sử, văn hóa, các phòng ban biên tập, công ty du lịch, các cơ sở kinh doanh lưu trú ăn uống để rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các hoạt động cụ thể tại cơ sở thực tập. Sinh viên thực tập được tìm hiểu các hoạt động nghiệp vụ của cơ quan, doanh nghiệp, được bố trí tham gia hướng dẫn du lịch qua một số chương trình du lịch cụ thể của công ty và làm các công việc khác như thiết kế tour, nhân viên văn phòng, nhân viên quảng cáo, biên tập, lễ tân, nhân viên tiếp thị du lịch, đặt chỗ các dịch vụ du lịch, v.v.

Năng lực đạt được: Hoàn thiện năng lực làm việc cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp đối với các nghề: quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch, lễ hành, khách sạn, nhà hàng, biên tập viên.

2. Mục tiêu

2.1. Kiến thức

- Người học nắm vững và vận dụng các kiến thức chung và kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập, vận dụng vào phân tích các tình huống thực tế công việc tại một khách sạn.

- Phân tích được các nguyên lý, cách thức lập kế hoạch tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động kinh doanh khách sạn.

2.2. Kỹ năng:

- Áp dụng thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản lý các nguồn lực và đánh giá hoạt động kinh doanh của khách sạn, đưa ra các nhận định về công tác quản trị của khách sạn đơn vị thực tập và đề xuất một số giải pháp cải thiện hiệu quả tại doanh nghiệp.

- Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian thực tập, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Chấp hành nội quy giai đoạn thực tập, năng lực chịu trách nhiệm trước hành vi của mình.

2.3. Thái độ

- Người học có năng lực tư duy sáng tạo, có khả năng học hỏi chuyên môn nghiệp vụ trong giai đoạn thực hiện thực tập tại các đơn vị. Hoàn thành báo cáo thực tập được đánh giá mức đạt trở lên.

3. Nội dung học phần

Nội dung	Yêu cầu	Thời gian
Giai đoạn 1: Thực tập tổng hợp	- Tìm hiểu tình hình chung của đơn vị thực tập. + Đặc điểm tổ chức, cơ cấu và hoạt động của đơn vị thực tập + Cách thức quản lý và tổ chức các hoạt động của khách sạn, công ty lữ hành, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.	10 tuần
Giai đoạn 2: Thực tập chuyên đề và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp.	- Sinh viên lựa chọn nghiên cứu sâu một chuyên đề và viết một báo cáo TTTN liên quan đến lĩnh vực hoạt động của công ty lữ hành và khách sạn theo mẫu quy định	

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi thực tập theo sự phân công của cơ sở thực tập trong thời gian ít nhất 2 tháng.

5. Phương pháp giảng dạy:

Các cơ sở thực tập sẽ bố trí công việc cho sinh viên trong thời gian thực tập:

6. Kế hoạch tư vấn

- Giảng viên bố trí ít nhất 1 buổi tư vấn trước khi sinh viên đến cơ sở thực tập.
- Giảng viên có trách nhiệm giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trong suốt quá trình.

7. Trang thiết bị: Do cơ sở thực tập cung cấp.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Đánh giá kết quả thực tập từ công ty: 70% ;
- Báo cáo thu hoạch thực tập: 30%
- Thang điểm 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính:

[1]. Đoàn Hương Lan (chủ biên) (2013), *Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*. NXB Lao động.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thị Tú, (2005), *Nghiệp vụ phục vụ khách sạn*. NXB Thống kê.

[2]. Nguyễn Ngọc Dung (2018). *Văn hoá doanh nghiệp trong khách sạn tại Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

9.48a. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Số tín chỉ: 06
- Mã học phần: 124101
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: các học phần khối kiến thức đại cương và kiến thức ngành

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức thuộc khối đại cương và chuyên ngành đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu lựa chọn.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu khoa học.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Kiến thức

- Sinh viên xác định được các đề tài cần nghiên cứu liên quan đến chương trình ngành học. Sinh viên vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để tiến hành nghiên cứu đề tài phù hợp. Đồng thời, vận dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu phù hợp để hoàn thành đề tài nghiên cứu

2.2. Kỹ năng

- Sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý vấn đề, chủ động trong nghiên cứu.

2.3. Thái độ

- Có thái độ nghiêm túc, khoa học; có tinh thần sáng tạo, chuyên nghiệp, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Lựa chọn đề tài nghiên cứu 1.1. Các chuyên ngành có thể lựa chọn 1.2. Yêu cầu khi lựa chọn đề tài						50
Chương 2: Xây dựng đề cương và tập hợp tài liệu tham khảo. 1.1. Xây dựng đề cương 1.2. Tập hợp tài liệu tham khảo						50
Chương 3: Xây dựng kế hoạch và tiến hành nghiên cứu 3.1. Xây dựng kế hoạch 3.2. Tiến hành nghiên cứu						50

Chương 4: Hoàn thiện công trình nghiên cứu						50
4.1. Yêu cầu khi hoàn thiện các nội dung nghiên cứu.						
4.2. Hoàn thiện Phụ lục đề tài						
Chương 5: Bản tóm tắt đề tài						30
5.1. Yêu cầu khi hoàn thiện bản tóm tắt						
5.2. Hoàn thiện bản tóm tắt						
Chương 6. Báo cáo kết quả nghiên cứu						40
6.1. Yêu cầu về báo cáo						
6.2. Các sản phẩm báo cáo						
6.3. Phương pháp báo cáo						
Tổng						270

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi đánh giá đề cương, kiểm tra tiến độ nghiên cứu do bộ môn tổ chức.

- Sinh viên phải tích cực nghiên cứu, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch và nộp báo cáo tổng kết đề tài và những sản phẩm liên quan đúng hạn theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

- Có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, cầu thị, tích cực, sáng tạo...

5. Phương pháp giảng dạy: Học phần sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở kết hợp hướng dẫn, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhằm rèn luyện khả năng nghiên cứu độc lập, tự chủ cho sinh viên.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên đọc và tìm tài liệu tham khảo liên quan, giải đáp các vướng mắc của sinh viên trong suốt quá trình nghiên cứu.

7. Trang thiết bị: Tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Đánh giá báo cáo tổng kết: 100%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Vũ Cao Đàm (2012) *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. Phạm Viết Vượng (2002) *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*: Nxb ĐHQGHN.

9.48b. HỌC PHẦN THAY THẾ TỐT NGHIỆP (Chọn 2 trong 3 học phần)

a. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH DOANH LỮ HÀNH/TRAVEL BUSINESS

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Mã học phần: 127014
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Thiết kế xây dựng chương trình du lịch, nghệ thuật tiếp cận với khách hàng để đàm phán, giới thiệu chương trình du lịch, xây dựng và ký kết các hợp đồng du lịch, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch và triển khai các công tác hậu mãi khác.

Năng lực đạt được: Phát triển năng lực nghị ê n cứu tài liệu, thực hành các kỹ năng: Phân tích, tổng hợp. Kỹ năng tu duy sáng tạo, khám phá, tìm tòi. Kỹ năng lập luận, thảo luận nhóm, thuyết trình trước công chúng; Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lí, điều khiển; Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá;

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu biết các kiến thức cơ bản về đặc điểm của ngành lữ hành; các khái niệm, thuật ngữ về lữ hành và kinh doanh lữ hành; hoạt động lữ hành hiện nay tại Việt Nam;
- Hiểu được khái niệm chương trình du lịch, phân loại được chương trình du lịch và nêu các bước trong quy trình chung xây dựng chương trình du lịch trọn gói;
- Hiểu các phương pháp tiếp cận khách hàng, tiến hành đàm phán thống nhất nội dung chương trình du lịch và nhận biết và hoàn thiện các loại hợp đồng du lịch, ký kết hợp đồng;
- Có khả năng đặt dịch vụ cho chương trình du lịch; thực hiện được các bước điều hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch;
- Hiểu được các bước báo cáo đánh giá chuyến đi, thanh quyết toán và giải quyết tồn tại chuyến đi, và lưu hồ s ơ của khách hàng đã đi chuông trình du lịch;

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Phân loại được các hoạt động kinh doanh lữ hành;
- Lập kế hoạch nhân lực và vận dụng được lý thuyết để lập kế hoạch nhân lực cho một doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.
- Xây dựng bản mô tả công việc, thực hiện việc xây dựng bản mô tả công việc cho một chức danh cụ thể của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành;
- Biểu diễn được các kỹ năng phỏng vấn, đánh giá, tuyển chọn nhân viên; Lập được kế hoạch đào tạo nhân viên;

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, ứng xử văn minh trong du lịch.
- Sinh viên chủ động tìm hiểu để mở rộng thông tin và kiến thức;
- Hỗ trợ đồng nghiệp khi cần thiết;

- Có khả năng áp dụng kiến thức đã học vào thực tế của địa phương để đưa ra đề xuất về các hoạt động du lịch tại địa phương.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH LỮ HÀNH (3, 0 , 0)

- 1.1. Khái niệm, phân loại, vai trò của kinh doanh lữ hành
- 1.2. Hệ thống sản phẩm của kinh doanh lữ hành

CHƯƠNG 2: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC CỦA DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH (3, 2, 2)

- 2.1. Cơ sở lý luận về cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp lữ hành
- 2.2. Quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lữ hành

CHƯƠNG 3: QUAN HỆ GIỮA NHÀ CUNG CẤP VỚI DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH (3, 2, 2)

- 3.1. Nhà cung cấp của doanh nghiệp lữ hành
- 3.2. Doanh nghiệp lữ hành - kênh phân phối sản phẩm của nhà cung cấp
- 3.3. Các hình thức quan hệ của doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp
- 3.4. Một số vấn đề trong quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành và nhà cung cấp

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC KINH DOANH CỦA ĐẠI LÝ LỮ HÀNH (3, 3, 3)

- 4.1. Khái niệm và phân loại đại lý lữ hành
- 4.2. Hệ thống dịch vụ của đại lý lữ hành
- 4.3. Tổ chức quản lý kinh doanh đại lý lữ hành

CHƯƠNG 5: XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH (6 , 5 , 5)

- 5.1. Định nghĩa và phân loại chương trình du lịch
- 5.2. Quy trình xây dựng một chương trình du lịch trọn gói
- 5.3. Xác định giá thành, giá bán và các quy định của một chương trình du lịch
- 5.4. Các quy định của một chương trình du lịch

CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC XÚC TIẾN HỖN HỢP, BÁN VÀ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH (6 4 4)

- 6.1. Tổ chức xúc tiến hỗn hợp chương trình du lịch
- 6.2. Tổ chức bán chương trình du lịch trọn gói
- 6.3. Tổ chức thực hiện các chương trình du lịch tại doanh nghiệp lữ hành
- 6.4. Tổ chức các hoạt động sau khi kết thúc chuyến đi của khách

CHƯƠNG 7: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRONG KINH DOANH LỮ HÀNH (3, 2 , 2)

- 7.1. Sự phát triển của công nghệ thông tin và ứng dụng của công nghệ thông tin trong ngành du lịch.
- 7.2. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông trong kinh doanh lữ hành tại Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9. 1. Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), *Giáo trình quản trị kinh doanh lý hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

[1] . Nguyễn Trùng Khánh (chủ biên) (2008), *Giáo trình Marketing du lịch*. NXB Lao động - xã hội

[2] . Trịnh Xuân Dũng (1996). *Đại lý du lịch lý hành*. Trường Du lịch Hà Nội

b. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH/ DESIGN AND DEVELOP TOURISM PRODUCTS

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Mã học phần: 127059
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần hệ thống lại các kiến thức về tài nguyên du lịch và những sản phẩm du lịch đặc thù của các vùng miền và của từng lĩnh vực nghề của ngành du lịch. Bên cạnh đó là những kiến thức về thị trường du lịch và những hành vi khách du lịch trong giai đoạn mới. Qua đó, sinh viên nhận thức được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch, phân tích được định hướng, giải pháp khai thác, phát triển các sản phẩm du lịch Việt Nam nhằm quảng bá giới thiệu hình ảnh của địa phương/quốc gia theo hướng phát triển bền vững.

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về phân tích thị trường du lịch, đối thủ cạnh tranh, các trung gian, đối tác,...; từ đó có khả năng thiết kế những sản phẩm du lịch mới, lạ, độc đáo, phù hợp với các nhóm khách hàng và có khả năng ứng dụng trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Giải thích được tầm quan trọng của việc tiến hành phân tích thị trường sản phẩm
- Giải thích được cách thức phân tích và phát triển một sản phẩm
- Đánh giá được giá trị, vị trí của sản phẩm trên thị trường
- Phát triển được một sản phẩm du lịch phù hợp với thị trường.

2.2. Về kỹ năng:

- Có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích và phát triển một sản phẩm du lịch cụ thể thuộc một trong các nhóm nghề của ngành du lịch
- Có khả năng xử lý các tình huống thường gặp liên quan đến việc lập kế hoạch và tổ chức phát triển sản phẩm du lịch
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử
- Kỹ năng giải quyết vấn đề
- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc
- Kỹ năng quản lý nhóm

2.3. Về thái độ

- Bình tĩnh và tự tin trong quá trình vận dụng kiến thức để thiết kế, phát triển sản phẩm từ ý tưởng
- Có ý thức, trách nhiệm về việc tuyên truyền, bảo vệ, gìn giữ và phát triển tài giá trị văn

hóa truyền thống của dân tộc, của địa phương thông qua ý nghĩa, thông điệp về sản phẩm

- Có đạo đức, thái độ phục vụ và tác phong chuyên nghiệp
- Có ý thức, trách nhiệm, tác phong nhanh nhạy, linh hoạt và quyết đoán trong quá trình xử lý các tình huống có liên quan đến công việc thực tế.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : MỘT SỐ NỘI DUNG CHUNG (7, 4, 0)

1.1. Sản phẩm du lịch

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Phân loại

1.1.3. Vai trò của sản phẩm du lịch

1.1.4. Đặc điểm của sản phẩm du lịch

1.2. Phát triển sản phẩm du lịch

1.2.1. Tiêu chuẩn thành công của việc phát triển sản phẩm du lịch

1.2.2. Các bên tham gia phát triển sản phẩm du lịch

1.2.3. Những thách thức của quá trình phát triển sản phẩm du lịch

CHƯƠNG 2: NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG DU LỊCH (7, 4, 0)

2.1. Khái niệm

2.2. Phân đoạn thị trường khách du lịch

2.3. Đặc điểm, xu hướng nhu cầu của khách du lịch

CHƯƠNG 3: PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH CÓ GIÁ TRỊ THƯƠNG MẠI (7, 5 , 0)

3.1. Khái niệm

3.2. Lựa chọn phát triển sản phẩm du lịch

3.3. Các yếu tố tác động đến sự hình thành sản phẩm du lịch

3.4. Phân tích SWOT

3.5. Quy trình phát triển sản phẩm du lịch

CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA SẢN PHẨM DU LỊCH (7, 5 ,3)

4.1. Những yêu cầu của các bên liên quan đối với sản phẩm du lịch

4.2. Các tiêu chí đánh giá sản phẩm đáp ứng yêu cầu

4.3. Điều phối và xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm du lịch

CHƯƠNG 5. THỰC HÀNH THIẾT KẾ SẢN PHẨM DU LỊCH (0, 0, 15)

1. Lựa chọn thị trường mục tiêu

2. Thực hành thiết kế sản phẩm du lịch

3. Báo cáo giới thiệu sản phẩm

4. Thử nghiệm sản phẩm

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

Địa điểm thực hành: Phòng học, Sảnh nhà A5, Công ty Du lịch Quốc tế Hữu Nghị, Khách sạn Mường Thanh

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9. 1. Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Trọng Đăng và cộng sự (2008). *Quản trị doanh nghiệp khách sạn - du lịch*. NXB Thống kê.

9. 2. Tài liệu tham khảo

[1]. Trương Đình Chiến (2012). *Quản trị Marketing*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[2]. Ngô Kim Thanh (2011), *Quản trị chiến lược*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

c. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KHỞI NGHIỆP TRONG DU LỊCH/ ENTREPRENEURSHIP IN TOURISM

- Số tín chỉ: 03 (27, 18, 18)
- Mã học phần: 127079
- Bộ môn phụ trách: QTKD
- Học phần tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Môn học trình bày những nội dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức và kỹ năng để thành lập tự chủ kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, tổ chức, thành lập được doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch hiệu quả.

2 . Mục tiêu

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Tổng hợp kiến thức về quá trình khởi tạo một doanh nghiệp mới và lập kế hoạch khởi nghiệp.
- Biết kỹ thuật phát sinh ý tưởng mới, nhận diện cơ hội kinh doanh trên thị trường.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Có khả năng cập nhật kiến thức khởi nghiệp và kỹ năng tư duy sáng tạo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Có tính tự chủ, chịu trách nhiệm với hoạt động kinh doanh.

3. Nội dung học phần

Chương 1 : Tổng quan về khởi nghiệp (3,0)

- 1.1. Khởi nghiệp là gì?
- 1.2. Quá trình khởi nghiệp
- 1.3. Đặc điểm tư duy của người khởi nghiệp

Chương 2: Sáng tạo và ý tưởng kinh doanh(3,0, 2)

- 2.1. Đánh giá các xu hướng kinh doanh
- 2.2. Các nguồn ý tưởng kinh doanh

Chương 3. Đánh giá và phân tích cơ hội thị trường(3,2,2)

- 3.1. Nhận diện và đánh giá cơ hội thị trường
- 3.2. Tác động của môi trường đến cơ hội khởi nghiệp

Chương 4: Vấn đề luật pháp trong khởi nghiệp (3,4,2)

- 4.1. Sở hữu trí tuệ
- 4.2. Vấn đề luật pháp khi tạo lập bộ máy tổ chức
- 4.3. Vấn đề tên thương mại và bản quyền

Chương 5: Kế hoạch khởi nghiệp(3,3,4)

- 5.1. Tổng quan về kế hoạch khởi nghiệp
- 5.2. Tầm quan trọng của kế hoạch khởi nghiệp
- 5.3. Kết cấu của kế hoạch khởi nghiệp
- 5.4. Kế hoạch marketing
- 5.5. Kế hoạch tài chính
- 5.6. Đánh giá rủi ro

Chương 6: Kế hoạch marketing cho khởi nghiệp trong du lịch(4,3,4)

- 6.1. Phân tích ngành kinh doanh
- 6.2. Lập kế hoạch marketing cho khởi nghiệp
- 6.3. Xác định mục tiêu
- 6.4. Xác định chiến lược marketing và các chương trình hành động

Chương 7: Kế hoạch tài chính và nguồn vốn khởi nghiệp(4,3,2)

- 7.1. Ngân sách vốn và hoạt động khởi nghiệp
- 7.2. Dự báo thu nhập
- 7.3. Dự báo dòng tiền
- 7.4. Dự báo cân đối tài sản của doanh nghiệp mới
- 7.5. Phân tích hòa vốn

Chương 8. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp mới trong lĩnh vực du lịch(4,3,2)

- 8.1. Chiến lược tăng trưởng trong giai đoạn khởi nghiệp
- 8.2. Chiến lược dựa trên sản phẩm và thị trường
- 8.3. Chiến lược đa dạng hóa
- 8.4. Các thách thức đối với tăng trưởng của doanh nghiệp mới
- 8.5. Nguồn tài chính
- 8.6. Nguồn nhân lực

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

3. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

7. Phương pháp đánh giá môn học

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Ngô Kim Thanh (2011), *Quản trị chiến lược*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] . Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2013), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[2] . Vũ Mạnh Hà (2014). *Giáo trình kinh tế du lịch*. NXB Giáo dục

[3] . Nguyễn Trọng Đăng và cộng sự (2008). *Quản trị doanh nghiệp khách sạn - du lịch*. NXB Thống kê .

10. Dự kiến đơn vị giảng dạy

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Bộ môn quản lý học phần
A	KHỐI KIẾN THỨC GDĐC		
I	Lý luận chính trị		
1	196055	Triết học Mác-Lênin	LL Mác-Lênin
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LL Mác-Lênin
3	197035	Chủ nghĩa XH khoa học	LL Mác-Lênin
4	198025	Lịch sử Đảng CS VN	LSD-TT HCM
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LSD-TT HCM
6	197030	Pháp luật đại cương	Luật
II	Khoa học xã hội		
7	124255	Phương pháp NCKH	Lịch sử
8	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNH-DL
9	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>		
a	181145	Tâm lý học đại cương	Tâm lý
b	122005	Các vấn đề XH đương đại	XHH
c	124115	Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	Lịch sử
III	Ngoại ngữ		
10	133031	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ KC
11	133032	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ KC

12	133033	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ KC
IV	Tin-KHTN-Môi trường		
13	173080	Tin học	Mạng máy tính và UD
14	125105	Môi trường và con người	Sinh học
V	Giáo dục thể chất		
	191004	Giáo dục thể chất 1	Bóng -ĐK
	Giáo dục thể chất 2 (<i>chọn 1/5HP</i>)		Bóng -ĐK
a	191031	Bóng chuyền	Bóng -ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	Bóng -ĐK
c	191033	Bóng đá	Bóng -ĐK
d	191034	Bóng rổ	Bóng -ĐK
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	Bóng -ĐK
VI	Giáo dục quốc phòng (tiết)		GDQP
B	KHÔI KIẾN THỨC GDCN		
I	Kiến thức cơ sở		
15	127099	Tổng quan du lịch	VNH-DL
16	124046	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử
17	121076	Hán Nôm	Ngữ Văn
18	124095	Hệ thống di tích - danh thắng Việt Nam	VNH-DL
19	124050	Các dân tộc Việt Nam	VNH-DL
20	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		
a	127020	Phong tục tập quán VN	VNH-DL
b	127021	Văn hóa Đông Nam Á	VNH-DL
21	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		
a	124225	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở VN	VNH-DL
b	124195	Lịch sử văn minh thế giới	VNH-DL
22	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		
a	127046	Văn hóa ẩm thực VN	VNH-DL
b	127040	Kỹ năng đàm phán	VNH-DL
II	Kiến thức ngành		
23	125180	Tuyến điểm du lịch VN	VNH-DL
24	127007	TN và môi trường DLVN	Địa lý
25	127049	Tiếng Anh du lịch 1	VNH-DL
26	127050	Tiếng Anh du lịch 2	VNH-DL
27	128011	Địa lý du lịch Việt Nam	Địa lý
28	127055	Thực hành tuyến, điểm du lịch 1	VNH-DL
29	127057	Thực hành tuyến, điểm du lịch 2	VNH-DL
30	127058	Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch	VNH-DL
31	127030	PT du lịch bền vững	VNH-DL

32	Chọn 1 trong 2 học phần		
a	127072	Văn hóa du lịch	VNH-DL
b	127073	Văn hóa DN du lịch	VNH-DL
33, 34	Chọn 2 trong 4 học phần		
a	127011	Pháp luật về du lịch	VNH-DL
b	127025	QL nhà nước về du lịch	VNH-DL
c	125100	Marketing du lịch	VNH-DL
d	127012	Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch	VNH-DL
35	127054	Tổ chức sự kiện và DL MICE	VNH-DL
36	127039	Tổ chức HD du lịch	VNH-DL
37	127062	Nghiệp vụ KS cơ bản	VNH-DL
38	127063	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	VNH-DL
39	127031	Thiết kế và điều hành tour	VNH-DL
40	127053	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống	VNH-DL
41	Chọn 1 trong 2 học phần		
a	127030	Du lịch sinh thái	VNH-DL
b	127033	Thuyết minh du lịch	VNH-DL
42	Chọn 1 trong 2 học phần		
a	127013	Du lịch cộng đồng & Homestay	VNH-DL
b	127035	Du lịch làng nghề	VNH-DL
43	Chọn 1 trong 2 học phần		
a	127034	DL tôn giáo và tâm linh	VNH-DL
b	127037	Du lịch văn hóa và di sản	VNH-DL
44 46	Chọn 3 trong 4 học phần		
a	151001	Kinh tế du lịch	Kinh tế
b	127078	Quản trị điểm đến du lịch	VNH-DL
c	127017	Kinh doanh du lịch trực tuyến	QTKD
d	127023	Kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch	VNH-DL
III	Thực tập, KLTN/HP thay thế		
47	123190	Thực tập	VNH-DL
	Khoá luận TN/ học phần thay thế		
48 49	Chọn 2 trong 3 học phần		
a	127014	Kinh doanh lữ hành	VNH-DL
b	127059	Thiết kế và phát triển SP du lịch	VNH-DL
c	127079	Khởi nghiệp trong DL	QTKD
		Tổng	

1 1 . Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị quan trọng phục vụ cho ngành du lịch

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần môn học
1	Phòng học tiếng Anh (TOEIC)	07	80	- Ti vi	07	Các học phần tiếng Anh
				- Hệ thống tăng âm	07	
				- Loa đài, đĩa	07	
2	Giảng đường	06	160	- Máy chiếu	06	Các học phần thuộc chương trình đào tạo
				- Hệ thống tăng âm	01	
				- Bảng viết	01	
3	Phòng thực hành máy tính	01	50	- Máy tính	40	- Tin học đại cương
				- Các thiết bị đi kèm	40	
4	Phòng thực hành nghiệp vụ lễ tân	01	50	- Quầy lễ tân		Nghiệp vụ khách sạn cơ bản
				- Máy tính		
5	Phòng thực hành nghiệp vụ buồng	3	50	- Giường ngủ	3	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản
				- Tivi	3	
				- Tủ lạnh	3	
				- Các thiết bị đi	50	
6	Phòng thực hành nghiệp vụ bàn	1	50	- Bàn vuông	3	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn uống
				- Bàn chờ	1	
				- Các loại ly, bát đĩa,....	15	
					100	
7	Phòng thực hành nghiệp vụ lễ hành, hướng dẫn du lịch	01	50	- Máy tính	1	Tổ chức hướng dẫn du lịch Thiết kế và điều hành tour Thuyết minh du lịch Kinh doanh lễ hành
				- Máy chiếu	1	
				- Bản đồ Việt Nam	1	
				- Bản đồ thế giới	1	
				- Kệ tài liệu	1	

11.2. Thư viện:

Trung tâm Thông tin tư liệu cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của Trung tâm không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, Trung tâm đang phục vụ 15.397 đầu sách với số lượng 154.935 bản, 2870 cuốn luận văn, luận án, đề án các loại. Trong đó 365 tài liệu tham khảo thuộc chương trình đào tạo ngành Du lịch.

Năm 2001, Nhà trường đã có thư viện điện tử (phần mềm tra cứu Thư viện Libol) với tài liệu số hóa, ebooks, thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng.

11.3. Giáo trình và tài liệu tham khảo cho các môn học chính

STT	TÊN HỌC PHẦN	GIÁO TRÌNH	TÀI LIỆU THAM KHẢO
1.	Triết học Mác Lênin	1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i> , Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội. Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB CTQG, 2015.	[1] . Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui <i>Giáo trình triết học Mác-LêNin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG; 2005 . Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i> , NXB CTQG, 1997
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> , (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội. 2.2. Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin</i> , NXB CTQG, 2004.	[2] [1]. Văn kiện đảng toàn tập tập tập: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001), NXB CTQG
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	[1]. Bộ GD & ĐT (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý	[1] . Bộ GD & ĐT (2015), <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác - Lê Nin,

		luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.	<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>), NXB CTQG. [3] . Bộ GD & ĐT (2008), <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường ĐH, CĐ</i> , NXB CTQG.
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	[1] . Bộ GD&ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i> , NXB CTQGST. . Bộ GD&ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i> , NXB CTQG.	[1]. Bộ GD&ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III</i> , Nxb CTQG. [2]. Văn kiện Đảng toàn tập tập tập: I,H,m,IV,V,VI,VH,Vm,IX,X,XI,XH, XIII (2002, 2002, [2] 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001, 2001, 2001, 2001) NXB CTQG.
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2] 1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> . NXB Chính trị quốc gia sự thật	[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i> [2] . Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử (10 tập)</i> , NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. [3] . Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. . Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường c ch mạng Việt Nam</i> , NXB Chính trị quốc gia.
6.	Pháp luật đại cương	[3] [1].Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i> , NXB Lao động (Quyển 1).	[1] . Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i> , NXB Chính trị Quốc gia (Quyển 1).. . L ê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i> , NXB Công an nhân dân (Quyển 2).
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	[1] Phạm Viết Vượng [4] (2004), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB. ĐHQG, Hà Nội.	[1] Vũ Cao Đàm (2005), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội. [2] [2]Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), <i>Phương pháp nghiên cứu XHH</i> , NXB. ĐHQG, Hà Nội
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	[1] Trần Ngọc Thêm (1998), <i>Cơ sở văn hoá VN</i> , NXB. GD	[1] Trần Quốc Vượng (2000), <i>Cơ sở văn hoá VN</i> , NXB. GD. [2] Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i> , NXB.VH TT HN
9	Tâm lý học đại cương	1. Nguyễn Quang Uẩn (CB), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (CB) , 2018. <i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i> , NXB ĐHSP.	1. Nguyễn Xuân Thúc (CB) , 2017. <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i> , NXB ĐH SP. 2.Phan Trọng Ngọ (CB), 2005. <i>Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn tâm lý học đại cương</i> , NXB ĐHSP.

10	Các vấn đề xã hội đương đại	1. Phạm Di, 2018. <i>Vấn đề xã hội Lý thuyết và vận dụng</i> , NXB Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội	3. 2. Cát Văn Thành, (1998), <i>Dự báo thế kỉ XXI</i> , Nxb Thống kê, Hà Nội.
11	Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	1. Tập thể (2000), <i>Địa chí Thanh Hoá tập 1</i> : Thanh Hoá, NXB VHTT.	1. Hà Văn Tấn (1990, 1994), <i>Lịch sử Thanh Hóa</i> , Tập 1, tập 2, NXB KHXH, HN . 2. Lê Văn Trường, (2002), <i>Địa lý Thanh Hóa</i> , NXB Thanh Hoá. 4.
12	Tiếng Anh 1	1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson., 2012., <i>English File-Elementary 3rd</i> . Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1) Nguyễn Thị Quyết., 2018., <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1)</i> . Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)	1. Raymond Murphy (2013). <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành</i> . NXB Thời đại
13	Tiếng Anh 2	1. Christina Latham – Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), <i>English File. Pre-intermediate, 3rd edition</i> . NXB Văn Hóa Thông Tin. 2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018). <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B</i> , Nhà xuất bản Thanh Hoá	1. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar In Use</i> . Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại. 2. Cambridge ESOL (2013), <i>Cambridge Preliminary English Test</i> . Cambridge University Press. 3. Cambridge ESOL (2014), <i>Cambridge Preliminary English Test</i> . Cambridge University Press 2.
14	Tiếng Anh 3	1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. <i>English File-Preintermediate 3rd edition</i> . Oxford University Press. (1) 2. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET</i> . Richmond Publishing. (2)	1. Raymond Murphy (1997), <i>Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use</i> , Nhà Xuất Bản Hà Nội (3) 2. Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test</i> , Cambridge University Press (5).
15	Tin học	1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2015, <i>Giáo</i>	1. Lê Thị Hồng (CB) - Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng, 2010. <i>Tin học căn bản</i> ,

		<i>trình tin học cơ sở</i> , NXB ĐHSP.	NXB KH&KT. Hàn Viết Thuận (2007), <i>Giáo trình Tin học đại cương</i> , Nxb ĐHQTKD
16	Môi trường và con người	1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i> . NXB GD	[1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), <i>Giáo trình môi trường và con người</i> , NXB. Giáo dục, Hà Nội. [2] Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13 2. Mai Đình Yên (chủ biên) (1997), <i>Môi trường và con người</i> , NXB. Giáo dục, Hà Nội
17	Tổng quan du lịch	[1].Trần Đức Thanh (2003), <i>Nhập môn khoa học du lịch</i> .	[1]. Võ Văn Thành (2015), Tổng quan
		NXB Đại học Quốc gia HN	du lịch. NXB Văn hoá - văn nghệ [2]. Trần Thị Minh Hoà. (2015) <i>Du lịch Việt Nam thời kỳ đổi mới</i> . NXB Đại học Quốc gia HN.
18	Lịch sử Việt Nam	[1]. Trương Hữu Quýnh (chủ biên) (1998), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội.	1].Nguyễn Quang Ngọc (2002), <i>Tiến trình lịch sử Việt Nam</i> , NXB. Giáo dục Hà Nội. [2].Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (2010), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam</i> , NXB. Giáo dục, Hà Nội. [3].Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (2002), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam (tập 2)</i> , NXB. Giáo dục, Hà Nội
19	Hán Nôm	[1].Đặng Đức Siêu (2007), <i>Ngữ văn Hán Nôm T1, T2</i> , NXB. ĐH Sư phạm, Hà Nội.	[1]. Lê Đình Khẩn (2000), GT nhập môn về thư pháp <i>Chữ Hán những vấn đề cơ bản</i> , NXB ĐHQG TP. Hồ HCM. [2]. Nguyễn Ngọc San (2003), <i>Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm</i> , NXB ĐH Sư phạm..
20	Hệ thống di tích-danh thắng Việt Nam	[1].Đương Văn Sáu (2017), <i>Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam</i> , NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.	[1] Tổng cục Du lịch(2005), <i>Non nước Việt Nam</i> , NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội. [2] Trần Lâm Biền (2017), <i>Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt: vùng Châu thổ Sông Hồng</i> , NXB Hồng Đức. Trần Lâm Biền (2017) <i>Đình làng Việt Nam</i> . NXB Hồng Đức.
21	Các dân tộc Việt Nam	[1]. Đặng Nghiêm Vạn (2003), <i>Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam</i> , NXB. ĐH QG, Hà Nội.	[1]. Nguyễn Quang Ngọc (2002), <i>Tiến trình lịch sử Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội. [2]. Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (2010), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam</i> , NXB. Giáo dục,

			Hà Nội. [3] [3]. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (2002), <i>Đại cương Lịch sử Việt Nam (tập 2)</i> , NXB. Giáo dục, Hà Nội.
22	Phong tục tập quán Việt Nam	[1]. Phan Kế Bính (2001), <i>Việt Nam phong tục</i> , NXB. Văn học, Hà Nội.	[1]. Đào Duy Anh (2003), <i>Việt Nam văn hoá sử cương</i> , NXB. Văn hoá Thông tin, Hà Nội. [2]. Trần Ngọc Thêm (1998). <i>Cơ sở văn hoá Việt nam</i> . NXB Giáo dục, Hà Nội.
23	Văn hóa Đông Nam Á	[1]. Mai Ngọc Chừ (1999), <i>Văn hóa Đông Nam Á</i> , NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.	[1]. Ngô Văn Doanh (1997), <i>Phong tục các dân tộc Đông Nam Á</i> , NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội. [2]. Lương Ninh (chủ biên, 2005), <i>Lịch sử Đông Nam Á</i> , NXB Giáo dục.
24	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam	[1]. Trần Ngọc Thêm (2006), <i>Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam</i> , NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.	[1] Hoàng Lương (2011), <i>Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam - các tỉnh phía Bắc</i> , NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội. [2] Trương Sĩ Hùng (2007). <i>Tôn giáo và văn hoá</i> . NXB Khoa học xã hội. Ngô Đức Thịnh (2018). <i>Tín ngưỡng lễ hội cổ truyền Việt nam</i> . NXB Tri Thức.
25	Lịch sử văn minh thế giới	[1]. Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (2013), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i> , NXB. Giáo dục, Hà Nội.	[3] [1]. Lương Duy Thứ (Chủ biên) (1997), <i>Đại cương văn hóa phương Đông</i> , NXB. Giáo dục, Hà Nội.
26	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	[1]. Nguyễn Thị Huệ (2012), <i>Văn hóa ẩm thực Việt Nam</i> , NXB Thời Đại, Hà Nội.	[1] .Mai Khôi (2000), <i>Văn hóa ẩm thực Việt Nam - Các món ăn miền Trung</i> , NXB Thanh Niên [4] Lò Ngọc Quyên (2012), <i>Văn hóa ẩm thực dân gian</i> , Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
27	Kỹ năng đàm phán	[1]. Đoàn Thị Hồng Vân (2011), <i>Giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống</i> , NXB Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.	[1]. Trần Thúy Anh (Chủ biên) (2004), <i>Ứng xử văn hoá trong du lịch</i> , NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội. [2] [2]. Dale Carnegie (2019), <i>Đắc nhân tâm</i> , NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
28	Tuyến, điểm du lịch Việt Nam	[1].Bùi Thị Hải Yến (2017), <i>Tuyến điểm du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội.	[1]. Phạm Trung Lương (2001), <i>Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội.
29	Tài	[1].Phạm Trung Lương	[1].Bùi Thị Hải Yến (chủ biên) (2011), <i>Tài</i>

	nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	(2001), <i>Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội.	<i>nguyên du lịch</i> . NXB Giáo dục Việt Nam.
30	Tiếng Anh du lịch 1	[1]. Frank Levin. (2016) English for tourism and restaurant 1. NXB Tổng hợp TPHCM	[1] . Frank Levin. (2016) English for tourism and restaurant 2. NXB Tổng hợp TPHCM . Nguyễn Quang. (2013) English course for tourism. NXB ĐH Sư phạm TP HCM
31	Tiếng Anh du lịch 2	[1]. Kiwi Cheng, Owain Mckimm (2016), <i>Specialized English for Tourism</i> , NXB Tổng hợp, Tp. HCM.	[1] . Frank Levin. (2016) English for tourism and restaurant 1. NXB Tổng hợp TPHCM [2] . Frank Levin. (2016) English for tourism and restaurant 2. NXB Tổng hợp TPHCM.
32	Địa lý du lịch Việt Nam	[1]. Trần Đức Thanh (chủ biên) (2017). <i>Giáo trình Địa lý du lịch</i> . NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.	[2] [1]. Vũ Thế Bình (2016), <i>Non nước Việt Nam</i> , NXB Hà Nội.
33	Thực hành tuyển, điểm du lịch 1	[1]. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2016), <i>Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam Travel Atlats)</i> , TN-MT & bản đồ VN.	[1] . Bùi Thị Hải Yến (2017), <i>Tuyển Điểm Du Lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội. [3] . Trần Đức Thanh (chủ biên) (2017). <i>Giáo trình Địa lý du lịch</i> . NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
34	Thực hành tuyển, điểm du lịch 2	[1]. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2016), <i>Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam Travel Atlats)</i> , TN-MT & bản đồ VN	[1] . Trần Đức Thanh (chủ biên) (2017). <i>Giáo trình Địa lý du lịch</i> . NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. [2] . Bùi Thị Hải Yến (2017), <i>Tuyển Điểm Du Lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội.
35	Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch	[1]. Thế Hùng (2013). Văn hoá ứng xử, kỹ năng giao tiếp thành công. NXB Giao thông vận tải	[1] . Joe Vitale (Phúc Lâm dịch) (2019), <i>Thôi miên bằng ngôn từ</i> , NXB Hồng Đức, Hà Nội. [2] . Dale Carnegie (Nguyễn Hiến Lê dịch) (2019), <i>Đắc Nhân Tâm</i> , NXB Hồng Đức, Hà Nội.
36	Phát triển du lịch bền vững	[1]. Nguyễn Đình Hoà, Vũ Văn Hiếu (2001), <i>Du lịch bền vững</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.	[2] [1]. Lê Huy Bá (2009), <i>Du lịch sinh thái</i> . NXB KH&KT.
37	Văn hóa du lịch	[1]. Trần Thúy Anh (2016), <i>Văn hóa du lịch</i> , NXB Giáo dục.	[1] . Trần Thúy Anh (2000), <i>Thế ứng xử cổ truyền với tự nhiên và xã hội của người Việt Châu thổ Bắc Bộ qua ca</i>

			dao, tục ngữ, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội. [3] . Dương Văn Sáu (2017), <i>Văn hóa du lịch</i>, NXB Lao động, Hà Nội.
38	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	Trần Nhoãn (2009). <i>Văn hoá doanh nghiệp</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.	[1] . Phan Huy Xu & Võ Văn Thành (2016). <i>Bàn về văn hóa du lịch Việt Nam</i>. NXB Tổng Hợp TP HCM. [2] . Nguyễn Ngọc Dung (2018). <i>Văn hoá doanh nghiệp trong khách sạn tại Việt Nam</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
39	Pháp luật về du lịch	[1]. Luật du lịch 2017, NXB Lao động	[1] . Nguyễn Văn Lưu, (2013) <i>Du lịch Việt Nam hội nhập trong ASEAN</i>, NXB Văn hóa - TT,. [2] . Bùi Thị Hải Yến, (2013) <i>Quy hoạch Du lịch</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.
40	Quản lý nhà nước về du lịch	[1]. Trường cán bộ Thanh tra Nhà nước, (1997) <i>Một số vấn đề về quản lý nhà nước</i> , NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội,.	[1] . Luật du lịch 2017, Nxb Lao động [2] . Nguyễn Văn Lưu, <i>Du lịch Việt Nam hội nhập trong ASEAN</i>, NXB Văn hóa - TT, 2013.
41	Marketing du lịch	[1]. Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (2013), <i>Giáo trình marketing du lịch</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.	[1]. Philip Kotler (2010), <i>Quản trị Marketing</i>, NXB Thống kê, Hà Nội. [2] [2]. Trần Minh Đạo (2010). <i>Giáo trình Marketing căn bản</i>. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
42	Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch	[1]. Hoàng Trọng & Hoàng Thị Ph ng Thảo (2007) <i>Quản trị chi êu thị (Quản trị truyền thông tiếp thị)</i> , NXB Thống Kê.	[1]. Philip Kotler (2010), <i>Quản trị Marketing</i> , NXB Thống kê , Hà Nội
43	Tổ chức sự kiện và DL MICE	[1] Nguyễn Vũ Hà (2009) <i>Bài giảng Tổ chức sự kiện</i> , Trường Cao đẳng du lịch Hà Nội.	[1] Dương Văn Sáu (2018), <i>Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch</i> , Trường Đại học VHHN, Hà Nội.
44	Tổ chức hướng dẫn du lịch	[1]. Đoàn Hương Lan (chủ biên) (2013), <i>Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i> . NXB Lao động	[1] . Nguyễn Văn Đỉnh & Phạm Hồng Chương (2000), <i>Giáo trình Hướng dẫn du lịch</i>. NXB Thống kê. . Tổng cục du lịch (2013), <i>Tiêu chuẩn Kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS)</i>, <i>Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i>.
45	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản	1. Nguyễn Thị Tú, (2005), <i>Nghiệp vụ phục vụ khách sạn</i> . NXB Thống kê	1. Tổng cục du lịch. <i>Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: Lễ tân</i>. Bộ văn hoá thể thao du lịch. 2015 [2] Tổng <i>Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: Phục vụ buồng</i>. Cục du lịch. Bộ văn

			hoá thể thao du lịch. 2015
46	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	1. Vũ Thị Hòa (2012)(Chủ biên), <i>Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng</i> , NXB Lao động Hà Nội,	1. Vũ Thị Hòa . <i>Bài giảng thực hành nghiệp vụ nhà hàng (lưu hành nội bộ)</i> . NXB Lao động Hà Nội, 2012 2. Tổng cục du lịch Việt Nam, (2018) Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam, <i>Nghiệp vụ nhà hàng</i> . (VTOS)
47	Thiết kế và điều hành tour	[1]. Nguyễn Văn Đức (2011), <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành</i> , NXB Lao động.	[1] . Phạm Hồng Chương (2000), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành</i> , Nxb Thống kê. 2. . Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
48	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống	[1]. Trịnh cao Khải (chủ biên) (2013). <i>Giáo trình Lý thuyết chế biến món ăn</i> . NXB Lao động.	[1] . Hội đồng chứng chỉ nghiệp vụ du lịch (2005). <i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i> . NXB Thanh Niên. [2] . Tổng cục du lịch Việt Nam, 2009 <i>Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam</i> , <i>Kỹ thuật chế biến món ăn Âu</i> . (VTOS).
49	Du lịch sinh thái	[1]. Lê Huy Bá (2009), <i>Du lịch sinh thái</i> , NXB Khoa học và Kỹ thuật.	[2] [1]. Phạm Trung Lương (2001), <i>Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục.
50	Thuyết minh du lịch	[1]. Đinh Trung Ki ên (2006). <i>Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i> . NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.	[3] [1].Trần Văn Mậu (2005), <i>Cẩm nang hướng dẫn viên du lịch</i> , NXB Giáo dục.
51	Du lịch cộng đồng & Homestay	[1]. Bùi Thị Hải Yến (CB) (2012), <i>Du lịch cộng đồng</i> , NXB. Giáo dục, Hà Nội.	[1] Nguyễn Đình Hoà, Vũ Văn Hiếu (2001), <i>Du lịch bền vững</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. [4] Nguyễn Văn Mạnh & Hoàng Thị lan Hương (2013). <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn</i> . NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
52	Du lịch làng nghề	[1]. Vũ Từ Trang (2019), <i>Nghề cổ nước Việt từ truyền thống đến hiện đại</i> , NXB. Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.	[2] [1]. Trần Thúy Anh (2014), <i>Du lịch văn hóa</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam
53	Du lịch tôn giáo và tâm linh	[1]. Dương Văn Sáu (2018), <i>Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch</i> , NXB Lao động.	[1] Nguyễn Trường Tân (2019), <i>Cẩm nang du lịch văn hóa tâm linh Việt Nam</i> , NXB Thanh niên. [3] Lê Thị Tuyết Mai (2017), <i>Du lịch lễ hội Việt Nam</i> , NXB Lao động.
54	Du lịch	[1].Trần Thúy Anh (2014),	[1].Trần Thúy Anh (2016), <i>Giáo trình</i>

	văn hóa và di sản	<i>Du lịch Văn hóa</i> , NXB Giáo dục.	[2] <i>V n hóa du lịch</i> , NXB Giáo dục.
55	Kinh tế du lịch	[1]. Vũ Mạnh Hà (2014). <i>Giáo trình kinh tế du lịch</i> . NXB Giáo dục	[1]. Nguyễn Văn Đính (Chủ biên) (2016). <i>Giáo trình Quản trị marketing</i> . NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
56	Quản trị điểm đến du lịch	Phan Huy Xu & Võ Văn Thành (2018) <i>Du lịch Việt Nam: Từ lý thuyết đến thực tiễn</i> . NXB Tổng hợp TP HCM.	[1] Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (2013), <i>Gi o trình marketing du lịch</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội. Tổng cục Du lịch(2005), <i>Non nước Việt Nam</i> , Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
57	Kinh doanh du lịch trực tuyến	[1]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.	[1]. Nguyễn Trùng Khánh (chủ biên) (2008), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i> . NXB Lao động – xã hội. [2] [2]. Trịnh Xuân Dũng (1996). <i>Đại lý du lịch lữ hành</i> . Trường Du lịch Hà Nội.
58	Kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch	[1]. Sơn Hồng Đức (2012), <i>Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng Resort, lí luận thực tiễn</i> , Nxb Phương Đông.	[1]. Nguyễn Tuấn Ngọc (2010). <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh kh ch sạn</i> . NXB Lao động.
59	Kinh doanh lữ hành	[1]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.	[1] Nguyễn Trùng Khánh (chủ biên) (2008), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i> . NXB Lao động - xã hội . Trịnh Xuân Dũng (1996). <i>Đại lý du lịch lữ hành</i> . Trường Du lịch Hà Nội
60	Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch	[1]. Nguyễn Trọng Đăng và cộng sự (2008). <i>Quản trị doanh nghiệp khách sạn - du lịch</i> . NXB Thống kê.	[1] Trương Đình Chiến (2012). <i>Quản trị Marketing</i> . NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. [2] . Ngô Kim Thanh (2011), <i>Quản trị chiến lược</i> . NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
61	Khởi nghiệp trong du lịch	[1]. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Quản trị chiến lược</i> . NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.	[1] Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2013), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội. [2] . Vũ Mạnh Hà (2014). <i>Gi o trình kinh tế du lịch</i> . NXb Giáo dục [2] . Nguyễn Trọng Đăng và cộng sự (2008). <i>Quản trị doanh nghiệp khách sạn - du lịch</i> . NXB Thống kê.

1 2 . Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả/Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Tạp chí Du lịch	Tổng cục Du lịch	NXB Văn hóa Thông tin	5	- Văn hóa Du lịch - Hệ thống di tích danh thắng Việt Nam - Văn hóa ẩm thực - Tuyển điểm du lịch Việt Nam - Pháp luật về du lịch - Du lịch sinh thái - Marketing du lịch - Xúc tiến và bán sản phẩm du
2	Tạp chí Kinh tế phát triển	Đại học Kinh tế quốc dân	NXB Kinh tế quốc dân	5	- Kinh tế Du lịch - Địa lý du lịch Việt Nam - Văn hóa doanh nghiệp - Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch
3	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	NXB Thời đại	5	- Tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội truyền thống ở Việt Nam - Văn hóa Du lịch - Hệ thống di tích danh thắng Việt Nam
4	Tạp chí Văn hóa dân gian	Viện Nghi n cứu văn hóa	NXB Văn hóa - Thông tin	5	- Tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội truyền thống ở Việt Nam - Các dân tộc Việt Nam - Phong tục tập quán Việt Nam
5	Tạp chí Nghi ên cứu Đông Nam Á	Viện Nghi n cứu Đông Nam Á	NXB Giao thông vận tải	5	- Văn hóa Đông Nam Á - Kiến thức địa ph ng Thanh Hóa - Các dân tộc Việt Nam - Lịch sử văn minh thế giới

6	Tạp chí Di sản	Cục Di sản - Bộ Văn hóa Thông tin	NXB Văn hóa thông tin	5	- Du lịch văn hóa - Hệ thống di tích - danh thắng Việt Nam - Du lịch làng nghề - Du lịch tôn giáo và tâm linh
7	Tạp chí Dân tộc học	Viện Dân tộc học	NXB Văn hóa dân tộc	5	- Hệ thống di tích - danh thắng Việt Nam - Các dân tộc Việt Nam
8	Tạp chí Phát triển bền vững vùng	Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam	NXB Giáo dục	5	- Văn hóa ẩm thực Việt Nam - Tuyến, điểm du lịch Việt Nam. - Phát triển du lịch bền vững - Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam
9	Tạp chí Khoa học	Trường Đại học Hồng Đức	NXB Thanh Hóa	5	- Kiến thức địa phương Thanh Hóa

Chương trình đào tạo Đại học ngành Du lịch xây dựng trên cơ sở chương trình khung ban hành kèm theo Quyết định số 15/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và các Quy định xây dựng chương trình chuyển đổi từ niên chế HP sang học chế tín chỉ của trường ĐH Hồng Đức.

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Tham chiếu chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của một số trường đại học tại Việt Nam và chương trình đào tạo ngành quản lý du lịch và khách sạn của các trường đại học trên thế giới:

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Đại học Khoa học xã hội Nhân văn Hà Nội (<http://ussh.vnu.edu.vn/>)
- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ĐH KHNH TPHCM (<http://hcmussh.edu.vn/>)
- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Đại học Cần Thơ (<https://www.ctu.edu.vn/program.php?mn=5&pr=dh>)
- Chương trình Cử nhân Quản lý du lịch quốc tế (Bachelor of International Tourism Management), Trường Đại học Công nghệ Auckland (Newzealand) , (<http://www.aut.ac.nz/>)

- Chương trình cử nhân quản lý du lịch và khách sạn quốc tế của Học viện Quản lý Châu Á (EASB, Singapore) (<http://www.easb.edu.sg/en/>)
- Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh trong ngành công nghiệp dịch vụ - Đại học Mahidol (Thái Lan) (http://www.muic.mahidol.ac.th/eng/?page_id=16019)

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

13.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;
- Đào tạo hình thức Vừa làm vừa học: Áp dụng theo quy định hiện hành và thời gian đào tạo kéo dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng CTĐT.
- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc Vừa làm vừa học;
- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

13.2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với CTĐT. Trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; Xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của CTĐT. Trưởng các phòng ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

13.3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương học phần và Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của CTĐT.

13.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá CTĐT và điều chỉnh CTĐT.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

13.5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật định kỳ ít nhất một lần trong 5 năm. Trong trường hợp cần thiết phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chương trình đào tạo chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng.

Việc điều chỉnh, cập nhật bổ sung được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Lê Hoàng Bá Huyền